

Trung Phong Tam Thời Hệ Niệm Pháp Sư Toàn Tập Giảng Ký

Phần 16

Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không
Giảng tại: Tịnh Tông Học Viện Úc Châu
Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Chư vị đồng học!

Trong phần trên, chúng ta đã học về mười nguyên của Phổ Hiền Bồ Tát, cũng có thể nói mười nguyên của Phổ Hiền Bồ Tát chính là nguyên chung của các Bồ Tát. Thế nhưng, ngoại trừ những nguyên chung này ra, lại còn có một tổng nguyên, tức là lời nguyên chung của hết thầy chư Phật, ngay cả mười nguyên của Phổ Hiền Bồ Tát cũng chẳng thể tách rời Tứ Hoảng Thệ Nguyên này. Ngay cả bốn mươi tám nguyên của A Di Đà Phật, nếu quy nạp lại thì Tứ Hoảng Thệ Nguyên bao trùm trọn vẹn. Như vậy, Tứ Hoảng Thệ Nguyên là cương lĩnh, triển khai thành vô lượng vô biên đại nguyên của chư Phật, Bồ Tát. Chúng ta đọc bài kệ đầu tiên:

***Chúng sanh vô biên thệ nguyên độ,
Phiên não vô tận thệ nguyên đoạn,
Pháp môn vô lượng thệ nguyên học,
Phật đạo vô thượng thệ nguyên thành.***

眾生無邊誓願度。

煩惱無盡誓願斷。

法門無量誓願學。

佛道無上誓願成。

Trong Tam Thời Hệ Niệm Pháp Sư, Tứ Hoảng Thệ Nguyên được đọc ba lần, mỗi một thời đọc một lần, bốn câu kệ này chúng tôi dành lại, sẽ nói sau. Tiếp đến là bài Tam Bảo Tán, phần tán thán ở đây chính là xưng tán Như Lai. Tam Bảo Tán là tán Phật, tán Pháp, tán Tăng, gọi là Tam Bảo Tán. Bảo (寶) là tỷ dụ, người thế gian có của báu thì cuộc sống rất giàu có, sung sướng, cuộc sống rất hạnh phúc, có thể giải quyết những vấn đề thuộc đời sống vật chất.

Phật - Pháp - Tăng gọi là Tam Bảo, là ba món báu thực sự, vì của cải thế gian chỉ có thể giải quyết những vấn đề trong một đời này, chẳng thể

giải quyết những vấn đề thuộc đời đời kiếp kiếp, càng chẳng thể giải quyết vấn đề sanh tử luân hồi trong lục đạo. Ngoài chuyện luân hồi ra, còn có vấn đề chẳng thể thoát khỏi mười pháp giới, còn có vấn đề chẳng thể chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề, nhiều vấn đề quá! Thế nhưng Tam Bảo là của báu thực sự, chắc chắn của báu thế gian không thể sánh bằng! Vì sao? Vì Tam Bảo có thể giải quyết được vấn đề sanh tử trong lục đạo, giải quyết vấn đề mười pháp giới, có thể giúp chúng ta trong vấn đề chứng đắc Phật quả rốt ráo, đấy mới là đồ báu thực sự!

Nếu chúng ta hỏi Tam Bảo có thể giải quyết vấn đề sinh hoạt trong thực tế hay không thì câu trả lời là khẳng định: “Đương nhiên!” Vì sao? Chuyện trong lục đạo là vấn đề nhỏ nhất, Vô Thượng Bồ Đề là vấn đề lớn. Vấn đề lớn còn giải quyết được thì vấn đề nhỏ nhoi sẽ thấm vào đâu! Rất đáng tiếc, trong thế gian rất nhiều người mê không giác, coi thường Tam Bảo. Tam Bảo chẳng phải ở bên ngoài mà ở ngay nơi Tự Tánh. Phật Bảo là Tự Tánh Giác, Pháp Bảo là Tự Tánh Chánh, Tăng Bảo là Tự Tánh Tịnh, Giác - Chánh - Tịnh Tam Bảo. Giác - Chánh - Tịnh là Tánh Đức; bởi vậy, Tam Bảo chẳng ở bên ngoài, không ai cầu chẳng được, đúng là có cầu ắt ứng. Cầu nơi đâu? Hướng về Tự Tánh mà cầu.

Đức Thế Tôn dạy cho chúng ta lý luận và phương pháp để cầu. Tam Bảo đã hiện tiền thì cũng nói được cảnh giới rất tường tận, rất minh bạch. Cảnh giới ấy chính là thế giới Hoa Tạng, thế giới Cực Lạc, Nhất Chân pháp giới. Như vậy, chỉ có Tam Bảo mới có thể giúp chúng ta chuyển mê thành ngộ, chuyển phàm thành thánh, chuyển Sa Bà thành Cực Lạc, chuyển uế độ thành tịnh độ, chuyển mười pháp giới thành Nhất Chân pháp giới. Đấy mới thực sự là đồ báu! Nay chúng ta hãy xem đoạn thứ nhất, đoạn thứ nhất là tán Phật:

14. Tán tán Phật Bảo

Phật bảo tán vô cùng.

佛寶讚無窮。

(Phật Bảo khen ngợi khôn cùng).

Câu này mang ý nghĩa kép: Phật Bảo nơi Tự Tánh và Phật Bảo trên mặt sự tướng. Phật Bảo về mặt sự tướng thì nêu lên vị gần nhất là Thích Ca Mâu Ni Phật. Vì sao? Nếu Ngài không thị hiện thành Phật, dạy cho chúng ta pháp chân thật Giác - Chánh - Tịnh chân chánh thì chúng ta vĩnh viễn chẳng biết, không ai có thể nói ra cả. Do vậy, tán Phật ở đây bao gồm cả

tán thán Tự Tánh Phật lẫn Sự Tướng Phật. "*Thán vô cùng*": Tự Tánh vô cùng, sự tướng cũng vô cùng.

Công thành vô lượng kiếp trung.

功成無量劫中。

(Thành tựu công phu trong vô lượng kiếp).

Luận trên mặt sự tướng, "công" (功) là công phu tu hành. Phật là do con người tu thành, phải tu bao lâu? Tu trong vô lượng kiếp, không phải là thời gian ngắn. Thoạt nhìn, vô lượng kiếp rất ư là dài, thường khiến cho cái tâm tu học của chúng ta khiếp hãi: "Vô lượng kiếp ư? Đến bao giờ mới thành tựu được nổi?" Trong giáo pháp Đại Thừa, đức Phật dạy: "Không những thời gian là giả, mà không gian cũng chẳng thật!" Thời gian và không gian do đâu mà có? Do từ vọng niệm của chúng ta mà sanh ra, không phải là chân thật. Nếu quý vị chuyển mê thành ngộ thì vô lượng kiếp bèn biến thành một sát-na; nếu mê không giác thì một sát-na liền biến thành vô lượng kiếp. Trong giáo pháp Đại Thừa, đức Thế Tôn giảng về chuyện này rất nhiều, nhất là trong kinh Hoa Nghiêm, chúng ta đọc thấy: "*Mê không giác thì quả thật là vô lượng kiếp, giác không mê thì nhất niệm đốn siêu*" (siêu thoát nhanh chóng trong một niệm). Chuyện này khó lắm! Khó ở chỗ nào? Khó ở chỗ chúng ta chưa buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống được, khó ở chỗ này đây! Lúc nào buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống được thì "*công thành vô lượng kiếp trung*", quý vị bèn thành tựu, vô lượng kiếp không còn nữa. Ai làm được như thế? Thích Ca Mâu Ni Phật làm được, Ngài nêu gương cho chúng ta thấy.

Nguy nguy trượng lục tử kim dung.

巍巍丈六紫金容。

(Thân trượng sáu vàng ròng vời vọi).

Chữ "*nguy nguy*" hình dung sự cao lớn. Lúc Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, thân Ngài cao một trượng sáu thước. Chúng tôi nghĩ một trượng sáu quá cao, hầu như trong hiện tại không có người thứ hai nào cao được như thế. Há chẳng biến thành người khổng lồ ư? Thật ra, phép đo lường của Ấn Độ thời cổ không giống cách đo lường hiện thời của chúng ta. Nếu quý vị xem cuốn Luật Học Tam Thập Tam Chủng Hiệp San (ba mươi loại sách về Giới Luật được in chung lại) của Hoằng Nhất đại sư, sẽ thấy có một chương sách mang tựa đề Châu Xích Khảo (khảo luận về thước đời Châu). Tính theo

thước của người đời Châu sử dụng thì một trượng sáu đại khái chỉ gần bằng sáu tấc (Trung Hoa) của chúng ta hiện thời. Chúng tôi nghĩ nhận định ấy rất hợp lý. Thích Ca Mâu Ni Phật như vậy rất cao, đại khái Phật phải cao từ một mét tám đến một mét chín (thước Tây). So với mọi người thì Phật rất cao nhưng cũng rất bình thường, chứ không như [tính theo] thước tấc hiện tại, một trượng sáu là quá cao!

Màu da nơi thân đức Phật là màu vàng tía¹[1]. Vì thế, câu này nhằm mục đích tán thán, khen ngợi thân sắc Phật, "*nguy nguy trượng lục tử kim thân*". Tướng hảo ấy do đâu mà có? Một con người tâm tốt, tư tưởng tốt, ngôn hạnh tốt, thân sắc của chính người ấy cũng có thể chuyển biến theo ý niệm. Người thế gian coi thân thể và màu da như thế là tôn quý nhất, người thế gian trông thấy tướng ấy bảo là quý tướng. Mỗi một tướng của đức Phật đều là quý tướng, đều được người thế gian vô cùng hâm mộ, hết sức yêu thích, mong cầu nhưng không đạt được tướng ấy. Mỗi một tướng ấy đức Phật đều có đủ. Thế nhưng đức Phật dạy chúng ta: Tướng hảo là quả báo, quả ắt phải có nhân. Tu nhân thế nào sẽ được quả báo như thế ấy. Quý vị thấy đức Phật hiện thân thuyết pháp, dạy chúng ta muốn được tướng hảo thì phải khéo tu hành.

Tướng chuyển theo tâm; thân thể và thể chất cũng chuyển theo tâm. Sự chuyển biến này hết sức nhanh chóng. Ngay cả núi, sông, đại địa, hoàn cảnh cũng chuyển theo tâm, công phu ấy càng phải cao hơn nữa. Nếu chúng ta chia công phu thành ba bậc thì:

1) Thượng đẳng thì hoàn cảnh cư trụ, phong thủy đều chuyển theo.

2) Trung đẳng thì thể chất chuyển biến.

3) Hạ đẳng là tướng mạo biến chuyển. Vì thế, chuyển tướng mạo là dễ dàng nhất. Hễ tướng mạo chuyển thì quý vị sẽ có tín tâm. Từ đây trở đi, quyết định chẳng khởi một ác niệm, quyết định chẳng khởi một tâm bất thiện, dần dần chuyển được thân thể, lại còn có thể chuyển được cảnh giới.

Đến lúc chuyển được cảnh giới thì ngay cả hoàn cảnh nhân sự (quan hệ xã hội, quan hệ giữa con người với nhau) cũng phải chuyển theo. Hoàn cảnh nhân sự là lúc kẻ ác trông thấy quý vị chẳng khởi ác niệm. Khoa học hiện đại đã giảng thông suốt điều này, người Hoa gọi điều này là "*khí phận*", người ngoại quốc gọi là "*tử trường*". Phật pháp gọi "*tử trường*" của quý vị là "*quang*". Chúng ta thường thấy kinh nói "*Phật quang phổ chiếu*"

1[1] Theo từ điển Bách Độ, "tử kim" là một loại hợp kim của vàng, đồng, sắt và kền, có màu sắc vàng hơi ánh màu tía, trông rất chói lọi, nên gọi là Tử Kim. Đây là một loại hợp kim tự nhiên, và là sản phẩm chủ yếu của Nga và Thổ Nhĩ Kỳ. Trong các thành phần của Tử Kim, lượng vàng chiếm từ 58.5% hoặc cao hơn nên Tử Kim rất quý.

(ánh sáng của Phật chiếu khắp); cái được Phật pháp gọi là "*quang*" thì người Hoa gọi là "*khí phận*". Khí phận của quý vị hết sức tử bi, hiền lành, kẻ ác bước vào khí phận của quý vị sẽ bị cảm động, ác niệm tạm thời không sanh, bị quang minh (tức khí phận) của quý vị nhiếp trì, chẳng thể khởi ác niệm. Lúc rời khỏi nơi ấy, rất có thể ác niệm sẽ lại khởi lên; hễ còn thuộc vòng kiểm soát của khí phận thì ác niệm chẳng thể sanh khởi. Đây là thường thức, là thật, chứ không phải giả.

Do vậy, chúng ta thực sự hiểu rõ, mong mọi cảnh giới của chính mình được nâng cao không ngừng thì phải dốc sức nơi tâm hạnh, đó mới là công phu thực sự. Quý vị đổ công nơi kinh giáo, văn tự, nếu chẳng thực hiện được [những điều ấy] thì cũng vô ích, chẳng chuyển được cảnh giới. Xưa kia, thầy Lý thường bảo: "Sanh tử như thế nào thì vẫn là sanh tử đúng như thế ấy! Quý vị học kinh giáo, giảng kinh, thuyết pháp, thì nhiều nhất là vun vén thêm một chút phước đức, thuộc về phước đức chứ không phải là công đức". Công đức giải quyết sanh tử, giải quyết được vấn đề. Công là gì? Thực hiện được thì mới gọi là công phu; không thực hiện được thì chẳng thể gọi là công phu; không có công phu thực sự thì chỉ là tu một chút phước. Phước báo ấy được gọi là "*phước báo hữu lậu*" trong tam giới. Vì sao là hữu lậu? Vì phiền não tập khí chẳng đoạn, nên là hữu lậu. Quý vị tu phước, chưa đoạn tập khí phiền não thì gọi là "*phước báo hữu lậu*". Câu kế tiếp là:

Giác đạo Tuyết Sơn phong.

覺道雪山峰。

(*Giác đạo trên đỉnh núi Tuyết*).

Đây là nói Thích Ca Mâu Ni Phật tu hành. Câu thứ nhất nói về quả, tức quả báo, có quả ắt phải có nhân. Nhân là gì? Nhân là tu hành. Tuyết Sơn là núi Hỷ Mã Lạp Nhã (Himalaya), đây là tỷ dụ. "*Giác đạo*" giống như chót đỉnh Tuyết Sơn. Câu này nói lên sự tu hành chứng quả của lão nhân gia, chứng được Phật quả viên mãn rất rõ, dùng Tuyết Sơn làm tỷ dụ; Tuyết Sơn là rừng núi cao nhất, Thích Ca Mâu Ni Phật tu hành thành tựu [đạt quả vị cao nhất, giống như đỉnh Tuyết Sơn cao nhất trên địa cầu]. Câu kế tiếp là:

***Mi tể ngọc hào quang xán lạn,
Chiếu khai lục đạo hôn mê.***

眉際玉毫光燦爛。

照開六道昏蒙。

*(Ngọc hào quang rạng rỡ giữa mây,
Chiếu sáng rực sáu đường tâm tối).*

Tự mình đã thành tựu thì phải giúp đỡ chúng sanh. Phần trên là tự mình tu hành chứng quả, tự mình chứng quả rồi thì phải giáo hóa chúng sanh. "*Mi tế ngọc hào*" (tướng Bạch Hào đẹp như ngọc giữa hai mây) là một trong ba mươi hai tướng. Chúng ta thường thấy trong kinh nói đức Phật phóng bạch hào quang (quang minh phát xuất từ tướng lông trắng giữa hai mây), trong hào quang có hóa Phật, có hóa Bồ Tát. "*Quang trung hóa Phật vô số ức, hóa Bồ Tát chúng diệc vô biên*", hai câu kệ trong bài Tán Phật như chúng ta thường đọc chính là [nói đến chuyện] bạch hào phóng quang. "*Mi tế ngọc hào*" thường được gọi là Bạch Hào, bạch hào phóng quang.

Câu "*chiếu khai lục đạo hôn mê*" cho thấy vì chúng sanh trong lục đạo có cảm, chư Phật Như Lai bèn có ứng, tức là ứng hóa trong sáu đường, giáo hóa hết thảy chúng sanh. Ứng hóa về mặt Lý hết sức sâu, chúng ta không có cách nào hiểu được; ứng hóa về mặt Sự hết sức huyền diệu, chẳng thể nghĩ bàn! Nên dùng thân nào để độ, bèn hiện thân ấy, bản thân đức Phật tuyệt đối chẳng khởi tâm động niệm "nay ta phải nên hiện thân hình nào", không hề [nghĩ như thế]! Nếu đức Phật khởi tâm động niệm, chẳng phải là đã biến thành phàm phu ư? Phàm phu mới khởi tâm động niệm. Nay chúng ta tham dự bất cứ tiệc tùng nào, trước hết phải khởi tâm động niệm: "Bữa nay mình phải ăn diện như thế nào? Mặc quần áo gì?" Phàm phu khởi tâm động niệm, Phật, Bồ Tát thì không; ngay cả A La Hán ứng hóa trong thế gian đều chẳng khởi tâm, chẳng động niệm.

Không khởi tâm, không động niệm có được chăng? Được chứ! Nay chúng ta thấy rất rõ ràng! Quý vị thấy nước kết tinh đó, nước có khởi tâm động niệm hay chăng? Không có, cứ tự nhiên mà ứng. Chúng ta là chúng sanh, chúng ta tạo sự Cảm cho nó bằng cách viết chữ dán trên bình pha lê, tức là dùng văn tự để cảm, hoặc là dùng âm nhạc, âm thanh để cảm, quý vị liền thấy nó đáp ứng. Chúng ta hữu ý, khởi tâm động niệm là hữu ý; nước lại không, nước phản ứng rất tự nhiên, đạo lý cảm ứng đạo giao đây! Bởi thế, chúng sanh trong sáu nẻo có cầu, đó là Cảm, Phật, Bồ Tát bèn có Ứng. Nguyên lý này chính là "*nhất thiết duy tâm tạo*" (hết thảy chỉ do tâm tạo). Nay chúng ta "*duy tâm tạo*", chúng ta yêu cầu, cầu Phật, Bồ Tát thì Phật, Bồ Tát bèn có cảm ứng.

"*Nhất thiết duy tâm tạo*" nói theo ngôn ngữ thế gian là chân lý tối cao. Rốt cuộc, chúng ta lãnh hội câu này được chừng nào? Đọc hiểu như thế nào? Rất khó! Chớ nên hiểu lầm! Hiểu lầm thì quý vị sẽ phạm sai lầm rất lớn. Trọn pháp giới, hư không giới, các nhà khoa học hiện tại nói tới vô hạn "những chiều không gian khác nhau", chẳng lìa duy tâm, toàn là duy tâm sở

hiện, duy thức sở biến. Nếu quý vị hỏi vì sao mình lại thành ra nông nổi này ư? Bây giờ phải làm thế nào ư? Nay chúng ta đang mê, chưa ngộ, mê vẫn là duy tâm, mà ngộ cũng là duy tâm; nhưng nay chúng ta còn mê chứ chưa ngộ. Mê chứ không ngộ thì phải chịu hết những nỗi khổ trong sáu nẻo. Nằm mộng là duy tâm. Có người ngày nào cũng mơ những giấc mộng đẹp, rất sung sướng; có người ngày ngày gặp ác mộng, đều là duy tâm. Quý vị phải biết: Chúng ta hiện đang ngày ngày gặp ác mộng, Phật, Bồ Tát ngày ngày gặp mộng đẹp. Làm thế nào để biến ác mộng thành mộng đẹp? Quý vị không cầu Phật, Bồ Tát giúp đỡ thì sẽ làm không được, quý vị không biết cách chuyển biến như thế nào. Vì thế, Phật, Bồ Tát giúp đỡ chúng ta rất lớn, ân đức là đây!

Chúng ta có cầu, tức là cảm; Phật, Bồ Tát bèn ứng. Thành tâm, thành ý cầu, cảm ứng rất linh, hể thành kính bèn linh nghiệm. Do vậy, từng câu, từng chữ trong kinh Đại Thừa quyết chẳng được hiểu lầm. Hiểu sai, hiểu lầm, quý vị sẽ phải tiếp tục ở trong lục đạo tam đồ, không biết đến kiếp nào mới có thể quay đầu, mới có thể giác ngộ. Vì thế, phải dùng cái tâm chân thành và tâm cung kính để cầu pháp! Chúng ta phải thực sự hiểu được ý tứ giáo huấn của Phật, Bồ Tát, và thiện tri thức; nếu có ngờ vực thì phải hỏi. Trong lịch sử Phật Giáo Trung Quốc, ngài Triệu Châu đến tám mươi tuổi vẫn còn hành cước. Một cụ già tám mươi vẫn phải đi tham học bên ngoài là vì lẽ gì? Vì chưa đoạn nghi hoặc, phải thân cận thiện tri thức, đến các nơi thỉnh giáo, đoạn nghi sanh tín thì sau đấy công phu mới đắc lực.

Người hiện tại vướng mắc ở chỗ nào? Có nghi hoặc nhưng không chịu hỏi, dường như hỏi thì rất mất mặt, rất áy náy. Đọc kinh, nghe kinh thường hiểu cong queo ý nghĩa. Đó không phải là hiểu học, không trống lòng (hư tâm). Có người dẫu vẫn thỉnh giáo, nhưng thỉnh giáo rất tùy tiện, thiện hữu khai thị cho mình, mình cũng chẳng thể hiểu được. Do đạo lý nào vậy? Ấn Quang đại sư nói rất rõ: Quý vị không hiểu "*một phần thành kính được một phần lợi ích, hai phần thành kính được hai phần lợi ích*". Học sinh hướng về thầy thỉnh giáo, thầy trả lời có rất nhiều người nghe. Học sinh nêu lên nghi vấn, có thể nói là nghi vấn chung của mọi người, thầy trả lời có rất nhiều học trò nghe. Thầy trả lời rồi, có người khai ngộ, có người vẫn chẳng hiểu. Mỗi cá nhân nghe thầy thuyết pháp, mỗi người ngộ khác nhau, quyết định chẳng có hai người giác ngộ giống nhau. Vì nguyên nhân gì vậy? Tâm thái của mỗi người đối với thầy khác nhau. Đây chính là như Ấn Quang đại sư đã giảng: Ai mười phần cung kính thì người ấy được lợi ích mười phần; ai một phần cung kính thì chỉ được một phần lợi ích, không giống nhau!

Trong lịch sử Trung Quốc có một tấm gương rất nổi danh là Liên Trì đại sư. Lúc còn trẻ, Liên Trì đại sư hiểu học. Lúc ấy, có một vị thiện tri thức là pháp sư Biển Dung, trong Cao Tăng Truyện cũng chép truyện vị này. Liên

Trì đại sư hết sức ngưỡng mộ, đến thân cận pháp sư Biển Dung. Đi đến dưới ngọn núi của ngài Biển Dung bèn bắt đầu tam bộ nhất bái (cứ đi ba bước là một lạy), Ngài không đi thẳng lên núi gặp pháp sư Biển Dung mà là vừa đi vừa lạy. Cứ ba bước một lạy, lạy mãi cho đến đại điện gặp pháp sư Biển Dung. Lúc đó, chúng tại gia và xuất gia rất đông đều ở cạnh pháp sư Biển Dung. Trông thấy ngài Liên Trì cung kính dường ấy, lạy dưới tòa lão hòa thượng, cầu lão hòa thượng khai thị. Lão hòa thượng nói sao?

Pháp sư Biển Dung chỉ nói một câu: "*Người chớ để danh văn lợi dưỡng làm hại!*" Người xung quanh nghe vậy đều cười, cười chuyện gì? Cười con người kiền thành lạy từng bước đến đây, lão hòa thượng chẳng có diệu pháp gì để ban cho; đây là câu nói tầm thường nghe đã nhảm tai! Câu nói thông thường quá, mọi người nghe như gió thoảng qua tai. Thành tựu cả đời của Liên Trì đại sư, trở thành một vị tổ sư nổi tiếng của Tịnh tông, theo chính Ngài nói ra là nhờ một câu cảnh tỉnh ấy của pháp sư Biển Dung. Đây chính là như Ấn Quang đại sư đã nói: "*Mười phần thành kính*" cho nên đối với tổ Liên Trì mà nói thì Ngài được mười phần lợi ích nơi câu nói ấy. Những kẻ ở quanh lão hòa thượng thường nghe, nghe riết như gió thoảng qua tai, họ chẳng có tâm cung kính, nên chẳng đạt được lợi ích.

Lão hòa thượng không có gì bí mật để truyền cho Ngài, chỉ nói giữa đám đông hiện diện, vì sao Ngài được lợi ích, người khác không được lợi ích? Ở đây quý vị có thể hiểu: Đúng là một phần thành kính được một phần lợi ích, mười phần thành kính được mười phần lợi ích. Ngày ngày ở cạnh lão hòa thượng, chẳng có tâm cung kính đối với lão hòa thượng, lợi ích gì cũng chẳng đạt được; một người từ phương xa tới, do mười phần thành kính nên được mười phần lợi ích. Phải khéo suy gẫm chuyện này, rồi hãy hồi quang phản chiếu: Bản thân ta học Phật vì sao không được lợi ích? Tôi lại thưa cùng quý vị: Học trò của Chương Gia đại sư rất đông, học trò của tiên sinh Phương Đông Mỹ cũng đông, học trò của lão cư sĩ Lý Bình Nam càng khỏi cần phải nói nữa; trong cả đồng học trò như thế, có mấy người được thành tựu? Vì nguyên nhân nào? Vì tâm thái đối với thầy không giống nhau.

Cổ nhân nói "*tôn sư trọng đạo*". Tôn sư trọng đạo chẳng phải là trên hình thức mà là tâm hạnh. Quý vị nghe lời thầy dạy dỗ, thực sự thực hiện thì sẽ được lợi ích; nghe lời thầy giáo huấn nhưng không thể áp dụng vào cuộc sống thường nhật của chính mình thì vô ích, lợi ích gì cũng không đạt được! Quý vị thực hiện một phần sẽ được một phần lợi ích, thực hiện hai phần bèn được hai phần lợi ích, thực hiện mười phần sẽ được lợi ích viên mãn, không có gì khác cả! Do vậy, thành Phật rồi phải ứng theo lòng cảm của chúng sanh, giáo hóa hết thầy chúng sanh khổ nạn. "*Lục đạo hôn mê*" (sáu nẻo tối tăm) không có trí huệ, mê hoặc, điên đảo; đúng là lục đạo chúng sanh mê chứ không giác, tà chứ không chánh, nhiễm chứ không tịnh.

Long Hoa tam hội nguyện tương phùng.

龍華三會願相逢。

(Nguyện gặp gỡ trọn ba hội Long Hoa).

Những câu trên nói về Phật Thích Ca, từ ngữ "*Long Hoa tam hội*" ở đây nói đến Phật Di Lặc. Quý vị thường niệm Vô Lượng Thọ kinh, nhất định quý vị phải hiểu rằng: Thích Ca Mâu Ni Phật diệt độ rồi, sứ mạng hoằng pháp lợi sanh trong tương lai được phó thác cho Di Lặc Bồ Tát. Trong tương lai, Di Lặc Bồ Tát phải từ trời Đâu Suất giáng hạ nhân gian, thị hiện thành Phật. "*Long Hoa tam hội*" chính là đại hội hoằng pháp của Di Lặc Phật. Phàm những ai tu tập, tích lũy thiện căn trong thời Chánh Pháp, Tượng Pháp, Mạt Pháp, tức pháp vận một vạn hai ngàn năm của Thích Ca Mâu Ni Phật, nhưng chưa thành tựu trong pháp vận của đức Thế Tôn, thì trong tương lai, lúc Di Lặc Bồ Tát thành Phật, những người ấy sẽ đều thành tựu. Nói cách khác, nhân được trồng trong hội của Thích Ca Mâu Ni Phật, quả hiện tiền trong Long Hoa tam hội. Do vậy, rất nhiều người nghe kinh dạy như thế, ai nấy đều cầu sanh vào Tịnh Độ của Phật Di Lặc, hy vọng tương lai được chứng quả nơi pháp hội của Di Lặc Bồ Tát, chứng quả A La Hán, chứng quả Bích Chi Phật, chứng quả Bồ Tát. Điều này tuyệt lắm, nhưng rất khó đạt được!

Diễn thuyết pháp chân tông.

演說法真宗。

(Diễn nói pháp chân tông).

"*Pháp chân tông*" ở đây là gì? "*Chân tông*" là niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Nói cách khác, trong tương lai, Di Lặc Phật xuất thế sẽ thành tựu những người tu nhân gieo thiện căn nơi Thích Ca Mâu Ni Phật như thế nào, dùng phương pháp gì để thành tựu họ? Vẫn cứ là giảng pháp môn Tịnh Độ y như cũ, vẫn cứ giảng kinh Vô Lượng Thọ, kinh Quán Vô Lượng Thọ, kinh Phật Thuyết A Di Đà y như cũ, dạy mọi người niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, thành tựu họ như vậy đó. Khi chúng tôi giảng kinh Vô Lượng Thọ đã nói về "*pháp chân tông*" rất nhiều. Di Lặc Bồ Tát tương lai thành Phật sẽ giảng kinh gì? Sẽ giảng pháp môn nào? Vẫn chủ yếu là giảng ba kinh Tịnh Độ.

Do đây biết rằng: Niệm Phật cầu vãng sanh như thế, tức là đến thời Di Lặc Phật mới vãng sanh thì gần như là năm mươi sáu ức bảy ngàn vạn năm. Chúng ta đợi đến năm mươi sáu ức bảy ngàn vạn năm rồi mới niệm Phật

vãng sanh, chẳng bằng hiện tại vãng sanh ư? Trong hội Di Lạc sẽ thành tựu như thế nào? Vẫn là niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới y như cũ. [Hãy so sánh giữa] hiện tại niệm Phật vãng sanh và đến hội Di Lạc mới niệm Phật vãng sanh, quý vị vãng sanh trong hiện tại trở thành đàn anh, vượt lên trước quá nhiều, những người kia rớt lại đằng sau. Rớt lại đằng sau cũng khá rồi! Chỉ cần vãng sanh là khá rồi. Những ý nghĩa được bao hàm trong bài tán tụng này rất sâu, rất rộng, tùy thuộc quý vị lãnh ngộ như thế nào! Quý vị phải thực sự ngộ, trong hiện tại hãy nỗ lực, gấp rút vãng sanh thế giới Cực Lạc.

Pháp sự này dành cho những vong nhân (người đã khuất) nghiệp chướng sâu nặng, trong một đời này còn chưa thể quay đầu, vẫn chưa giác ngộ, phó chúc họ rốt cuộc được thành tựu nơi đức Phật kế tiếp. Vì thế, câu nào, chữ nào cũng đều mang ý nghĩa kép. Chúng ta phải đại triệt đại ngộ! Đại triệt đại ngộ ở đây không phải là minh tâm kiến tánh mà là trong một đời nhất định phải vãng sanh, chớ nên bỏ lỡ cơ hội này! Nếu bỏ lỡ thì phải đợi đến khi gặp Di Lạc Bồ Tát trong tương lai, cũng có nghĩa là phải đợi năm mươi sáu ức bảy ngàn vạn năm sau, thời gian ấy thật là dài quá! Trong thời gian dài như thế, thầy Lý thường nói: Quý vị khó tránh khỏi lưu chuyển trong lục đạo, trong lục đạo (đặc biệt là tam đồ) phải chịu khổ nạn. Sau phần tán tụng lại có một phen khai thị, chúng ta hãy xem một đoạn khai thị:

15. Khai thị

Nhân nhân phần thượng, bốn hữu Di Đà, cá cá tâm trung, tổng vi Tịnh Độ. Liễu tắc đầu đầu kiến Phật, ngộ lai bộ bộ Tây Phương.

人人分上。本有彌陀。箇箇心中。總為淨土。了則頭頭見佛。悟來步步西方。

(Bản thân ai nấy vốn sẵn Di Đà, trong tâm mỗi người đều là Tịnh Độ. Hiểu thì thời thời thấy Phật, ngộ thì bước bước Tây Phương).

Trong đoạn này, "liễu" (了) là hiểu rõ. Thiền sư Trung Phong dạy chúng ta: "*Nhân nhân phần thượng, bốn hữu Di Đà*" (bản thân ai nấy vốn sẵn Di Đà), tức là nơi bản thân mỗi người pháp đã vốn sẵn là như thế. Đây là điều hết sức tự nhiên, xét trên căn bản của mỗi người, Di Đà chính là tự tâm, ở phần trên đã giảng rồi: Di Đà là tâm ta, tâm ta chính là Di Đà. Tự tâm và tự tánh được chúng tôi nói đến ở đây rất dễ bị hiểu lầm, do cứ tưởng tự tâm là cái tâm suốt ngày từ sáng đến tối suy nghĩ lung tung của chúng ta. Không sai! Cái tâm suy nghĩ lung tung ấy chính là Di Đà, nhưng là Di Đà đã bị điên

đảo, đã bị mê rồi, đã không còn biết chính mình, đã bị luân hồi trong lục đạo. Giác là Di Đà, mê là phàm phu.

"*Cá cá tâm trung, tổng vi Tịnh Độ*" (Trong tâm mỗi người đều là Tịnh Độ): Hễ giác thì Tịnh Độ hiện tiền, hễ mê thì uế độ hiện tiền. Cõi nước không có uế hay tịnh, trong tánh chẳng có phàm hay thánh, chẳng có chúng sanh, chẳng có Phật. Chúng sanh hay Phật, tịnh hay uế chỉ do Thức biến, chỉ là hết thảy pháp từ tâm tưởng mà sanh. Tâm thanh tịnh, Tịnh Độ hiện tiền; tâm chẳng thanh tịnh, uế độ hiện tiền. Tâm giác ngộ, phàm phu thành Phật; tâm mê hoặc, vĩnh viễn làm phàm phu. Đây chính là ý nghĩa của hai câu trên đây!

"*Liễu tặc đầu đầu kiến Phật*" (hiếu thì thời thời thấy Phật); "*liễu*" là giác ngộ, là hiểu rõ. Giác ngộ rồi, "*bộ bộ Tây Phương*" (mỗi bước là Tây Phương) Câu đầu (tức câu "*liễu tặc đầu đầu kiến Phật*") là chuyển phàm thành thánh, quý vị thấy Phật tức là thành Phật. Quý vị không thành Phật làm sao thấy được Phật? Quý vị thấy Bồ Tát thì chính là thành Bồ Tát. Thiện Tài đồng tử tham học năm mươi ba lần là một thí dụ hay nhất. Ngài tự chứng được Sơ Trụ, bèn thấy Sơ Trụ Bồ Tát – tỳ-kheo Cát Tường Vân là Sơ Trụ Bồ Tát. Ngài chứng được Nhị Trụ bèn gặp tỳ-kheo Hải Vân, ngài Hải Vân là bậc Nhị Trụ. Bản thân quý vị tự chứng được Đẳng Giác mới thấy được Đẳng Giác Bồ Tát. Thế nhưng Tây Phương thế giới khác biệt ở chỗ nào? Quý vị chưa chứng đắc, nhưng sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng có thể thấy được những vị Bồ Tát ấy thật chẳng thể nghĩ bàn, là pháp khó tin, thực sự là pháp môn đặc biệt!

Người tin có phước, người không tin chẳng có phước báo; nếu họ cật lực tu, tu cần mẫn trong vô lượng kiếp, tu đến khi minh tâm kiến tánh, sanh vào thế giới Hoa Tạng, lại gặp Văn Thù, Phổ Hiền dùng mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc. Người chịu tin sẽ thành tựu rất nhanh, không chịu tin phải tiến chậm chậm. Tiến đến bao giờ mới tin được? Đẳng Địa (từ Sơ Địa trở lên) mới tin được. Kinh Hoa Nghiêm dạy: "*Thập Địa Bồ Tát thì chung bất ly niệm Phật*" (Thập Địa Bồ Tát từ đầu đến cuối chẳng rời niệm Phật). Câu này là khẳng định: Đến khi nào mới không hoài nghi, hoàn toàn tin tưởng? Đến bậc Thập Địa. Địa vị đầu tiên trong Thập Địa là Sơ Địa, bắt đầu, mở đầu là Sơ Địa, cuối cùng là Đẳng Giác. Mười một địa vị này từ đầu đến cuối không rời niệm Phật, đối với lời khuyên bảo của Văn Thù, Phổ Hiền không hoài nghi mảy may.

Điều này cho thấy trong thế giới Hoa Tạng, Bồ Tát thuộc địa vị Tam Hiền vẫn chưa nhất định thực sự tin tưởng, phải là "đẳng địa" (từ Sơ Địa trở lên) mới tin tưởng. Vì sao? Trí huệ đã khai, là bậc đại trí huệ, không phải là tiểu trí huệ. Đẳng Địa là Ma Ha Tát, không phải là Bồ Tát tầm thường. Ma Ha Tát không có vấn đề, vừa nghe nói các Ngài bèn hoàn toàn tin tưởng, bèn niệm

Phật cầu sanh Tịnh Độ. Nếu nay chúng ta ở trong thế giới này, ai nghe nói đến pháp môn này mà không hoài nghi chút nào, hoàn toàn chịu tu tập, thì nói cách khác, người ấy không khác gì bậc Bồ Tát từ Sơ Địa trở lên, người ấy thành tựu chẳng thể nghĩ bàn!

Nói thật ra, người thế gian bị thua thiệt chỗ nào? Tự cậy mình thông minh, không chất phác. Tự cho mình thông minh, không biết bao nhiêu lần bỏ lỡ cơ duyên tốt đẹp, không chịu trống lòng, không chịu buông cái thân mình xuống, đều là tôn sùng tham - sân - si - mạn, những thứ ấy hại mình thâm trọng. Đâu ra chẳng bằng những ông già bà cả trong làng quê, một chữ không biết, gặp được thiện tri thức dạy niệm A Di Đà Phật, họ bèn chết sạch lòng mong ngóng, khiêm hư sát đất, không do dự, không hoài nghi, rốt cuộc họ thành công. Chúng ta thấy bao nhiêu người đứng mất, ngồi mất, biết trước lúc mất, không sanh bệnh, tướng lành hy hữu. Kẻ tự cậy mình thông minh, chẳng thể sánh bằng những người ấy được, kém xa! Vì thế, "đầu đầu kiến Phật" (luôn luôn thấy Phật) là chuyển phàm thành thánh, "bộ bộ Tây Phương" (bước bước Tây Phương) là chuyển uế thành tịnh. A! Nay đã đến giờ rồi!

*

Chư vị đồng học!

Chúng ta tiếp tục xem phần khai thị của thiền sư Trung Phong:

Thượng lai khai kiến tam thời hệ niệm tịnh nghiệp đạo tràng, kim đương đệ nhất thời Phật sự dĩ viên.

上來啟建三時繫念淨業道場。今當第一時佛事已圓。

(Từ trước tới đây đã tạo lập đạo tràng tịnh nghiệp Tam Thời Hệ Niệm, nay nhằm lúc Phật sự thời thứ nhất đã viên mãn).

Tiếp theo phần Khai Thị, thiền sư Trung Phong bèn nói: Trên đây là thời thứ nhất trong việc thực hiện Tam Thời Hệ Niệm Pháp Sự, thời thứ nhất đến chỗ này đã viên mãn.

Như thượng thù huân.

如上殊勲。

(Công huân thù thắng như trên).

Chữ "như thượng" chỉ những điều chúng ta đã thấy trong những phần trên: Lễ tán đúng là lễ kính, tán thán, tụng kinh, niệm chú, khai thị, sám hối, phát nguyện, xưng dương Phật Bảo. Những pháp sự này đều là vì siêu

độ vong linh, đến đây là thời thứ nhất. "*Như thượng thù huân*": Huân (勳) là công huân (meritorious deed, achievement), Thù (殊) là thù thắng, người đồng đường ấy cùng nhau thực hiện. Nhất là trong Tam Thời Hệ Niệm Phật Sự, trừ vị pháp sư xuất gia lãnh chúng ra, đại chúng tham dự rất đông, tứ chúng đồng tu đều tham gia, đúng là Vô Già pháp hội^{2[2]}. Bao nhiêu người như thế vì vong linh chúc phước, vì người đã khuất trợ niệm, đây là công đức thù thắng.

Đầu nhập Di Đà đại nguyện hải trung.

投入彌陀大願海中。

(Gieo vào trong biển đại nguyện Di Đà).

Di Đà đại nguyện là bốn mươi tám nguyện, nguyện nào cũng nhằm độ chúng sanh khổ nạn thuộc chín pháp giới khắp cùng pháp giới, hư không giới. [Đại nguyện của Phật] Di Đà được xưng là "*nguyện hải*". Công đức của chúng ta đã tu tương ứng với Di Đà nguyện hải, đây chính là "*đầu nhập Di Đà đại nguyện hải trung*" (gieo vào trong biển đại nguyện Di Đà).

Chuyên vì vong linh cầu sanh Tịnh Độ.

專為亡靈求生淨土。

(Chuyên vì vong linh cầu sanh Tịnh Độ).

Hệ Niệm Pháp Sự này chẳng vì chuyện gì khác, mà "*chuyên vì*" giúp cho "*vong linh cầu sanh Tịnh Độ*". "*Chuyên vì*" là một lễ, những người được siêu độ kè rất nhiều, tức là những ai có duyên. Có duyên thì ngay khi ấy sẽ cùng nhau được siêu độ. Bởi thế, thông thường chúng ta hồi hướng, quán tưởng hết thầy chúng sanh trong chín pháp giới. Nếu là người tâm lượng lớn hơn nữa thì hồi hướng, quán tưởng hết thầy thần linh trọn khắp pháp giới, hư không giới. Chúng ta có thể quán tưởng như thế thì họ đều được lợi ích. Đây chính là điều đức Phật đã thường dạy trong giáo pháp Đại Thừa: "*Nhất thiết pháp tùng tâm tướng sanh*" (hết thầy pháp sanh từ tâm tướng), cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn! Tiếp đó, thiền sư lại vì chúng ta khai thị, lời khai thị này rất quan trọng, đều nhằm mục đích khơi gợi cho chúng ta:

^{2[2]} Vô Già pháp hội (Pancavarsika Maha): Pháp hội thực hành tài thí và pháp thí bình đẳng, không phân biệt hiền thánh, tăng tục, sang hèn, trên dưới. "Vô Già" (còn đọc là Vô Giá) nghĩa là khoan dung, không ngăn ngại, thường được cử hành năm năm một lần. Phong tục này được bắt đầu từ thời vua A Dục (Asoka) ở Ấn Độ. Trong quá khứ, vào thời Lương, nhằm tháng 10 năm 529 cũng cử hành Tứ Bộ Vô Già Đại Hội tại chùa Đồng Thái (theo Phật Quang tự điển).

Đản niệm tự tùng vô thi, ngật chí kim sanh.

但念自從無始。迄至今生。

(Chỉ nghĩ kể từ vô thi cho đến đời này).

Đúng là từ vô thi kiếp mãi cho đến ngày nay.

Nhất niệm vi chân, lục căn trục vọng, tùy tình tạo nghiệp, túng ngã vi phi.

一念違真。六根逐妄。隨情造業。縱我為非。

(Một niệm trái nghịch chân, sáu căn đuổi theo vọng, theo tình tạo nghiệp, buông lung cái Ngã làm quấy).

Tiểu đoạn này hết sức cảm khái, thống thiết sám hối. Chúng ta từ vô thi kiếp đến nay, mãi cho đến đời này, đến tận ngày hôm nay "*nhất niệm vi Chân*" (một niệm trái nghịch lẽ Chân), tức là khởi Hoặc. "*Nhất niệm*" là gì? Là khởi tâm động niệm. Nếu hiểu Chân Tâm, bản tánh sẽ chẳng khởi tâm động niệm, vĩnh viễn là tướng tịch diệt, tướng thanh tịnh tịch diệt, sở chứng nơi quả địa Như Lai vốn tịch. Một niệm vọng động bèn thành vô minh, động một cái là phiền phức xảy ra liền!

"*Lục căn trục vọng*" (sáu căn đuổi theo vọng), sáu căn lập tức bị mê. Khi mê bèn khởi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, Căn, Trần, Thức đều hư vọng không thật. Trong Bách Pháp Minh Môn Luận, chúng đều được gọi là "pháp hữu vi". Tám thức, năm mươi một Tâm Sở [là pháp hữu vi]. Sáu căn và sáu trần thuộc về Sắc Pháp, tám thức, năm mươi một Tâm Sở thuộc về Tâm Pháp, lại còn có Bất Tương Ứng Hành Pháp^{3[3]}, toàn bộ đều là hư vọng. Chúng ta mê mất chân tánh, "*vi Chân*" (trái nghịch Chân): "*Chân*" là chân tánh, tức là Tự Tánh. Sau khi mê thì niệm niệm đều chuyển trong hư vọng.

"*Tùy tình tạo nghiệp, túng Ngã vi phi*" (Mặc tình tạo nghiệp, buông lung cái Ngã làm quấy): "*Tình*" là gì? Tình chính là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, tức tình thức! "*Túng Ngã vi phi*" (buông lung cái Ngã làm quấy):

3[3] Bất Tương Ứng Hành Pháp gọi đủ là Tâm Bất Tương Ứng Hành Pháp. Chữ Tâm chỉ tám thức (tâm vương), Hành có nghĩa là dời chuyển hay tạo tác. Như vậy, Tâm Bất Tương Ứng Hành Pháp là các pháp dời chuyển, tạo tác nhưng chẳng tương ứng với Tâm. Nói cách khác, những pháp này là khái niệm trừu tượng, không thể xếp vào Sắc Pháp mà cũng chẳng thể xếp vào Tâm Pháp. Tâm Bất Tương Ứng Hành Pháp gồm 24 món: Đắc, Mạng Căn, Chúng Đồng Phận, Dị Sanh Tánh, Vô Tướng Định, Diệt Tận Định, Vô Tướng Dị Thực, Danh Thân, Cú Thân, Văn Thân, Sanh, Lão, Trụ, Vô Thường, Lưu Chuyển, Định Dị, Tương Ứng, Thế Túc, Thứ Đệ, Thời, Lực, Số, Hòa Hợp Tánh và Bất Hòa Hợp Tánh.

Ngã chính là cái thân này, thân miệng tạo nghiệp. Tình là mê tình, điều gì cũng cho mình là đúng. Trong những buổi giảng, chúng tôi thường nói là “tùy thuận phiền não, tập khí”; ở đây gọi là “*tùy tình tạo nghiệp*”, nghiệp được tạo ở đây là ý nghiệp, “*túng Ngã vi phi*” là khẩu nghiệp và thân nghiệp. Câu này là nói tổng quát, câu tiếp theo lại nói riêng [từng nghiệp].

Thân nghiệp tắc sát, đạo, tà dâm.

身業則殺盜邪婬。

(Thân nghiệp thì giết, trộm, tà dâm).

Đây là ba nghiệp nơi thân. Mê mất Tự Tánh, tự nhiên sẽ tạo ác nghiệp. Phạm vi bao hàm của Sát rất rộng. Hễ tổn người lợi mình đều thuộc về Giết và Trộm. Hại người là thuộc về Sát, đoạt lấy danh lợi của người khác là Trộm. Thân tạo nghiệp giết, trộm, dâm.

Khẩu quá tắc vọng ngôn.

口過則妄言。

(Lỗi nơi miệng là nói dối).

Vọng ngữ là cố ý lừa dối người khác.

Ý ngữ.

綺語。

(Nói thêu dệt).

Hoa ngôn xảo ngữ dụ dỗ mê hoặc người khác. Hiện thời Ý Ngữ là chuyện rõ ràng nhất, người thế gian gọi Ý Ngữ là gì? Là Văn Nghệ. Hiện tại biểu diễn văn nghệ, ca múa, hí kịch, âm nhạc, mỹ thuật, nay lại còn có điện ảnh, truyền hình, quý vị thấy nội dung của chúng là gì? Là Ý Ngữ! Dụ dỗ mê hoặc con người, dụ dỗ mê hoặc quý vị làm gì? Dụ dỗ mê hoặc con người làm chuyện “giết, trộm, dâm, dối”. Sức dụ hoặc bên ngoài hết sức mạnh mẽ, dùng truyền hình, dùng Internet đưa đến tận nhà, quý vị bị những thứ này nhiễm ô.

Lưỡng thiệt, ác khẩu.

兩舌。惡口。

(Nói đôi chiều, nói thô ác).

"*Lưỡng thiệt*" là khuấy động thị phi, dù hữu ý hay vô ý cũng đều là thích phê bình người khác, hủy báng người khác, tán dương bản thân, trong giới luật Đại Thừa gọi là [tội] "*tự tán, hủy tha*" (khen mình, chê người). Câu này nói về lưỡng thiệt, ác khẩu, tức miệng tạo nghiệp. Ý là ý niệm.

Ý ác tắc thường khởi tham - sân, thâm sanh si ái.

意惡則常起貪瞋。深生痴愛。

(*Ý ác thì thường nổi tham - sân, sanh lòng yêu mến si mê sâu xa*).

Tham - sân - si: Mười ác nghiệp này (tức ba nghiệp nơi thân, bốn nghiệp nơi miệng và ba nghiệp nơi ý) ai có thể tránh được? Trong một ngày, ai có thể không tạo mười ác nghiệp? Đừng nói chi nhiều, một ngày thôi, ngày hôm nay từ sáng dậy đến tối đi ngủ, trong một ngày, vẫn chưa đủ hai mươi bốn tiếng đồng hồ, trừ lúc quý vị ngủ ra không tính. Tính từ buổi sáng sáu giờ thức dậy cho đến buổi tối quý vị đi ngủ, đến mười hai giờ đêm bèn đi ngủ, trong mười mấy tiếng đồng hồ ấy, quý vị có thể không tạo mười ác nghiệp hay không? Một ngày không tạo mười ác nghiệp, công đức rất lớn. Nếu quý vị có thể trong cả một đời không tạo mười ác nghiệp thì quý vị là Bồ Tát, chẳng phải là phàm nhân, phàm nhân không thể làm được như thế.

Ngày nay chúng ta học Phật, học Phật là học điều gì? Học chuyển phàm thành thánh, phải bắt đầu chuyển từ đâu? Không tạo mười ác nghiệp. Giảng kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo, chúng tôi đã giảng mười ác nghiệp rất tường tận. Kinh Vô Lượng Thọ cũng giảng rất tường tận. Với mười giới của Sa Di Luật Nghi, quý vị hãy chú tâm xem xét, nghiêm túc nỗ lực học tập, phải khắc phục những ý niệm bất thiện và hành vi bất thiện của chính mình thì trong một đời này quý vị mới có lối ra; cầu sanh Tịnh Độ mới thực sự có thể làm được. Nếu như mười ác không đoạn thì những thứ ấy sẽ là phiền lụy của quý vị, những phiền lụy ấy khiến cho quý vị chẳng thể vãng sanh. Quý vị niệm Phật cũng không vãng sanh được, vì sao? Những thứ phiền lụy ấy giống như dây trói, buộc chặt quý vị trong lục đạo, không ra được, quý vị phải cắt đứt những thứ ấy. Quá khứ vô tri, ngày ngày tạo nghiệp; nay đã giác ngộ, quyết định chẳng bại, thà bỏ thân mạng cũng chớ nên làm mười điều ác.

Nói thật ra, không đếm xỉa tới thân mạng nữa. Ta bỏ thân mạng, không tạo mười ác nghiệp, đời sau mình sanh lên cao; dầu không niệm Phật, không cầu sanh Tịnh Độ thì quý vị cũng được sanh vào Thiên Đạo. Nếu quý vị tham sống sợ chết, vẫn cứ tạo mười ác nghiệp y như cũ, đời sau sanh vào ba ác đạo: Tâm tham biến thành ngạ quỷ, sân khuể đọa địa ngục, ngu si biến thành súc sanh. Quý vị phải thọ sanh nơi đâu? Thọ sanh trong ba

đường ác. Vì thế, đối với chuyện này, mỗi tối trước khi đi ngủ phải tự hỏi lòng mình sẽ biết ngay tương lai mình sanh trong đường nào, không cần hỏi ai khác. Người khác nói gì đi nữa cũng không thể tin tưởng được, tự mình hỏi chính mình là đáng tin cậy nhất! Mỗi ý niệm trong tâm đều là A Di Đà Phật, không có tham - sân - si, không có thị - phi, nhân - ngã. Tôi nói là "không tự tư tự lợi, không tham - sân - si - mạn", người như vậy là người thuộc thế giới Cực Lạc, không còn là người trong thế giới Sa Bà nữa, niệm niệm chỉ có A Di Đà Phật. Bởi thế, những thứ đó (tức mười ác nghiệp) phiền toái rất lớn.

Do tư tam nghiệp.

由茲三業。

(Do ba nghiệp này).

Ba nghiệp này hễ một nghiệp khởi thì cả ba nghiệp đều khởi, không phải chỉ một nghiệp đơn độc khởi.

Câu tỏa vọng duyên.

鉤鎖妄緣。

(Vọng duyên lôi trói).

"Vọng duyên" là cảnh giới bên ngoài. Trong tâm khởi phiền não cùng ác duyên bên ngoài tập hợp, đấy là tạo nghiệp. Tạo nghiệp phải thọ báo.

Thường cốt cốt ư trần lao.

常汨汨於塵勞。

(thường chìm lỉm trong trần lao)

"Trần lao" là lục đạo, nếu nói khó nghe hơn thì là tam đồ. "Cốt cốt" là trầm luân, thường chìm đắm trong tam đồ. "Trần" là nhiễm ô, nhiễm ô nghiêm trọng. "lao" là nhọc nhằn, phiền lụy, khổ sở.

Đản mang mang ư tuế nguyệt.

但茫茫於歲月。

(Chỉ mờ mịt cùng năm tháng).

"Mang mang" là không bờ bến, chúng ta thường nói là đời này đời sau chịu khổ bao kiếp. Quả thật, tam ác đạo, đức Phật đã nói rất nhiều lần, quý

vị bước vào thì dễ, thoát ra rất khó! Nếu đọa địa ngục thì [thời gian] từ địa ngục thoát ra phải được tính bằng kiếp, ngàn quý đạo cũng rất nghiêm trọng. Súc sanh đạo ngu si, quý vị đừng vì thọ mạng của súc sanh tội hồ không dài [mà cho là không nghiêm trọng], chúng cố chấp, rất ngu si, đọa vào súc sanh đạo bèn chấp thân ấy là thân của chính mình; từ đấy trở đi, chúng không ý niệm đổi lấy thân khác.

Từ kinh điển chúng tôi đọc thấy Thích Ca Mâu Ni Phật tại Kỳ Thụ Cấp Cô Độc Viên trông thấy một tổ kiến, đức Phật nhìn rồi mỉm cười, những đại đệ tử chung quanh Phật thấy Ngài nhìn tổ kiến mỉm cười bèn hỏi Thích Ca Mâu Ni Phật vì sao lại cười lũ kiến? Phật dạy:

- Các ông có biết chăng? Lũ kiến trong tổ này, bảy đức Phật đã nhập diệt rồi mà chúng vẫn còn làm kiến.

Nào phải là lũ kiến có thọ mạng dài lâu như thế đâu! Chúng ta giả thiết cứ mỗi một đức Phật là ba đại A Tăng Kỳ kiếp thì bảy vị Phật là hai mươi một đại A Tăng Kỳ kiếp, lũ kiến ấy vẫn làm kiến. Nguyên do vì đâu? Chết đi, vẫn cứ đầu thai làm kiến như cũ. Đời đời kiếp kiếp không đổi thân kiến. Bảy đức Phật đã nhập diệt rồi, đức Phật cười lũ kiến ngu si! Đó là nói về súc sanh đạo, đọa súc sanh đạo cũng dễ lắm, thế nhưng muốn giác ngộ trong đường súc sanh nào phải là chuyện dễ! "*Mang mang ư tuế nguyệt*" (mịt mờ cùng năm tháng).

Dục tư xuất ly, duy bằng sám hối huân tu chi lực.

欲思出離。唯憑懺悔熏修之力。

(Nghĩ muốn thoát lìa, chỉ có cách nhờ vào sức huân tu sám hối)

Muốn thoát ly ba ác đạo thì phải "*sám hối huân tu*". Thế nhưng không dễ gì sám hối là vì chấp trước, vô cùng chấp trước, lúc đọa ba ác đạo là lúc tham - sân - si - mạn nghiêm trọng nhất. Người khác bảo cho nghe chuyện gì tốt, vẫn cứ hoài nghi, không tin tưởng: Ông nói vậy là có ý gì? Có phải ông tính lừa tôi hay chăng? Đa nghi, hay nghi, khiến cho thiện căn, phước đức, nhân duyên của chính mình đều bị chướng ngại. Nay nhiều thiện tri thức như vậy cùng ở một chỗ tu pháp sự Tam Thời Hệ Niệm, giúp đỡ chúng sanh khổ nạn. Mỗi một thời đều sám hối, hy vọng những vong linh đều có thể tùy hỷ; họ trông thấy, nghe thấy đều giác ngộ, cùng mọi người tu pháp sám hối. Huân tu: Chúng tôi thường nói là "trường thời huân tu". Cách thức như thế này:

Tỷ nhãn, nhĩ, ty, thiệt, thân, ý chi quá khiên, ứng niệm đốn tiêu.

俾眼耳鼻舌身意之過愆。應念頓消。

(Mong những tội lỗi nơi mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, ngay lập tức nhanh chóng tiêu tan).

Tiêu nghiệp chướng chỉ có phương pháp này: Khiến cho quý vị đối với những lỗi lầm nơi mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, thực sự sám hối những tội lỗi ấy (phần trên gọi là "*tùy tình tạo nghiệp*"), thực sự được Phật pháp huân tu. Đại chúng cùng hợp sức lại, thiện tâm, thiện nguyện gia trì, hy vọng những lỗi lầm nơi sáu căn của các vị, tức những lỗi lầm nơi mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý "*ứng niệm đốn siêu*" (ngay lập tức tiêu tan nhanh chóng). Ngay lập tức tiêu tan nhanh chóng là thật, chỉ sợ điều gì? Chỉ sợ người ấy không ứng, chẳng hoàn toàn tương ứng với pháp sự này. Nếu tương ứng thì sẽ tiêu trừ rất nhanh chóng, tội chướng liền tiêu.

Sử sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp chi phù trần, tức thời thanh tịnh.

使色聲香味觸法之浮塵。即時清淨。

(Khiến cho phù trần sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp ngay lập tức thanh tịnh).

Đây là nói về quả báo. "*Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp*" là sáu trần, chín pháp giới khác nhau. "*Phù trần*" sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp của nhân gian khác với ngạ quỷ đạo. Sáu trần sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp của ngạ quỷ đạo lại khác với địa ngục đạo, do cảm quả báo mà! Giống như trong thế giới hiện hữu của chúng ta đây, sáu trần sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp khác với sáu trần trong thế giới Cực Lạc. Vì sao khác nhau? Do nghiệp khác nhau. Do vậy nói: Sáu căn tạo nghiệp có nặng hay nhẹ sai khác. Tạo nghiệp nhẹ thì cảnh giới sáu trần tốt hơn một chút; tạo nghiệp nặng thì cảnh giới tệ hơn. Chúng ta thường gọi [cảnh giới] là hoàn cảnh sống, tạo thiện nghiệp nhiều, ác nghiệp ít thì hoàn cảnh sống tốt đẹp; tạo ác nghiệp nhiều thiện nghiệp ít thì hoàn cảnh sống không tốt, tai nạn lại nhiều.

Hiện tại trong thế gian này, vì sao tai nạn lại nhiều đến thế? Chúng ta hiểu rất rõ ràng, minh bạch: Do cộng nghiệp chiêu cảm. Người sống trên quả địa cầu này, người tạo nghiệp bất thiện rất nhiều, người tạo thiện nghiệp quá ít. Bởi thế, tần số thiên tai nhân họa không ngừng tăng thêm, tai nạn ngày càng nghiêm trọng hơn. Quý vị hiểu rõ sự lý nhân quả này thì tự nhiên sẽ thấu hiểu: Chúng ta phải tự cứu, phải giúp đỡ người khác. Làm cách nào đây? Phải bắt đầu từ chính bản thân mình, đoạn ác, tu thiện, sửa lỗi, đổi mới, hy vọng tội chướng của chính mình tiêu trừ, hy vọng hoàn cảnh

của chúng ta sẽ chuyển biến thanh tịnh hơn. Tiếp đó, kinh văn dạy chúng ta phát nguyện:

Hựu Cực Lạc cầu sanh.

又極樂求生。

(Lại cầu sanh Cực Lạc).

Nay chúng ta phải nghĩ cầu sanh về thế giới Cực Lạc.

Toàn bằng phát nguyện.

全憑發願。

(Hoàn toàn nhờ vào phát nguyện).

Câu nói này không khác gì lời Ngẫu Ích đại sư nói cả. Ngẫu Ích đại sư nói: "*Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới được hay chẳng, quyết định ở chỗ có tín nguyện hay không?*" Chúng ta tin chân thành, nguyện thiết tha thì được vãng sanh; phẩm vị cao hay thấp là do công phu niệm Phật sâu hay cạn. Cầu sanh "*toàn bằng phát nguyện*" (hoàn toàn nhờ vào phát nguyện), nguyện chân thật, tin thiết tha. Chúng ta phải thật lòng, tin thực sự, nguyện thiết tha niệm bài kệ phát nguyện này thì mới có thể cảm động quỷ thần. Cảm động được quỷ thần bèn có lợi ích. Bản thân chúng ta tín nguyện không thật, không thiết tha, quý vị dùng ý niệm ấy niệm bài kệ này sẽ chẳng cảm nhận được lợi ích rất lớn. Đối với chuyện này, hiện nay không ít đồng học đã đọc cuốn sách nói về nước kết tinh, cuốn sách ấy đã chứng minh điều sau đây:

Tâm chân thành, thành tâm, thành ý dùng ý nghĩ tốt lành đối với một chén nước; thực sự dùng thiện tâm, thiện ý, tâm chân thành, chuyển những ý niệm tốt lành của chúng ta đến nước, xa đến đâu cũng không ngại. Bọn họ đã từng làm thí nghiệm: Đặt một chén nước trên bàn làm việc trong sở, gọi điện thoại thông báo cho năm trăm người sống ở những chỗ khác nhau trên toàn quốc cùng một lúc - thời gian rất quan trọng - cùng một thời gian, đại khái chỉ cần chừng ba phút thôi, tự mình dùng thành ý, tâm chân thành, dùng thiện ý nói với chén nước ấy: "Người rất trong sạch, chúng ta rất vui thích, rất cảm tạ người". Lặp lại câu ấy mấy lượt trong vòng ba phút, sau đấy đem nước đó đi xét nghiệm, nước kết tinh hết sức đẹp đẽ.

Như vậy, ý niệm không có khoảng cách thời gian hay không gian, thí nghiệm trên đã chứng minh điều này! Chúng ta giúp cho chúng sanh trong chín pháp giới, giúp đỡ hết thảy quỷ thần chẳng thể không thành tâm thành ý. Tâm quý vị không chân thành, nguyện không thiết tha, quỷ thần cười

cột: “Người bày trò đùa, người không thực sự làm!” Quý vị đùa bỡn họ, họ cũng chọc ghẹo lại quý vị. Vì thế, chân thành, bình đẳng, chánh giác, từ bi phải được bồi dưỡng trong cuộc sống thường nhật. Chúng ta sống chân thành, dùng chân tâm xử sự, dùng chân tâm thành ý để đãi người tiếp vật, một điều chân thật thì hết thảy điều chân thật, một sự thành thực thì hết thảy mọi sự thành thực, có như vậy mới có thể chuyển được cảnh giới của chính mình: Chuyển ác thành thiện, chuyển mê thành ngộ, đến rốt cục là chuyển phàm thành thánh, chuyển Sa Bà thành Cực Lạc. Chúng ta cầu sanh Tịnh Độ như thế thì mới hòng nắm chắc [chuyện vãng sanh], một đời này học Phật mới không luống uổng, chắc chắn có thành tựu.

Quý vị có thành tựu thì đối với thầy, đối với bạn lành, đối với hộ pháp, quý vị mới là thực sự cảm kích. Do vậy, điều kiện tiên quyết của báo ân là tri ân, thế nào là tri ân? Thực sự nhận cái ân ấy. Nay báo quý vị báo ân, nhưng sao chẳng sanh khởi ý niệm gì cả? Do nguyên nhân nào? Do không cảm nhận ân đức, về căn bản là quý vị chẳng tri ân. Tri ân là quý vị phải hoàn toàn thực hiện được lời Phật dạy dỗ, đấy mới là tri ân. Tâm biến đổi, tư tưởng biến đổi, hành vi biến đổi, có vậy mới là tri ân. Ai giúp quý vị biến đổi? Thiện tri thức giúp mình biến đổi, hộ pháp giúp mình chuyển biến, hết thảy chúng sanh giúp mình biến chuyển. Trên báo bốn ân nặng, dưới cứu khổ ba đường, cái tâm ấy phải thực sự sanh khởi. Vì vậy, cầu sanh Tịnh Độ “toàn bằng phát nguyện” (hoàn toàn nhờ vào phát nguyện).

Ngưỡng lao pháp chúng.

仰勞法眾。

(Xin nhọc sức pháp chúng).

Quý vị thấy đó: Giọng điệu trong câu này rất khẩn thiết, rất khiêm tốn, rất tôn trọng người khác! Ngài là bậc đại đức minh tâm kiến tánh, chẳng phải là hạng người tầm thường. Đại chúng là phàm phu, “*thỉnh*” đại chúng hãy vui lòng, “*ngưỡng lao*” (xin nhọc sức) tôn kính đến cùng cực! Từ điều này, quý vị đã thấy nguyện lễ kính chư Phật trong mười nguyện Phổ Hiền ở phần trên! “*Pháp chúng*” là đại chúng tham gia pháp hội.

Dị khẩu đồng âm.

異口同音。

(Khác miệng cùng âm).

Mọi người chúng ta hãy cùng vì vong linh chúc phước.

Kính vì vong linh chí tâm sám hối phát nguyện.

敬為亡靈至心懺悔發願。

(Kính vì vong linh chí tâm sám hối phát nguyện).

Điều chúng ta sắp làm đây trong kinh Phật thường gọi là "*vị nhân diễn thuyết*" (vì người diễn nói). Chúng ta vì vong linh biểu diễn, vì họ thuyết pháp, vì hết thảy quý thần, vì chúng sanh trong chín pháp giới "*sám hối phát nguyện*". Sám hối là vì họ biểu diễn, vì họ thuyết pháp. Dưới đây là bài kệ sám hối, tức bài kệ sám hối của Phổ Hiền Bồ Tát.

16. Sám hối, phát Tứ Hoằng Thệ Nguyện

Vãng tích sở tạo chư ác nghiệp.

往昔所造諸惡業。

(Xưa kia trót tạo bao nghiệp ác).

Hai chữ "*vãng tích*" có thể tính ngược lên đến vô thủy kiếp trước, từ vô thủy kiếp cho đến ngày nay đã làm vô lượng vô biên ác nghiệp. Phải thực sự hiểu được chân tướng sự thật thì mới có thể lãnh hội câu nói trong Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện Kinh: "*Diêm Phù Đề chúng sanh, khởi tâm động niệm, vô phi thị tội*" (Chúng sanh Diêm Phù Đề khởi tâm động niệm không gì chẳng phải là tội). Trước hết là thừa nhận, tỏ bày sám hối, ta từ quá khứ cho đến hiện tại đã tạo vô lượng vô biên ác nghiệp.

Giai do vô thủy tham sân si.

皆由無始貪瞋痴。

(Đều do vô thủy tham sân si).

Vì đâu chúng ta tạo nghiệp? Vì sao Phật, Bồ Tát không tạo nghiệp? Phật, Bồ Tát không có tham - sân - si, chúng ta chẳng đoạn tham - sân - si. Từ vô thủy kiếp đến nay, tham - sân - si không đoạn. Tham - sân - si là căn bản tạo nghiệp.

Tùng thân ngữ ý chi sở sanh.

從身語意之所生。

(Từ thân miệng ý phát sanh ra).

Đây chính là nghiệp nhân. Tham - sân - si là mê, mê rồi sẽ khiến cho thân - khẩu - ý của chúng ta tạo tác mọi thứ bất thiện, tổn người, lợi mình. Thế gian thường nói "*tổn người lợi mình*", thật ra nói như vậy là sai, phải nói như thế nào? Tổn người hại mình mới là đúng! Nếu tổn người lợi mình thì tốt quá rồi! Nếu tổn người lợi mình thì Phật, Bồ Tát đều làm hết rồi, tổn người có thể lợi mình thì ai lại chẳng muốn làm cơ chứ? Tổn người chắc chắn hại mình, bởi thế, Phật, Bồ Tát không làm. Quý vị tưởng tổn người thì mình được lợi đôi chút, nhưng đấy chỉ là cái lợi nhỏ nhoi trước mắt. Lợi ấy quý vị hưởng được mấy ngày? Hưởng xong, quả báo về sau là tam đồ. Bởi thế, tổn người nhất định hại mình, tự mình hại mình thâm trọng, khiến cho chính mình đọa lạc trong tam đồ, đọa lạc địa ngục, khổ chẳng thể nói nổi!

Ở trong địa ngục lúc nào mới thoát ra được? Thăm thăm không kỳ hạn. Lúc còn sống không biết, tưởng mình chiếm được tiện nghi, đâu biết mình bị thiệt thòi lớn lắm. Những người bị quý vị hại, nếu họ không có tội lỗi, họ bị quý vị hại, người ta sanh lên trời, hoặc là đời sau lại sanh làm người. Hãy nghĩ xem: Quý vị có hại được họ hay không? Không hại được họ, mà hại chính mình. Tương lai sau khi thoát khỏi địa ngục rồi, thoát khỏi ngạ quỷ rồi, vẫn phải biến thành súc sanh trả nợ. Quý vị hại người, tương lai người ta đòi nợ mình, báo này đền báo kia, đúng là "*thiếu mạng phải đền mạng, thiếu tiền phải trả tiền*".

Nếu quý vị thực sự thông đạt nhân quả ba đời thì tâm sẽ bình. Như vậy rồi mới thực sự biết bất cứ ai sống trên thế gian này muốn chiếm tiện nghi thì chẳng hề có chuyện đó đâu! Nếu bảo là bị thua thiệt thì cũng chẳng có chuyện ấy đâu! Vì sao? Quả báo đền trả thông suốt ba đời. Hiện tại dường như chúng ta bị thua thiệt; tương lai người ta phải đền nợ, đã trả nợ còn đeo thêm tiền lời. Phật, Bồ Tát, A La Hán có Thiên Nhân Thông, trong kinh đức Phật dạy chúng ta: "*Thiên Nhân, Túc Mạng của bậc A La Hán biết được năm trăm đời*". Các Ngài thấy được nhân quả năm trăm đời của lục đạo chúng sanh trong thế giới Sa Bà, nghiệp nhân quả báo! Địa vị chúng ngộ càng cao hơn, năng lực càng lớn hơn, đến quả địa Như Lai hoàn toàn không có chướng ngại. Vô lượng kiếp của vô lượng kiếp, Phật thấy rõ ràng, minh bạch.

Do tham - sân - si là gốc của hết thảy ác nghiệp nên chúng được gọi là Tam Độc. Chúng ta trong có Tam Độc, lại bị bên ngoài dụ dỗ, mê hoặc, bị những cảnh giới bất thiện ấy dụ dỗ, mê hoặc, khiến cho thân - ngữ - ý làm ác. Làm ác chắc chắn không thể tránh khỏi ác báo. Bởi thế, nếu quý vị thành tâm thành ý niệm bài kệ này, ắt sẽ ulla, ắt phải cảm động.

Kim đôi Phật tiền cầu sám hối.

今對佛前求懺悔。

(Nay đối trước Phật xin sám hối).

Nay chúng ta đối trước tượng Phật, Phật là bậc đại trí, đại giác, đại từ, đại bi, cầu Phật chứng minh, con nay thực sự sám hối. Chẳng phải là cầu Phật tha tội, Phật chẳng thể tha tội cho quý vị được. Nếu quý vị cầu Phật tha tội thì quan niệm ấy hoàn toàn sai lầm! Cầu Phật chứng minh, từ nay trở đi con hối cải. Sám hối chính có nghĩa là sửa đổi lỗi lầm, sau này không gây tạo nữa, Phật chứng minh cho con, ý nghĩa là như thế. Chỗ này chẳng được hiểu lầm kéo rồi cứ cầu Phật, cầu Bồ Tát tha tội, tha thứ cho mình. Phật, Bồ Tát đâu có trách móc quý vị. Phật, Bồ Tát chẳng bận tâm quý vị đã làm chuyện gì đâu! Quý vị tự làm tự chịu, ai quản quý vị được? Nay chính bản thân chúng ta phải thống thiết phát nguyện, sửa lỗi, đổi mới, đoạn ác, tu thiện, cầu Phật, Bồ Tát chứng minh, cầu Phật, Bồ Tát gia trì. Sợ chính mình không có năng lực, vẫn cứ không thể chống lại dụ dỗ, mê hoặc y như cũ, nên cầu Phật, Bồ Tát oai thần gia trì. Khi dụ dỗ, mê hoặc hiện diện, Phật, Bồ Tát sẽ khiến cho mình cảnh giác cao độ, không còn làm ác nữa. Đây chính là ý nghĩa của câu "*kim đối Phật tiền cầu sám hối*" (nay đối trước Phật cầu sám hối). Sám hối xong lại phát nguyện:

Chúng sanh vô biên thế nguyện độ.

眾生無邊誓願度。

Muốn được như Phật thì ta phải học theo Phật, phải làm giống như Phật. Nguyện của Phật là phổ độ chúng sanh, phát tâm, phát nguyện, thực sự nghĩ đến chuyện tạo lợi ích cho hết thảy chúng sanh. Chúng sanh vô lượng vô biên, ở đây bao gồm chúng sanh trong chín pháp giới, gồm trọn khắp pháp giới, hư không giới. Nếu nói như kinh Hoa Nghiêm thì là chúng sanh trong trùng trùng vô tận pháp giới. Ta khởi tâm động niệm nghĩ đến họ, giúp cho họ phá mê khai ngộ, giúp họ viên thành Phật đạo. Đây là bốn nguyện của hết thảy chư Phật, Bồ Tát. Nay chúng ta cũng phải phát đại nguyện giống như thế. Phát được đại nguyện ấy, phi thường thay! Mười phương ba đời tất cả hết thảy chư Phật Như Lai đều bảo hộ quý vị, vì sao? Quý vị đồng tâm, đồng nguyện, chí đồng đạo hợp với các Ngài. Quý vị là đồng chí của các Ngài, Phật, Bồ Tát lẽ đâu không hộ niệm! Hết thảy thiện thần vị nào không ủng hộ? Quý vị không cầu Phật hộ niệm, Phật vẫn hộ niệm; không cầu thiện thần ủng hộ, thiện thần vẫn bảo hộ. Vì sao? Nguyện ấy phi thường lắm!

Thế nhưng khi chúng ta niệm câu này có phát được nguyện ấy hay không? Không phát! Sao biết là mình không phát? Kẻ kia mình ghét lắm, không lẽ quý vị nói "*chúng sanh vô biên thế nguyện độ*" ngoại trừ kẻ đó; dưới đó bèn mở ngoặc: "Trừ kẻ đó ra"; lẽ nào có đạo lý như vậy được! Do vậy, chúng ta ngày ngày niệm nhưng không phát nguyện. Hễ phát thì phải làm sao nữa? Nguyện để dẫn hạnh, phát nguyện rồi thì phải có hành vi tiếp theo sau đó. Miệng phát nguyện, chẳng có hành vi tiếp theo thì nguyện ấy là giả, là trống rỗng. Nói khó nghe hơn là "*dối mình, lừa người*": Dối gạt bản thân mình, dối gạt Phật, Bồ Tát, dối gạt chúng sanh, quý vị phải gánh cái tội gì? Mở mắt thao láo mà nói dối! Chúng ta phải hiểu điều này.

Với nguyện này, Phật, Bồ Tát không có vấn đề gì, các Ngài có trí huệ, có năng lực, có phước báo, quả thật có thể độ hết thảy chúng sanh; nay chúng ta phát nguyện này, không có trí huệ, cũng không có đức hạnh, cũng không có phước báo, lấy gì giúp đỡ người khác đây? Hoàn toàn không có năng lực, làm sao giúp đỡ người khác cho được? Tùy hỷ! Thấy người khác làm việc tốt, chúng ta hoan hỷ, tán thán, chúng ta làm được chuyện này. Chỉ cần tận tâm, dốc tận sức của chính mình thì công đức viên mãn. Do vậy, thực sự phát nguyện này xong, thiện tâm sẽ sanh khởi, thiện niệm sanh khởi, thiện hạnh cũng sanh khởi, tự nhiên có thể sửa lỗi đổi mới. Câu tiếp theo:

Phiền não vô tận thế nguyện đoạn.

煩惱無盡誓願斷。

Thực sự phát đại nguyện này thì trước hết chính mình phải đoạn phiền não, thành tựu đức hạnh của chính mình. Giáo học của Khổng lão phu tử gồm bốn khoa, thứ nhất là đức hạnh, thứ hai là ngôn ngữ, thứ ba là "biện sự" (nay chúng ta gọi là năng lực về mặt kỹ thuật), thứ tư mới là văn học. Theo thứ tự ấy, đầu tiên là đức hạnh. Đức hạnh nghĩa là trước hết phải là thiện nhân. Căn bản của thiện nhân là ba thiện căn: không tham, không sân, không si. Nếu trừ sạch tham - sân - si thì quý vị mới là thiện nhân thực sự, con người như vậy mới không làm ác.

Tất cả hết thảy thiện pháp thế gian đều sanh từ những căn cội không tham, không sân, không si này. Tất cả hết thảy tội ác trong thế gian, tất cả hết thảy ác nghiệp đều sanh từ Tam Độc tham - sân - si. Tham - sân - si sanh ra ác nghiệp, nên được gọi là Tam Độc. Vô tham, vô sân, vô si gọi là ba thiện căn, sanh ra tất cả hết thảy thiện nghiệp thế gian. Trước hết quý vị phải đoạn phiền não, trong phần trên đã gọi phiền não là "*vô thí tham - sân - si*", trước hết phải đoạn những thứ ấy. Phải đoạn sạch tham - sân - si - nghi - mạn từ vô thí kiếp đến nay.

Đoạn trừ phiền não rồi phải học pháp môn. Nếu quý vị không có học vấn sẽ không có bản lãnh, không cứu người khác được, không thể giúp đỡ người khác thật hữu hiệu được. Như vậy, đoạn phiền não chính là thành tựu đức hạnh của chính mình rồi mới học pháp môn, theo thứ tự thuận. Từ xưa đến nay tổ sư đại đức yêu cầu chúng ta phải thâm nhập một môn, trường thời huân tu là vì lẽ gì? Để đoạn phiền não chứ không có chi khác cả! Phiền não đoạn sạch, trí huệ mở mang. Rồi lại:

Pháp môn vô lượng thệ nguyện học

法門無量誓願學。

Trí huệ chưa khai phát, học pháp môn sao được? Phiền não đoạn sạch rồi, pháp môn phải khéo tu. Cuối cùng là:

Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành.

佛道無上誓願成。

Ý nghĩa bài kệ này vẫn giảng chưa xong, buổi học sau chúng tôi sẽ giảng tiếp. Bây giờ hết giờ rồi!

Tập 47

Chư vị đồng học!

Chúng ta lại tiếp tục phần Tứ Hoằng Thệ Nguyện:

***Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ,
Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn,
Pháp môn vô lượng thệ nguyện học
Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành.***

眾生無邊誓願度。

煩惱無盡誓願斷。

法門無量誓願學。

佛道無上誓願成。

Trong tiết trước đã giảng hai câu đầu của bài kệ này, chúng ta hãy xem tiếp hai câu kế đó. Do bài kệ này là tổng nguyện (nguyện tổng quát, nguyện chung) của hết thầy chư Phật Như Lai, là thứ tự tu hành của hết

thầy Bồ Tát, là cương lĩnh tổng chỉ đạo; chúng ta sơ học thì phải khởi sự học từ đâu? Thứ nhất là phải phát nguyện, nguyện nếu thực sự phát thì hành sẽ không khó. Nói thật ra, Tứ Hoảng Thệ Nguyên thực sự chỉ gồm có mỗi một câu "*chúng sanh vô biên thệ nguyện độ*"; ba nguyện sau hoàn toàn nhằm để viên mãn cái nguyện thứ nhất này nên mới có.

Làm thế nào để có thể phổ độ chúng sanh? Hết thầy chúng sanh khổ nạn trọn khắp pháp giới, hư không giới, ta có năng lực giúp đỡ hay chẳng? Chư Phật Như Lai, Pháp Thân Bồ Tát đều có năng lực, có tâm nguyện ấy, vẫn phải cần một điều kiện khách quan. Điều kiện khách quan gì vậy? Chúng sanh phải bằng lòng tiếp nhận, tức là có Cảm. Chúng sanh chịu tiếp nhận là có Cảm, không chịu tiếp nhận là không có Cảm. Không có Cảm thì không có Ứng, quý vị nhất định phải hiểu đạo lý này: Có Cảm bèn có Ứng! Cảm là chúng ta bằng lòng tiếp nhận oai thần của Phật, Bồ Tát gia trì.

Cũng có nhiều đồng học muốn hỏi: Chúng tôi đều rất vui lòng, đều mong mỏi Phật, Bồ Tát giúp đỡ chúng tôi; cố sao Phật, Bồ Tát không đến? Chương Gia đại sư lão nhân gia đã nói rồi đó: "Bản thân chúng ta có chướng ngại". Chẳng phải là Phật, Bồ Tát không đến, mà vì chính mình có chướng ngại, các Ngài không gia trì được. Phải hiểu đạo lý này, không phải là Phật, Bồ Tát chẳng linh; Phật, Bồ Tát linh đến cùng cực! Nghiệp chướng tập khí của chính mình quá nặng, chúng ta cầu Phật, Bồ Tát đến giúp đỡ mình, hoàn toàn là tư tâm, hoàn toàn là tự lợi. Tự tư tự lợi là đại chướng ngại, không có cách nào hết, không cách gì cảm thông cả. Nếu chúng ta không vì chính mình, không vì tự tư tự lợi, mà vì chúng sanh thì chúng ta cầu Phật, Bồ Tát gia trì không có chướng ngại chi hết. Ý niệm vừa chuyển, đại công vô tư, cũng có thể nói là ý niệm của quý vị tương ứng với ý niệm của Phật, Bồ Tát, tương ứng với tánh đức.

Ở đây, thiền sư Trung Phong khai thị, do Ngài là bậc đại đức trong Thiền Tông, là bậc đại thiện tri thức đại triệt, đại ngộ, minh tâm kiến tánh, nên dù nói rất rõ ràng, nông cạn, vẫn có ý vị sâu xa. Dẫu cho chúng ta vừa nghe dường như hiểu liền, chứ thực sự ra chưa hiểu. Cũng giống như bài kệ sám hối của Phổ Hiền Bồ Tát, Tứ Hoảng Thệ Nguyên của chư Phật Như Lai chúng ta đọc quá quen thuộc, tự hồ hiểu rồi, thật ra chưa hiểu. Vì sao chưa hiểu? Vì chưa thể thực hiện, chưa làm được. "*Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ*" mà mình vẫn còn oán hận rất nhiều chúng sanh, chán ghét chúng sanh, tuyệt đối chẳng thể độ họ được. Do vậy, không có được nguyện này. Nguyện này không có thì ba nguyện sau đó chắc chắn chẳng có. Đó là đạo lý nhất định.

Nếu quý vị thực sự phát cái nguyện này thì "*chúng sanh vô biên thệ nguyện độ*". Thứ nhất là mở rộng tâm lượng, thực sự giống như chư Phật, Bồ Tát: Tâm bao thái hư, lượng châu sa giới. Thứ hai phải khẳng định oán

thân bình đẳng, mới có thể dùng tâm chân thành, thanh tịnh, bình đẳng đối với hết thảy chúng sanh trọn khắp pháp giới, hư không giới; có như vậy thì cái nguyện của quý vị vừa phát mới thực sự được phát. Thực sự phát nguyện xong, niệm niệm mong thực hiện, ta thực sự làm được, để có thể thực sự làm được thì trước hết phải tu sửa chính mình. Trong kinh giáo, đức Phật thường nói: "*Bồ Tát tự kỷ vị độ, nhi năng độ nhân, vô hữu thị xứ*" (Bồ Tát chưa thể độ mình mà có thể độ người, không có lẽ đó!) Vì thế, quý vị muốn độ người thì trước hết phải độ mình, tức là thành tựu đức hạnh của chính mình. Đoạn phiền não là thành tựu đức hạnh; học pháp môn là thành tựu học vấn. Thành tựu trí huệ, thành tựu năng lực thì quý vị mới có bản lãnh giúp đỡ người khác.

Có đức hạnh nhưng không có bản lãnh thì cũng không được.

Vì vậy, tu hành phải có thứ tự, trước hết tu đức hạnh, rồi thành trí huệ, cuối cùng còn phải thành tựu vô thượng Phật đạo. Vì sao? Có như vậy thì mới có thể phổ độ! Nếu quý vị không thành vô thượng Phật đạo, sẽ không độ được Ma Ha Tát. Những bậc Địa Thượng, Đăng Giác Bồ Tát cao hơn quý vị thì làm sao quý vị độ họ? Quý vị phải cao hơn họ mới có thể độ họ. Vì thế, nhất định phải phát nguyện "*Phật đạo vô thượng thế nguyện thành*" thì cái nguyện chúng sanh vô biên thế nguyện độ mới thực sự làm được viên mãn, mới làm được rốt ráo. Đăng Giác Bồ Tát cũng là chúng sanh, trong nhà Phật thường nói là chúng sanh trong chín pháp giới. Đăng Giác Bồ Tát hay Bồ Tát [thuộc những địa vị thấp hơn] thì vẫn là chúng sanh trong chín pháp giới, chỉ có mình đức Phật siêu việt chín pháp giới. Vì thế, phải ở quả vị Phật thì mới có thể phổ độ chúng sanh.

Nói đến chuyện học pháp môn thì trước khi đoạn sạch phiền não, học pháp môn vẫn là để giúp đoạn phiền não; phải hiểu đạo lý này. Do vậy, tổ tổ truyền nhau, dạy răn hàng sơ học phải "thâm nhập một môn, trường thời huân tu". Vì sao? Nhằm đoạn phiền não, thành tựu Giới - Định cho quý vị, chính vì lẽ này vậy. Đến khi Giới - Định thành tựu, trong Định sanh Huệ, trí huệ sanh rồi thì lúc ấy mới thực sự là "*pháp môn vô lượng thế nguyện học*". Chính trong kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài đồng tử đã vì chúng ta thị hiện tham học. Tham học là "*pháp môn vô lượng thế nguyện học*". Do đây biết rằng: Phát nguyện (tức là Bồ Đề đại nguyện) là phát nguyện phổ độ chúng sanh, tu Giới - Định thành tựu Căn Bản Trí nơi pháp hội của thầy (thầy của Thiện Tài đồng tử là Văn Thù Bồ Tát). Giới - Định viên mãn, trí huệ mở mang, Định phát Huệ rồi; lúc ấy bèn ra đi tham học. Tham học là thành tựu Hậu Đắc Trí, thành tựu "*không gì chẳng biết*". Đây chính là "*pháp môn vô lượng thế nguyện học*".

Vì sao phải thành tựu viên mãn Hậu Đắc Trí? Chúng sanh căn tánh bất đồng, tuyệt đối chẳng thể dùng một phương pháp để phổ độ được. Vì thế,

phải có đủ mọi phương pháp thích ứng mọi căn tánh bất đồng của hết thảy chúng sanh. Vì thế, học vô lượng pháp môn không phải để học cho mình, mà là vì chúng sanh mà học. Thế nhưng quý vị phải hiểu: Vô lượng pháp môn đều là phương tiện nhằm tiếp dẫn chúng sanh, lấy từ bi làm gốc, phương tiện làm cửa. Phương tiện tiếp dẫn chúng sanh; nói chung là nghĩ cách giúp cho chúng sanh thành thực thiện căn, phước đức, nhân duyên, khi nào thành tựu rồi lại trao cho họ pháp môn chân chánh.

Pháp môn chân chánh là gì vậy? Chính là Niệm Phật vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Chỉ có một pháp này là thật, các pháp khác đều là phương tiện. Quý vị nghe tôi giảng kinh Hoa Nghiêm, trong khi giảng kinh Hoa Nghiêm tôi đã nói rất nhiều lần: *"Hoa Nghiêm, Pháp Hoa đều là phương tiện, đều không phải là chân thật, nhằm tiếp dẫn những vị Bồ Tát vào thế giới Hoa Tạng!"* Tu hành trong thế giới Hoa Tạng, thiện căn, phước đức, nhân duyên sâu dày, địa vị Tam Hiền phát tâm niệm Phật vãng sanh. Nếu thiện căn, phước đức, nhân duyên còn kém một chút, ắt phải ở trong thế giới Hoa Tạng tu thành Địa Thượng Bồ Tát, đẳng địa^{4[4]} rồi, lúc ấy trí huệ mở mang, không còn ngờ vực, có thể tin tưởng lời của các vị Phổ Hiền, Văn Thù, mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc.

Vì thế, chúng ta thấy kinh Hoa Nghiêm nói: *"Thập Địa Bồ Tát thí chung bất ly niệm Phật"* (Thập Địa Bồ Tát từ đầu đến cuối chẳng rời Niệm Phật). Quá rõ ràng! Thập Địa Bồ Tát thì *"đầu"* tức bắt đầu bằng Sơ Địa Bồ Tát, *"cuối"* là địa vị thứ mười một, tức là Đẳng Giác. Trong mười một tầng cấp ấy, khẳng định họ niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Quý vị thấy đó: Rốt cuộc chỉ nhằm tỏ rõ một pháp khiến cho chúng ta mau chóng thành tựu, thành cái gì? *"Phật đạo vô thượng thế nguyện thành"*. Rốt ráo nhất, viên mãn nhất là Tây Phương Cực Lạc thế giới, Hoa Tạng quy về Cực Lạc. Nếu quý vị xem xét kỹ, chú tâm lãnh hội thì chúng ta mới thực sự hiểu rõ tường tận.

Tôi đã kể các đồng học nhiều lần rồi, lúc chúng tôi còn trẻ học Phật, không có ai giảng cho tôi rõ ràng, thấu triệt như thế. Vì sao? Nếu họ giảng rõ ràng, thấu triệt như thế, tôi đã sớm tin tưởng rồi. Vì sao thầy không giảng? Cũng là có nguyên nhân. Thầy của tôi là người thuộc tầng lớp xưa, có tư tưởng cổ nhân, phương pháp dạy dỗ cũng theo cổ nhân, cổ nhân không nói. Vì sao không nói? Nói ra sẽ đóng bít cửa ngõ của học trò, vì thế không nói, để cho học trò tự ngộ. Quý vị tự ngộ rồi thầy sẽ ấn chứng cho. Đó là phương pháp của cổ nhân.

Nay tôi không theo đường lối của cổ nhân, vì sao? Đi theo đường lối của cổ nhân chỉ sợ rất nhiều đồng tu học suốt một đời này chẳng thể ngộ nhập

4[4] "Đẳng địa" là chứng nhập từ Sơ Địa trở lên.

được, vì sao? Phiền não tập khí của quý vị quá nặng, không thể ngộ nhập được, tôi đem chuyện này nói trắng ra, nói toạc ra. Nói trắng, nói toạc ra có ích gì cho quý vị? Tốt hay không rất khó nói, đúng là Phật pháp không có pháp nhất định. Nếu nghe cách giảng như vậy mà quý vị hiểu rõ thì sẽ sanh tín tâm đối với Phật pháp, chuyên tu Tịnh Độ, không ngộ cũng chẳng quan trọng. Tổ sư đại đức nói rất hay: "*Đản đắc kiến Di Đà, hà sâu bất khai ngộ?*" (Chỉ thấy Phật Di Đà, lo gì chẳng khai ngộ?) Trong thế gian này quý vị không khai ngộ thì khi gặp A Di Đà Phật bèn khai ngộ. Nếu cái tâm nguyện vãng sanh không sanh khởi thì cũng là đã gieo thiện căn này vào A Lại Da Thức; sức của thiện căn này rất mạnh, trong tương lai khi gặp duyên nhất định chín muồi!

Ở phần trên, chúng tôi đã nói: Chư Phật, Bồ Tát vì hết thảy chúng sanh diễn nói, quan trọng nhất là kế cơ, kế lý. Vì thế, chúng tôi quan sát căn cơ chúng sanh trong thế gian hiện thời, phương pháp của cổ đức không còn hợp nữa, không kế hợp căn cơ con người hiện thời. Thế nhưng chúng ta nhất định phải tuân thủ nguyên lý, nguyên tắc, quyết định chẳng thể trái nghịch nguyên lý, nguyên tắc. Trái nghịch nguyên tắc và nguyên lý thì là không kế lý. Kế cơ mà không kế lý sẽ chẳng thể thành tựu, đấy là ma thuyết. Cả hai mặt Lý và Cơ đều phải quan tâm.

Do vậy, đối với chuyện học pháp môn này, chúng tôi đặc biệt nói rất rõ ràng cùng quý vị: "*Đức hạnh chưa thành tựu mà lạm dụng nhiều pháp môn sẽ bị trở ngại, không đạt lợi ích. Nhất định phải đạt đến tam-muội hiện tiền [mới được học nhiều pháp môn]*". Chúng tôi lại hạ thấp tiêu chuẩn này thành "không có ý niệm tự tư tự lợi, không có ý niệm danh văn, lợi dưỡng, không bị ngũ dục, lục trần bên ngoài dụ dỗ, mê hoặc" thì mới được, không sai chạy cho lắm. Quý vị có được công phu ấy, nhưng không có đại trí huệ, chẳng thể đại triệt đại ngộ, nhưng vẫn có chút tiểu trí huệ. Nếu trí huệ của quý vị thực sự hiện tiền thì có thể lạm học nhiều pháp môn khác, có thể tham học, có thể mở rộng không gian học tập, học rộng, nghe nhiều, thành tựu Hậu Đắc Trí.

Một mặt thành tựu Hậu Đắc Trí, một mặt tăng trưởng Định - Huệ của mình. Trong quá trình tu học, nếu quý vị thấy mình dần dần xa lìa Giới - Định thì phải đặc biệt chú tâm cẩn thận, gấp gáp quay đầu. Vì sao? Quý vị đã sai rồi! Trí huệ đã mở mang, đã đạt được Hậu Đắc Trí rồi thì Giới - Định nhất định phải tăng trưởng, chẳng thể lui sụt. Huệ giúp cho Giới tăng tấn, giúp cho Định tăng tấn, đó là điều khẳng định. Tuyệt đối chẳng thể nói: Huệ hiện tiền, Giới và Định không còn nữa! Đấy là ma, đâu phải là Phật! Chúng tôi giới thiệu Tứ Hoằng Thệ Nguyện đến đây thôi. Câu tiếp theo là xưng tán Phổ Hiền Bồ Tát Ma Ha Tát:

Nam mô Phổ Hiền Vương Bồ Tát Ma Ha Tát.

南無普賢王菩薩摩訶薩。

"*Nam-mô*" nghĩa là quy y, lễ kính. Phổ Hiền Bồ Tát được xưng là Vương, tức là đặc biệt tôn kính Ngài. Phổ Hiền Bồ Tát là một vị trong Hoa Nghiêm Tam Thánh, điều này chúng ta đã biết quá rõ rồi. Phổ Hiền (Samantabhadra) còn được dịch là Biến Cát: Biến (遍) là phổ biến, Biến có nghĩa là rộng khắp; Cát Tường cũng có nghĩa là Hiền. Tại Trung Quốc, danh hiệu Ngài được dịch là Biến Cát cũng không ít, nên tôi đặc biệt nêu ra cho mọi người biết. Hình tượng và danh hiệu của Phật, Bồ Tát đều nhằm biểu thị pháp, kinh Hoa Nghiêm đã nói đến rất nhiều. Phổ Hiền Bồ Tát đại biểu cho lý đức, định đức, hạnh đức của chư Phật. Nói thật ra, những điều ấy đều là tánh đức của Tự Tánh.

Trong phần trước, thiền sư Trung Phong đã nói rất hay: "*Ngã tâm tức thị A Di Đà Phật, A Di Đà Phật tức thị ngã tâm*" (Tâm ta chính là A Di Đà Phật, A Di Đà Phật chính là tâm ta). Hai câu này chúng ta chẳng thể coi thường lướt qua, chúng có ý nghĩa rất sâu, đối với sự tu học của chúng ta mà nói thì chúng có ích rất lớn. Biết được điều gì? Tâm chính là Phật, Phật chính là tâm. Nói đến Phật đức chính là nói đến tánh đức. Phổ Hiền Bồ Tát tượng trưng cho lý đức, tức lý Chân Như Tự Tánh của chúng ta. Lý Chân Như là Biến Cát, là Phổ Hiền: Phổ (普) là bình đẳng, không cao thấp. Quý vị phải hiểu được ý nghĩa này: Tánh đức, bản đức, đại đức của chúng ta bất sanh, bất diệt, không đến, không đi, vĩnh viễn chẳng bị mất đi, chẳng vì chúng ta sanh tử luân hồi mà chuyển biến. Sanh tử luân hồi là duyên, Pháp Tánh chẳng tùy thuộc cái duyên ấy. Dẫu cho duyên có tụ - tán, có sanh - diệt, Pháp Tánh chẳng tùy thuộc vào những duyên ấy. Pháp Tánh không tụ - tán, không sanh - diệt. Vì thế, tánh đức là chân thường. Bọn phàm phu chúng ta đáng thương, mê mất Tự Tánh ấy; vì mê mất Tự Tánh nên đương nhiên tánh đức chẳng thể hiện tiền.

Nay chúng ta khởi tâm động niệm, đối với hết thầy người, sự, vật, nói chung đều thấy mình giỏi, người khác không bằng mình, [do vậy, ta] không có đức hạnh Phổ Hiền. Chẳng biết hết thầy người, sự, vật trọn khắp pháp giới, hư không giới bình đẳng với ta, quyết định không có cao hay thấp. Chúng ta tôn trọng người khác là tôn trọng tánh đức của chính mình. Lễ kính người khác là tôn trọng tánh đức của chính mình. Chân tướng sự thật này không ai biết cả. Vì sao chúng ta phải hiếu thảo với cha mẹ? Hiếu thảo với cha mẹ chính là tôn trọng tánh đức của chính mình. Vì sao phải tôn sư? Tôn sư chính là tôn trọng tánh đức của chính mình, chắc chắn thầy chẳng

mong được người khác tôn kính. Thầy mong được người khác tôn kính thì là tiểu nhân, chẳng phải là quân tử. Vì sao? Không là được danh văn, lợi dưỡng. Bậc quân tử chân chánh khởi tâm động niệm, hết thầy hành vi đều tùy thuận lời thánh nhân dạy dỗ, thánh nhân không dạy họ những điều ấy (tức là không dạy con người tùy thuận danh văn lợi dưỡng).

Quân tử là kẻ chưa chứng đắc, hiền nhân đã chứng được mấy phần, thánh nhân chứng đắc viên mãn. "Thánh, hiền, quân tử" trong Nho gia được Phật giáo gọi là Phật, Bồ Tát, A La Hán, là những bậc thiện tri thức của người học Phật. Phật và Pháp Thân Bồ Tát chứng đắc viên mãn, là thánh nhân; Thanh Văn, Duyên Giác đã chứng được một ít, chưa viên mãn, là hiền nhân. Chúng ta là phàm nhân, là phàm phu trong lục đạo, thực sự trừ được vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, chúng tôi thường nói là "vứt bỏ thành kiến của chính mình", hết thầy tùy thuận giáo huấn của Phật, Bồ Tát, y giáo phụng hành, Nho gia gọi người như vậy là "quân tử".

Kinh luận không dạy chúng ta như thế, mà chúng ta vẫn còn có tập khí như thế, đủ chứng tỏ chúng ta đáng gọi là "hạng nghiệp chướng sâu nặng". Vẫn tự mình khen ngợi mình, hủy báng người khác, ghen ghét người khác, chướng ngại người khác, trọn vẫn thấy mình hơn người khác một chút. Ấy là phàm phu, chưa phải là quân tử. Vì thế, quy mạng, xưng tán, không gì chẳng tùy thuận tánh đức, không gì chẳng nhằm giúp chúng ta khôi phục tánh đức. Tánh đức là cái vốn sẵn có, nhưng bị mê mất, nay Phật, Bồ Tát dùng những phương pháp ấy giúp chúng ta khôi phục. Đạo lý là đây!

Do vậy, chúng ta phải hiểu Phổ Hiền Bồ Tát tượng trưng cho chân lý, chân định, tánh định, đại hạnh trong tánh đức, là Phổ Hiền đại hạnh. Đại hạnh là gì? Ở phần trên đã nói đến mười nguyện. Trong mười nguyện, lễ kính là đại hạnh, đại hạnh Phổ Hiền tự nhiên lưu lộ từ tánh đức. Cung kính đối với hết thầy chúng sanh và cung kính đối với chư Phật Như Lai không khác gì nhau, nhưng trên mặt hình thức lại khác nhau. Chúng ta thấy hình tượng Phật, Bồ Tát bèn đánh lễ ba lạy, nhưng không thể thấy bất cứ muối, trùng, kiến gì cũng đánh lễ chúng nó ba lạy, làm như thế là trật! Trên mặt hình thức thì không giống nhau, nhưng ý niệm cung kính bên trong hoàn toàn tương đồng. Chúng ta cung kính muối, trùng, kiến giống hệt như cung kính chư Phật Như Lai, bình đẳng mà! Nhưng trên mặt nghi thức thì phải tùy thuận thế gian. Phải tham thấu lý rồi mới biểu hiện qua hành động.

Lại nói thêm về Văn Thù Bồ Tát; hai vị Bồ Tát này (tức Phổ Hiền và Văn Thù) thường ở cùng một chỗ:

1) Văn Thù Bồ Tát là Trí Đức của tánh đức. Quý vị thấy Phổ Hiền tượng trưng cho Lý, Văn Thù tượng trưng cho Trí, Lý và Trí thành một cặp.

2) Phổ Hiền biểu thị Định, Văn Thù biểu thị chứng đắc, chỉ Trí mới có thể chứng; nhưng chỉ có Định mới có thể khai Trí, chỉ Trí mới có thể chứng. Trí và Hạnh thành một cặp chẳng thể tách rời.

3) Thứ ba, Văn Thù biểu thị Tam Muội, Phổ Hiền biểu thị Bát Nhã. Tam Muội và Bát Nhã thành một cặp.

Như vậy, quan hệ giữa hai vị Bồ Tát này rất rõ ràng như sau: Lý - Trí, Hạnh - Chứng, Tam Muội - Bát Nhã.

Bên cạnh hết thảy chư Phật Như Lai luôn có Văn Thù, Phổ Hiền, biểu thị pháp đầy! Do vậy, quý vị thấy trên Đại Hùng bảo điện thờ Phật, Bồ Tát, có rất nhiều nơi thờ như thế này: Chính giữa là Thích Ca Mâu Ni Phật, hai bên là Văn Thù và Phổ Hiền. Pháp Đại Thừa đại khái đều thờ như vậy. Còn cách thờ phượng của pháp Tiểu Thừa thì chính giữa thờ Thích Ca Mâu Ni Phật, hai bên là Ca Diếp và A Nan. Đây là hai vị đại đệ tử của Phật. Ca Diếp truyền Thiền Tông, A Nan truyền Giáo Hạ, hai Ngài là hai vị đại tổ sư của Thiền Môn và Giáo Hạ, đều nhằm biểu thị pháp.

Chúng ta thường thấy ngài Văn Thù cưỡi sư tử ở bên trái đức Phật, vị trí của Ngài là bên tay trái đức Phật. Phổ Hiền cưỡi voi trắng sáu ngà, vị trí của Ngài là bên tay phải đức Phật. Lý - Trí, Hạnh - Chứng, Tam Muội - Bát Nhã viên mãn, thảy đều viên mãn được tượng trưng bằng Tỳ Lô Giá Na Phật. Tỳ Lô Giá Na Biến Nhất Thiết Xứ, biểu thị đại viên mãn. Vì thế một bộ kinh đồ sộ Hoa Nghiêm chính là để giảng về pháp môn viên tu viên chứng của một đức Phật, hai vị Bồ Tát. Vì thế, các Ngài được gọi là "Hoa Nghiêm Tam Thánh". Ba vị tượng trưng cho bản thể của hết thảy hạnh đức, vì thế kinh Hoa Nghiêm nói đến mười đại nguyện. Chúng tôi giới thiệu Phổ Hiền Bồ Tát một cách đơn giản. Nếu giảng tường tận thì khi giảng kinh Hoa Nghiêm chúng tôi đã nói nhiều lắm rồi.

Ở đây, pháp sự đến chỗ này thì hết thảy đều phải kết quy nơi tánh đức. Ở đây, niệm Nam Mô Phổ Hiền Vương Bồ Tát Ma Ha Tát nhằm kết quy nơi tánh đức, phải hiểu đạo lý này. Tiếp theo lại có một đoạn khai thị, chúng ta hãy xem kinh văn:

17. Khai thị vong linh

Thượng lai sám hối phát nguyện dĩ cánh.

上來懺悔發願已竟。

(Trên đây, sám hối phát nguyện đã xong)

Ở trên nói "vãng tích sở tạo chư ác nghiệp" là sám hối; "chúng sanh vô biên thế nguyên độ" là phát nguyện. Đến đây là đã xong phần sám hối phát nguyện.

Vong linh mỗ đương tri.

亡靈某當知。

(Vong linh... hãy nên biết)

"Mỗ" là vì người nào làm [pháp sự này] thì ở đây đem tên họ người ấy viết vào đây. Quý vị nên biết như thế.

Phù Tịnh Độ chi vi giáo dã.

夫淨土之為教也。

(Phàm là giáo pháp Tịnh Độ)

"Phù" (夫) là trợ từ, không có ý nghĩa gì hết. "Tịnh Độ chi vi giáo dã" tức là giáo học Tịnh Độ.

Ngưỡng thừa A Di Đà Phật tứ thập hữu bát đại từ đại bi thâm trọng nguyện lực, nhiếp thủ thập phương nhất thiết chúng sanh. Phàm cụ tín tâm giả, giai đắc vãng sanh.

仰承阿彌陀佛四十有八大慈大悲。深重願力。攝取十方一切眾生。凡具信心者。皆得往生。

(Ngửa nhờ A Di Đà Phật có sức đại từ đại bi sâu nặng của bốn mươi tám nguyện, thu nhiếp mười phương hết thảy chúng sanh. Hễ ai đây đủ tín tâm đều được vãng sanh).

Đây là đặc biệt giảng rõ giáo học Tịnh Độ cho vong linh. Sự việc này há chẳng phải là đã dính vào mê tín hay sao? Quý vị chớ bảo là mê tín, thực sự có việc này đấy. Không phải chỉ một người, tôi đã gặp rất nhiều. Có người buổi tối, đại khái là năm giờ chiều trở đi, muốn niệm Tam Thời Hệ Niệm bèn có rất nhiều quỷ thần. Thật đấy, quý vị niệm pháp sự này thì quỷ thần đều chiêu tập đến. Có lúc quý vị chẳng mười phần thành kính, quỷ thần bèn gây phiền phức cho quý vị. Còn có kẻ buổi tối tụng kinh Địa Tạng cũng gặp quỷ thần đến nhiều loạn không thể ngủ được. Chẳng phải là một hai người mà là rất nhiều người [bị như thế]. Chuyện này không phải là một hai người ngẫu nhiên phát sanh, tôi đã thấy rất nhiều, nghe nói đến rất nhiều.

Hiện thời chúng tôi đọc được những báo cáo khoa học, nay ở Mỹ, ở Gia Nã Đại đang nghiên cứu về đời trước và đời này, người nghiên cứu luân hồi rất đông, báo cáo rất nhiều. Những đồng học bên ấy thâm thập cho chúng tôi đến hơn ba mươi loại nổi tiếng nhất. Hình như là lúc phong trào nghiên cứu này được khởi xướng tại Mỹ và Gia Nã Đại, mọi người đều biết, họ thâm thập những bằng chứng rõ ràng nhất nhiều đến hơn ba mươi loại gởi về học viện chúng ta. Chuyện này ở Trung Quốc còn nhiều hơn nữa, nhiều hơn ngoại quốc nhiều lắm. Trong những bút ký đọc sách của cổ nhân, chắc mọi người rất quen thuộc là bộ Duyệt Vi Thảo Đường Bút Ký của Kỷ Hiếu Lam có nhắc đến rất nhiều. Trong bút ký tiểu thuyết thì như Liêu Trai Chí Dị, Tử Bất Ngữ, Di Kiên Chí⁵[5], trong những loại thư tịch như vậy đã chép rất nhiều.

Bản thân chúng tôi cũng đã từng gặp qua, tôi cũng đã từng kể cho đại chúng nghe rồi. Khi tôi còn trẻ, chính bản thân tôi đã gặp. Bản thân lão cư sĩ Châu Kính Trụ cũng từng gặp nên cụ mới tin. Trước khi cụ gặp chuyện, nhạc phụ của cụ Châu là cụ Chương Thái Viêm làm phán quan của Đông Nhạc Đại Đế; cụ Chương kể cho cụ Châu nghe rất nhiều chuyện quỷ thần. Cụ Châu đều cho đó là chuyện truyền kỳ, không thềm tin. Đến khi chính cụ thực sự thấy, cụ mới tin tưởng [những chuyện cụ Chương đã kể] hoàn toàn là thật, không giả. Tôi quen biết ông cụ này (cụ Châu), khi ấy cụ đã sáu mươi chín tuổi, tôi mới hai mươi mấy. Cụ xem chúng tôi như cháu nội, rất yêu mến, thường kể cho chúng tôi những câu chuyện xưa. Những chuyện cũ ấy đều là những chuyện chính cụ đã từng trải trong cả một đời, chứ không phải là nghe ai kể lại.

Nay chúng tôi thực sự hiểu rõ, vật chất bất diệt, tinh thần cũng bất diệt, chỉ là tụ hay tán mà thôi; nhưng vật chất có khi tụ, có khi tán, chứ linh hồn – như chúng ta thường gọi – không bao giờ tụ hay tán. Khác với vật chất, nó không tụ - tán, chỉ tùy theo nghiệp lực mà chuyển thể đầu thai, linh tánh bất diệt. Tuy thế, linh hồn vẫn không phải là thật, gì mới là thật? Pháp Tánh là thật. Pháp Tánh như như bất động. Linh hồn là gì vậy? Nhà Phật gọi nó là “thần thức”, tức là Pháp Tánh đã bị mê. Pháp Tánh không mê toàn bộ, chỉ mê cục bộ, nên mới có hiện tượng như thế. Nó không phải là chân thật nhất, nhưng phải chân thật hơn vật chất. Vật chất tụ - tán, sanh - diệt, vô thường; thần thức cũng là ngưng tụ, do mê vọng ngưng tụ thành, phải đến

5[5] Tử Bất Ngữ còn có tên là Tân Tề Hải do Tùy Viên Lão Nhân Viên Mai (1716-1797) soạn vào đời Thanh, gồm 24 quyển, về sau lại còn có Tục Tập gồm 10 quyển, nổi tiếng không kém bộ Duyệt Vi Thảo Đường Bút Ký của Kỷ Hiếu Lam. Sách tập trung chép những chuyện quỷ thần quái lạ do chính Viên Mai hay bạn bè ông ta đã chứng kiến. Tên gọi Tử Bất Ngữ lấy theo ý một câu trong Luận Ngữ: “Tử bất ngữ, quái, lực, loạn, thần” (Không Tử chẳng nói tới những chuyện kỳ dị, bạo lực, động loạn, quỷ thần).

Di Kiên Chí là một tập bút ký do Hồng Mai soạn vào đời Tống từ năm cuối Thiệu Hưng (1162) đến năm Thuần Hy thứ nhất (1174). Nội dung chép tình hình sinh hoạt đời Tống, những chuyện kỳ lạ, thú vị trong thời ấy.

khi nào đại triệt đại ngộ, nó mới trở về với Tự Tánh. Chưa đại triệt đại ngộ thì thần thức vẫn tồn tại. Giống như trong hư không, một chút mê hoặc giống như một phiến mây bồng bềnh khắp nơi, không tan. Đến khi đại triệt đại ngộ thì cũng như gặp trận gió lớn thổi tan mây, không còn nữa, trở về với Tự Tánh, đó gọi là "*chuyển phàm thành thánh*".

Giáo pháp Tịnh Độ từ đâu mà có? Căn cứ trên bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật mà có. Vì thế, bốn mươi tám nguyện trong kinh Vô Lượng Thọ chính là cốt lõi của Tịnh Độ, là lý luận căn bản của Tịnh Độ. "*Ngưỡng thừa*" là tâm tình thái độ tôn kính, "*A Di Đà Phật tứ thập hữu bát đại từ đại bi thâm trọng nguyện lực*" (sức đại từ đại bi sâu nặng của bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật) chính là những gì kinh Vô Lượng Thọ đã nói. Chúng tôi giảng kinh Vô Lượng Thọ đã giới thiệu căn kẽ cùng quý vị rồi: Một bộ Vô Lượng Thọ kinh nhằm thuyết minh bốn mươi tám nguyện, bốn mươi tám nguyện là cốt lõi của kinh Vô Lượng Thọ. Chúng ta tu hành đương nhiên phải nắm được cốt lõi, nắm chắc nguyên lý, nguyên tắc. Những điều đó Phật pháp gọi là "*pháp môn Tổng Trì*", bốn mươi tám nguyện là pháp môn Tổng Trì. Thế nhưng chúng ta nhất định phải hiểu biết cho tinh thuần, tu hành phải nắm được cương lĩnh, càng đơn giản càng hay. Nếu muốn giải thích thì càng giải thích tường tận càng tốt. Giải thích nên tường tận, còn tu hành phải nắm được cương lĩnh.

Bốn mươi tám nguyện nhằm vào chuyện gì vậy? "*Nhiếp thủ thập phương nhất thiết chúng sanh*" (thâu nhiếp mười phương hết thảy chúng sanh). Nhiếp (攝) là nhiếp thọ (攝受: thâu nhận, dung nạp), Thủ (取) nay nói là "*ghi vào sổ bộ*". Hiện nay trên thế giới, quá nửa các quốc gia mở cửa cho di dân, nếu quý vị xin vào, họ có nhận quý vị hay không? Thâu nhận, tiếp nhận mười phương hết thảy chúng sanh; mười phương hết thảy chúng sanh muốn di dân sang Tây Phương Cực Lạc thế giới, A Di Đà Phật đều hoan nghênh, thế nhưng vẫn có điều kiện, điều kiện gì vậy? Trong sách Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư đã giảng là phải có tín - nguyện. Quý vị phải có lòng tin, phải có nguyện mới được. Vì thế, ở đây, thiền sư Trung Phong nói: "*Phàm cụ tín tâm giả, giai đắc vãng sanh*" (phàm ai đầy đủ tín tâm đều được vãng sanh). Quý vị không tin, không nguyện là không được, dầu Phật nhiếp thọ nhưng không có cách nào giữ lấy quý vị được.

Tín giả.

信者。

(Tin là).

Thế nào là Tín? Tín gồm ba điều, thứ nhất là:

Tín hữu Tây Phương Tịnh Độ.

信有西方淨土。

(Tin có Tây Phương Tịnh Độ).

Điều này hết sức quan trọng. Quý vị phải hoàn toàn khẳng định phương Tây của thế giới Sa Bà có thế giới Cực Lạc, có một thế giới tên là Cực Lạc. Đây là điều đầu tiên phải tin tưởng. Điều thứ hai là:

Tín hữu A Di Đà Phật...

信有阿彌陀佛。

(Tin có A Di Đà Phật).

Hoàn toàn giảng trên mặt sự tướng. Thực sự có một đức A Di Đà Phật, có một vị Phật mang đức hiệu là A Di Đà Phật.

Nhiếp thủ chúng sanh chi sự.

攝取眾生之事。

([Tin có] chuyện A Di Đà Phật nhiếp thủ chúng sanh).

Ta thường gọi "nhiếp thủ chúng sanh" là "tiếp dẫn chúng sanh". Quý vị có tín, có nguyện thì quả thật Phật đến tiếp dẫn quý vị. Đây là điều thứ hai. Điều thứ ba là:

Ngã đẳng chúng sanh tín hữu vãng sanh chi phận.

我等眾生。信有往生之分。

(Tin bọn chúng sanh chúng ta có phần được vãng sanh).

Quý vị nhất định phải tự tin điều này, tin tưởng chính mình có bốn phận vãng sanh. Nói theo cách hiện thời, chữ Phận (分) ở đây chính là "điều kiện, tư cách". Chúng ta tin tưởng chính mình có điều kiện vãng sanh, có tư cách vãng sanh, điều này rất quan trọng. Nếu quý vị không hội đủ ba tín tâm ấy sẽ chẳng thể vãng sanh. Nếu thực sự hội đủ ba tín tâm ấy thì trong thế gian hiện thực này, tư tưởng, ngôn ngữ, hành vi của quý vị không giống mọi người. Khác ở chỗ nào? Mọi người tham luyến thế giới này, đâu đâu cũng muốn làm chủ thế giới. Nếu quý vị thực sự tin vào Tây Phương Cực Lạc thế giới, muốn làm người của Tây Phương Cực Lạc thế giới thì thế gian này là chỗ ta lữ du, chúng ta dạo chơi xem phong cảnh, tuyệt đối chẳng nấy sanh

mảy may ý niệm lưu luyến gì. Nói cách khác, bất cứ khi nào cũng buông xuống được, mấy may lưu luyến cũng chẳng có. Nhà của mình ở thế giới Cực Lạc, chứ đâu phải ở đây, chỗ này là chỗ dạo chơi thôi! Tư tưởng, ngôn ngữ, hành vi của người ấy biến đổi. Nếu đối với thế gian này vẫn còn lưu luyến, còn mong đạt được điều gì thì là quý vị chưa tin. Quý vị cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, vừa nghĩ đến thế giới Cực Lạc vừa muốn được ở nơi đây, mong được cả hai, chớ hề có chuyện ấy đâu nhé! A! Bây giờ đã hết giờ rồi!

*

Chư vị đồng học!

Xin hãy xem đoạn văn kể tiếp:

Nhiên tuy vị Di Đà nhiếp thủ chúng sanh vãng sanh, yếu tín duy thị tùy tâm tự hiện, cảm ứng đạo giao, cứu cánh phi tùng ngoại đắc. Như thị tín giả, thị vi chân tín.

然雖謂彌陀攝取眾生往生。要信唯是隨心自現。感應道交。究竟非從外得。如是信者。是為真信。

(Dù nói là Di Đà nhiếp thủ chúng sanh vãng sanh, phải tin đấy chỉ là tùy tâm tự hiện, cảm ứng đạo giao, rốt ráo chẳng phải do từ bên ngoài mà có. Tin như thế mới là chân tín).

Đến đây là hết một đoạn. Đoạn này dạy chúng ta: Không những tin vào Sự mà còn phải tin nơi Lý. Vì sao? Đấy mới là chân tín. Tin tưởng Sự nhưng không biết đến Lý thì có thể vãng sanh hay không? Có thể vãng sanh! Sanh vào Phàm Thánh Đồng Cư độ. Nếu quý vị hiểu được đạo lý này thì phẩm vị càng cao hơn. Quả thật có chuyện ấy, Lý cũng là chân, Lý lẫn Sự đều là chân. Chớ nên tin Lý phứt Sự, nếu vậy là hỏng rồi, chẳng bằng tin Sự không hiểu Lý mà thực sự được vãng sanh. Nếu tin vào Lý mà coi thường Sự, sẽ chẳng thể vãng sanh. Đấy mới gọi là Chân Tín!

Dẫu nói đến chuyện A Di Đà Phật tiếp dẫn vãng sanh (chúng ta gọi "nhiếp thủ chúng sanh" là tiếp dẫn, hay tiếp dẫn vãng sanh) "yếu tín duy thị tùy tâm tự hiện, cảm ứng đạo giao" (phải tin đấy chỉ là tùy tâm tự hiện, cảm ứng đạo giao). "Tùy tâm tự hiện" là Lý, Kinh Hoa Nghiêm giảng hết thảy pháp một cách rốt ráo viên mãn, ngay cả hư không, pháp giới, cõi nước, chúng sanh chỉ do Tâm hiện. Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật cũng chẳng lìa tự tâm. Vì vậy, các đồng học tu Tịnh Độ cũng thường nghe nói "duy tâm Tịnh Độ, Tự Tánh Di Đà". Tách rời tâm tánh thì Di Đà lẫn

Tịnh Độ đều không có, đều chỉ do Tâm hiện, chỉ do Thức biến. Đó là chân lý. Do vậy, hể chúng ta cầu, tức là có Cảm.

Chúng ta hy vọng sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, thân cận A Di Đà Phật để làm gì vậy? Hết thầy chư Phật dạy chúng ta: Chỉ có sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới là hoàn cảnh tu học tốt đẹp nhất; thân cận A Di Đà Phật là thân cận vị thầy tốt nhất. Đã có thầy giỏi lại có hoàn cảnh tu học tốt nhất, ở nơi đó chúng ta có thể đoạn phiền não, có thể thành tựu pháp môn, có thể viên thành Phật đạo. Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới để làm những chuyện này. Thực hiện tốt những chuyện này rồi lại thế nguyện độ vô biên chúng sanh trọn khắp pháp giới, hư không giới; chúng ta muốn làm chuyện này chứ không nhằm chuyện gì khác. Muốn viên thành Phật đạo, muốn tùy theo từng loài mà hóa thân, rộng độ chúng sanh thì không về thế giới Cực Lạc sẽ chẳng được. Không sanh về thế giới Cực Lạc sẽ không có khả năng [làm được những việc ấy].

Không sanh về thế giới Cực Lạc, bất luận tu một pháp môn nào, tu đến thực sự thành công quả thật thời gian rất dài, vô lượng kiếp, A-tăng-kỳ kiếp, rốt cuộc tu đến thế giới Hoa Tạng. Đến thế giới Hoa Tạng gặp Văn Thù và Phổ Hiền, các Ngài vẫn bảo quý vị niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Quý vị hãy nghĩ đi, như vậy nghĩa là sao? Cuối cùng vẫn phải trở về Tịnh Độ, sao bây giờ không về đó đi? Nếu đi ngay từ bây giờ, giảm bớt được bao nhiêu chuyện, giảm bao nhiêu là thời gian! Thành tựu mau chóng! Nếu chúng ta hiểu được chân tướng sự thật này, quả thật là "*tùy tâm tự hiện, cảm ứng đạo giao*", đây chính là tin mình có phần được vãng sanh. Quý vị có biết Tây Phương Tịnh Độ của A Di Đà Phật có liên quan với chúng ta đến ngần nào hay không? Đều do chính tâm tánh của chúng ta biến hiện. Thế nhưng chúng ta mê mất tâm tánh của chính mình, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới mới có thể thực sự minh tâm kiến tánh; đây mới là thực sự thấy thật rõ chân tướng.

"*Cứu cánh phi tòng ngoại đắc*" (rất ráo chẳng phải do từ bên ngoài mà được), bên ngoài không có gì hết, ngoài tâm không pháp, ngoài pháp không tâm. "*Như thị tín giả*" (tin như thế) là chân tín. Tin Phật, mọi người chúng ta tin Phật, nhưng nói thật ra là mê tín! Vì sao gọi là mê tín? Không biết Phật là gì, chuyện gì cũng không biết cũng cứ tin tưởng, cũng đến quy y, vì thế thực sự là mê tín. Tốt hơn một chút trong ấy là trong mê tín lại có điều kiện, có điều kiện gì vậy? Thực sự tin tưởng Thích Ca Mâu Ni Phật là bậc trí huệ, là người có đại đức hạnh, đức Phật chẳng lừa dối chúng ta. Chúng tôi thường nói là tin tưởng vào nhân cách của Thích Ca Mâu Ni Phật, tin tưởng đức Phật là người tốt, Ngài chẳng lừa dối chúng ta, lời Ngài nói nhất định là đúng. Như thế gọi là Chánh Tín, tức là lòng tin có lý luận làm cơ sở, chứ không theo Phật mù quáng.

Càng sâu hơn một tầng nữa là thân cận Phật đã lâu, đối với những lý luận sự lý trong giáo nghĩa kinh Phật đã đạt được trình độ thông hiểu khá khá, đó là Chánh Tín, Chánh Tín ở mức độ cao, đến mức này mới gọi là "*chân tín*"; nhưng lòng chân tín ấy vẫn chưa phải thực sự là chân, mà là Tương Tự Chân. Chúng ta tin "*tùy tâm tự hiện, cảm ứng đạo giao*", hay còn có thể nói là "*chỉ do tâm hiện, chỉ do thức biến*". Chúng ta còn chưa chứng đắc, nếu thực sự chứng đắc sẽ được tự tại. Muốn chứng đắc trong thế gian này khó lắm, rất ư là khó! Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ chứng đắc, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới mới là chân tín thực sự. Hiện tại chúng ta chỉ là tương tự chân tín, đã hiểu rõ về Lý, cũng giống như các nhà khoa học hiện thời vậy.

Khi trước, Chung cư sĩ đã đến báo cáo cùng chúng ta: Gần đây nhất, các nhà khoa học phát hiện ba điều. Phát hiện thứ nhất là không gian và thời gian dưới một điều kiện nào đó sẽ không tồn tại. Điều này kinh Phật đã nói đến rồi, nay họ mới tin. Tin là tin trên mặt Lý, chứ về mặt Sự chưa từng thấy. Phát hiện thứ hai là gì? Có từ trong Không mà ra, trong Không sanh ra Có, Không có thể sanh ra Có, Có lại trở về Không. Đây cũng là phát hiện trên mặt Lý, họ tin tưởng; chứ trên mặt Sự, chưa có cách gì chứng minh được. Thứ ba là khởi nguyên của vũ trụ, hiện tại khởi nguyên ấy là nhất thời đốn hiện, đây cũng là tin tưởng trên mặt Lý. Những điều này kinh Phật đều đã từng nói đến, nhưng không phải là cảnh giới của chúng ta vì mình chưa chứng đắc. Vì thế, niềm tin ấy cũng có thể nói là chân tín, nhưng chưa phải là chân tín chân chánh, quả thật có lý luận cao sâu làm căn cứ. Chúng ta tin tưởng lời giáo huấn của thiền sư Trung Phong; tin tưởng sâu xa không nghi sẽ quyết định vắng sanh. Tiếp theo, Ngài nói:

Tín nhi vô Hạnh, tức bất thành kỳ tín.

信而無行。即不成其信。

(Tín nhưng thiếu Hạnh thì tín ấy chẳng thành).

Vì Tín - Nguyên - Hạnh tuy một mà ba, tuy ba nhưng một, có được một thì nhất định phải có cả ba. Nếu thiếu một điều, lòng tin của quý vị không phải là chân tín, mà Hạnh cũng chẳng phải là chân hạnh. Hễ quý vị có Tín thì nhất định phải có Nguyên, có Hạnh. Có Hạnh nhất định có Nguyên, nhất định có Tín. Một mà ba, ba nhưng một, như ba chân của cái đành, chẳng thể thiếu được một. Chúng ta muốn biết một cá nhân tin hay không tin thì hãy dựa vào đây để xét. Do vậy, không có Hạnh thì "*bất thành kỳ tín*" (tín ấy chẳng thành).

Hạnh giả, Lăng Nghiêm kinh vân: "Đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương kế, bất giả phương tiện, tự đắc tâm khai".

行者楞嚴經云。都攝六根。淨念相繼。不假方便。自得心開。

(Hạnh thì như kinh Lăng Nghiêm nói: "Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, chẳng nhọc phương tiện, tự được tâm khai").

Những điều được giảng trong kinh Vô Lượng Thọ từ phẩm ba mươi hai đến phẩm ba mươi bảy chính là tiêu chuẩn thấp nhất của nhiếp và tịnh, "tịnh niệm tiếp nối"! Chuyển nhiếp thành tịnh như thế nào? "Đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương kế" (Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối), Đại Thế Chí Bồ Tát dạy chúng ta như thế. Bí quyết tu hành của Tịnh Tông chính là mười sáu chữ này, "bất giả phương tiện, tự đắc tâm khai" (chẳng nhọc phương tiện, tự được tâm khai), [nghĩa là] chẳng cần phải nhờ vào phương pháp nào khác hỗ trợ, thực sự đơn giản, dễ dàng, nhanh chóng, ổn thỏa, thích đáng, chẳng cần phải thêm vào loại Thiền nào hay thêm vào chú nào, không cần thêm gì vào hết, chỉ là "đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương kế" (nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối). Hiệu quả là "tự đắc tâm khai" (tâm tự khai ngộ). "Tự đắc tâm khai" là tâm khai ý giải, Thiền Tông gọi chuyện này là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, có cùng một cảnh giới, tức là một câu danh hiệu niệm đến mức nhất tâm bất loạn.

Công phu tiến triển, tất nhiên là công phu thành phẩm, Sự nhất tâm bất loạn, Lý nhất tâm bất loạn, mấu chốt ở chỗ quý vị có thể nhiếp trọn sáu căn hay không? Hiện tại, ngay cả công phu thành phẩm mà chúng ta cũng không đạt được, gốc bệnh nằm đâu? Chẳng thể nhiếp trọn sáu căn. Mắt luôn chạy theo sắc bên ngoài, tai thường chạy theo tiếng bên ngoài, sáu căn thường chạy theo cảnh giới sáu trần bên ngoài, không thu hồi lại. Nhiếp trọn sáu căn chính là như Mạnh phu tử đã nói: "Học vấn chi đạo vô tha, cầu kỳ phóng tâm nhi dĩ" (Đạo học vấn không có gì khác cả, cốt sao thu hồi cái tâm đã buông lung mà thôi). Quý vị buông thả cái tâm ra ngoài thì làm sao có thể thu hồi được? Nhiếp trọn sáu căn chính là thu hồi. Thu hồi mắt từ nơi sắc, thu hồi tai từ nơi tiếng, hể thu hồi được thì quý vị sẽ an tịnh, sẽ định. Quý vị không thu hồi được thì sẽ chịu ảnh hưởng của cảnh giới bên ngoài. Nói dễ hiểu nhất theo cách bây giờ là sáu căn không còn chịu ảnh hưởng của cảnh giới sáu trần bên ngoài nữa thì quý vị mới có thể giữ được tịnh niệm tiếp nối!

Nhĩ căn lạnh lợi nhất, nghe người ta khen ngợi, vui sướng hết sức; nghe người ta hủy báng, chửi rủa mình mấy câu, nóng giận mấy ngày. Làm thế nào đây? Ấy chính là quý vị không có cách gì nhiếp trọn sáu căn, tâm chưa được thanh tịnh. Thực sự thu hồi [cái tâm buông lung] thì thấy sắc

tuyệt đối chẳng chịu ảnh hưởng của Sắc pháp, nghe tiếng cũng quyết định chẳng bị ảnh hưởng bởi Thanh trần, tâm vĩnh viễn trong Định. Mũi ngửi mùi thơm, thơm hay thối hết như nhau; lưỡi nếm vị, nếm vị như một, tức là như nay ta thường nói: "*Không có ngon - dở, không có xấu - tốt!*" Tâm được bình đẳng, tâm được thanh tịnh.

Mọi người chúng ta niệm Phật, nói đơn giản là "*tịnh niệm*", niệm là niệm A Di Đà Phật, "*tịnh*" là không có hoài nghi, không xen tạp, đây là Tịnh. Không hoài nghi, không xen tạp, tiếp nối không gián đoạn, không xen tạp là công phu thực sự. Phàm phu chẳng thể thành tựu công phu ấy vì không có chân tín, có nghi, có xen tạp, xen tạp với mức độ lớn, khiến cho công phu niệm Phật hoàn toàn bị phá hoại. Kinh Lăng Nghiêm nói như vậy đó, còn như kinh A Di Đà giảng thì chúng tôi đã trình bày rồi, chúng ta hãy đọc một lần là được:

A Di Đà kinh vân: "Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, văn thuyết A Di Đà Phật, chấp trì danh hiệu, nhược nhất nhật, nhược nhị nhật, nãi chí thất nhật, nhất tâm bất loạn. Kỳ nhân lâm mạng chung thời, A Di Đà Phật dĩ chư thánh chúng hiện tại kỳ tiền. Thị nhân chung thời, tâm bất điên đảo, tức đắc vãng sanh A Di Đà Phật Cực Lạc quốc độ".

阿彌陀經云。若有善男子。善女人。聞說阿彌陀佛。執持名號。若一日。若二日。乃至七日。一心不亂。其人臨命終時。阿彌陀佛與諸聖眾。現在其前。是人終時。心不顛倒。即得往生阿彌陀佛極樂國土。

(*Kinh A Di Đà nói: "Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân, nghe nói đến A Di Đà Phật, chấp trì danh hiệu hoặc một ngày, hoặc hai ngày cho đến bảy ngày, nhất tâm bất loạn. Người ấy lúc mạng chung, A Di Đà Phật và các thánh chúng hiện ở đằng trước. Người ấy khi mạng chung, tâm không điên đảo, liền được sanh về cõi nước Cực Lạc của A Di Đà Phật"*)

Đoạn này trong phần trên chúng tôi đã giảng rồi, khi giảng kinh đã nói rồi.

Như thị hành giả thị danh Chánh Hạnh.

如是行者。是名正行。

(*Hành như thế thì gọi là Chánh Hạnh*).

Quý vị bình thường niệm Phật là tương ứng với kinh này, tương ứng với kinh Lăng Nghiêm. Kinh Lăng Nghiêm giảng rất sâu, kinh Di Đà giảng

trên mặt Sự. Giảng trên mặt Sự, tương ứng với kinh Lăng Nghiêm ở chỗ nào? Chấp trì danh hiệu, nhất tâm bất loạn. "*Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối*" là Nhân, tu nhân; còn Quả là nhất tâm bất loạn. Như vậy, có nhất tâm bất loạn thì đương nhiên có nhiếp trọn sáu căn và tịnh niệm tiếp nối; có nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, đương nhiên có cái quả nhất tâm bất loạn, nhân quả tương ứng. Hai bộ kinh này nói khác nhau nhưng cùng một công dụng. Tu hành như thế mới gọi là Chánh Hạnh.

Đường chủ Niệm Phật Đường thường ra rả câu Khẩu Đầu Thiền, chúng ta nói câu ấy là Khẩu Đầu Thiền vì thời thời khắc khắc thường kêu gào: "*Phóng hạ thân tâm thế giới, đề khởi chánh niệm*" (Buông thân tâm, thế giới xuống, dấy lên chánh niệm), nói như vậy đó. Nhiếp trọn sáu căn là buông thân tâm, thế giới xuống, chớ có phan duyên. Mắt chẳng phan duyên theo sắc, tai chẳng phan duyên theo tiếng, mũi không phan duyên theo hương, lưỡi không phan duyên theo vị, thân không phan duyên theo xúc, ý không phan duyên theo pháp. Thân hồi mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại, chẳng hướng ra ngoài phan duyên, tịnh niệm tiếp nối, chẳng nhiễm mảy trần. Lúc ấy, niệm một câu A Di Đà Phật bèn tương ứng, một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật. Tương ứng là tương ứng cùng nhất tâm bất loạn, nhất tâm bất loạn chính là Phật. Tiếp đó, lại nói:

Hạnh nhi vô nguyện, tức bất thành kỳ Hạnh.

行而無願。即不成其行。

(Hạnh nhưng không có nguyện thì Hạnh chẳng thành).

Điều này rất trọng yếu, quý vị thấy đó: Không có Nguyện là không được! Nguyện là gì?

Nguyện giả, yếu dĩ A Di Đà Phật tứ thập bát nguyện, nguyện nguyện tương ứng, thị vi đại nguyện dã.

願者要與阿彌陀佛。四十八願。願願相應。是為大願也。

(Nguyện thì phải tương ứng với bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật, phải tương ứng với từng nguyện một. Đây là đại nguyện vậy).

Ở đây quan trọng nhất là "*tứ thập bát nguyện, nguyện nguyện tương ứng*". Có vậy, quý vị mới hiểu khi Tịnh Tông Học Hội thành lập, vì sao chúng tôi lấy kinh văn phẩm thứ sáu của kinh Vô Lượng Thọ làm khóa tụng buổi sáng là vì ý nghĩa này. Tịnh Tông học nhân khởi tâm động niệm đều phải ứng với bốn mươi tám nguyện, nguyện nào cũng tương ứng thì chắc chắn

quý vị được vãng sanh, quyết định không có vấn đề gì cả! Vì thế, tôi thường thường khuyến khích mọi người đối với những người hiểu lầm ý nghĩa Bốn Nguyên, ta phải cảnh tỉnh cho họ không hiểu lầm. Hiểu lầm sẽ phí uổng một đời này, đến cuối cùng không thể vãng sanh được. Nếu quý vị chỉ trì mỗi một mình nguyên thứ mười tám, các nguyên khác không cần đến thì không được rồi!

Tổ sư nói bốn mươi tám nguyên, nguyên nào cũng tương ứng, nhưng quý vị chỉ tương ứng với một nguyên là không được rồi! Bất cứ một nguyên nào cũng bao quát bốn mươi bảy nguyên kia. Thiếu một điều thì nguyên ấy không viên mãn. Bốn mươi tám nguyên, các nguyên dung nhiếp lẫn nhau, bất cứ một nguyên nào cũng trọn đủ viên mãn bốn mươi tám nguyên. Chúng ta phải hiểu rõ đạo lý này, phải hiểu chân tướng sự thật này, ngàn muôn phần chẳng được hiểu lầm. Xưa nay tổ sư đại đức đề xướng Bốn Nguyên Niệm Phật không sai vì mỗi một nguyên đều nhiếp hết thảy nguyên. Đề xướng lấy nguyên thứ mười tám làm trung tâm thì không sai, nguyên thứ mười tám bao hàm bốn mươi bảy nguyên kia. Nguyên nguyên tương ứng, nguyên nguyên viên mãn, đó gọi là "đại nguyên". Tổ sư nói không sai, con người chúng ta hiện thời hiểu sai ý nghĩa; nhưng không hiểu ý nghĩa lời dạy của Như Lai, không hiểu ý tứ của tổ sư đại đức; nói thật ra, người thực sự hiểu được cũng không nhiều lắm!

Tín - Hạnh - Nguyên tam, như đánh tam túc, khuyết nhất bất khả.

信行願三。如鼎三足。缺一不可。

(Tín - Hạnh - Nguyên ba điều, như ba chân của cái đánh, chẳng thể thiếu một).

Câu này hết sức là quan trọng! Đây chính là điều kiện để vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Quý vị phải trọn đủ Tín - Nguyên - Hạnh, trong Tín có Nguyên, Hạnh. Trong Nguyên có Hạnh, Tín. Trong Hạnh có Tín, Nguyên, dung nhiếp lẫn nhau, quyết định chẳng thể đứng riêng lẻ được. "*Như đánh tam túc*" (như ba chân của cái đánh), khuyết một chân thì đánh không đứng vững được, phải đổ nhào. Điều này chứng tỏ, thiếu một trong ba điều kiện sẽ không thể vãng sanh được, nhất định phải hiểu chân tướng sự thật này! Tiếp theo, Ngài lại khuyên thính chúng, thính chúng ở đây là các quỷ thần, bảo chúng quỷ thần mà cũng là bảo đại chúng hiện tiền chúng ta:

Kim nhĩ vong linh đương tri: Hiện tiền nhất niệm, bốn tự viên thường.

今爾亡靈當知現前一念。本自圓常。

(Nay vong linh nên biết: Một niệm hiện tiền vốn tự viên mãn, thường hằng).

Quý vị hãy nên biết, quý thần cần nên biết thì chúng ta càng phải nên biết. Một niệm hiện tiền của chúng ta là viên mãn, vì sao [hiện thời niệm ấy] không viên mãn? Là vì chính mình có vọng tưởng, có phiền não, khiến cho tánh đức vốn sẵn viên mãn nơi Tự Tánh bị phá hoại, chướng ngại. Chúng sanh trong lục đạo không ai là chẳng như thế.

Tín - Hạnh - Nguyên: Nguyên thị tự kỷ bốn lai cụ hữu. Như thị tánh đức.

信行願。原是自己本來具有。如是性德。

(Tín - Hạnh - Nguyên: Nguyên chính mình vốn sẵn đủ. Tánh đức như thế).

Nói cách khác, Tín - Nguyên - Hạnh là đức năng sẵn có của tự tánh, chẳng phải đến từ bên ngoài. Hiện tại nhờ chư Phật Như Lai giáo huấn, tổ sư đại đức chỉ dạy:

Kim giả đàn thị bốn tánh quang minh hiển phát nhĩ.

今者但是本性光明顯發耳。

(Nay chỉ là quang minh của bốn tánh tỏ lộ mà thôi).

Tín - Hạnh - Nguyên là quang minh của bốn tánh, vốn sẵn đầy đủ nơi bản tánh. Vấn đề hiện thời là gì? Phật, Bồ Tát giáo huấn, tổ sư đại đức chỉ dạy, chúng ta nghe thấy, có giác ngộ hay chẳng? Thực sự giác ngộ chính là quang minh nơi tánh hiển phát. Tín phóng quang, Nguyên phóng quang, Hạnh phóng quang, con người hiện tại gọi quang ấy là "từ trường", phát xuất rõ ràng, tức là phá mê khai ngộ! Quý ở chỗ "đương tri nhất niệm hiện tiền" (hãy nên biết một niệm hiện tiền), quý ở chỗ "đương tri" (nên biết), "biết" chính là thực sự giác ngộ. Nếu quý vị không biết thì vẫn là mê hoặc, vẫn y như cũ "mê chứ không giác, tà chứ không chánh, nhiễm chứ không tịnh". Chúng đều liên quan với nhau, hết có một cái thì toàn bộ đều có, một mê thì hết thấy mê, một nhiễm thì hết thấy nhiễm, một tịnh thì hết thấy

tịnh. Vì thế, quý vị nghe xong, phải thực sự quay đầu, phải giác ngộ. Tiếp đó là phần cuối cùng lúc kết thúc một thời Phật sự này, ta tán Phật:

18. Tán Phật tổng kết

***A Di Đà Phật,
Vô thượng y vương,
Nguy nguy kim tướng phóng hào quang,
Khổ hải tác từ hàng,
Cửu phẩm liên bang,
Đồng nguyện vãng Tây Phương.***

阿彌陀佛。

無上醫王。

巍巍金相放毫光。

苦海作慈航。

九品蓮邦。

同願往西方。

*(A Di Đà Phật,
Vô thượng y vương,
Thân vàng vọi vọi phóng hào quang,
Biển khổ thả thuyền từ,
Cối sen chín phẩm,
Cùng nguyện về Tây Phương).*

Tán tụng: Phối hợp với âm nhạc, dùng tiết tấu ưu nhã xướng tụng lên, biểu thị chính mình đối với Phật - Pháp - Tăng Tam Bảo, đối với hết thảy chúng sanh lễ kính tán thán, cũng là cúng dường. Vì thế, nội dung của những kệ tán này hết sức phong phú. Từ xưa, các tổ sư đại đức nói: Trong hành pháp thì lễ kính, tán thán, sám hối, phát nguyện, không gì chẳng đầy đủ.

"A Di Đà Phật, vô thượng y vương", trị được hết thảy bệnh khổ của chúng sanh. Hết thảy chúng sanh có bệnh khổ gì? Luận theo lục đạo chúng sanh thì bệnh khổ là tham - sân - si - mạn. Tham - sân - si gọi là Tam Độc phiền não, không có gì độc địa hơn chúng. Trong thế gian này (tức là trong lục đạo), gốc rễ của tất cả hết thảy độc hại là tham - sân - si. Vì thế, nếu chuyển biến tham - sân - si thì cội rễ độc hại trong lục đạo sẽ bị diệt sạch. Bồ Tát cũng có bệnh, Bồ Tát bệnh gì vậy? Giải đãi! Vì thế, thiện căn duy

nhất của Bồ Tát là Tinh Tấn. Nếu không biết tinh tấn thì là giải đãi. Chúng sanh trong chín pháp giới đều có bệnh, phải nhờ đến A Di Đà Phật là một vị y vương vô thượng chẩn đoán, trị liệu, giúp cho mọi người khôi phục sức khỏe.

"Nguy nguy kim tướng phóng hào quang": Câu này tán thán công đức tự hành của A Di Đà Phật. Trong kinh giáo, đức Thế Tôn thường dạy chúng ta: Vì người khác diễn nói. Câu kệ này chính là diễn, A Di Đà Phật đang biểu diễn. Chúng sanh trong chín pháp giới đều có bệnh, A Di Đà Phật biểu diễn sự khỏe mạnh. *"Phóng hào quang"* là tướng bạch hào phóng quang. Chúng ta thường niệm bài kệ Tán Phật: *"Bạch hào uyển chuyển ngũ Tu Di, cảm mục trùng thanh tứ đại hải. Quang trung hóa Phật vô số ức, hóa Bồ Tát chúng diệp vô biên"*. *"Nguy nguy kim tướng phóng hào quang"* có nghĩa là như vậy đó.

"Khổ hải tác từ hàng"; từ đây trở xuống là A Di Đà Phật phổ độ chúng sanh, thực hiện nguyện *"chúng sanh vô biên thệ nguyện độ"*. Vì thế, ba câu kệ cuối nói về công của Phật, tức công đức và quả đức. *"Khổ hải tác từ hàng"* (làm chiếc thuyền Từ trong biển khổ) là công đức, *"cửu phẩm liên bang, đồng nguyện vãng Tây Phương"* là quả đức: Cửu phẩm liên bang là quả đức, *"đồng nguyện vãng Tây Phương"* là trong ấy có nguyện vọng của chính mình. Nay chúng ta cũng phát ra bốn mươi tám nguyện, nay chúng ta thực sự tin tưởng có Tây Phương Cực Lạc thế giới, có chuyện A Di Đà Phật tiếp dẫn chúng sanh, tin rằng mình y chiếu kinh giáo, nghiêm túc nỗ lực phụng hành, ta sẽ nhất định được vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, có cùng một thệ nguyện vãng sanh Tây Phương. Lời lẽ không nhiều, chỉ có mấy câu, nhưng nội dung hết sức phong phú. Sau đây lại quy mạng Liên Trì Hội Bồ Tát để tổng kết:

Nam mô Liên Trì Hội Bồ Tát Ma Ha Tát.

南無蓮池會菩薩摩訶薩。

Nam Mô nghĩa là quy y, quy mạng. Chính mình bằng lòng quy mạng Liên Trì Hội Bồ Tát Ma Ha Tát, ta cũng thành một người trong số các vị Bồ Tát Ma Ha Tát thuộc Liên Trì Hội. Thời thứ nhất đến đây là viên mãn.

ĐỆ NHỊ THỜI

Trong thời thứ hai, kinh A Di Đà, Vãng Sanh Chú đều là lập lại, nên chúng tôi khỏi cần giảng lại, nói một lần được rồi. Mở đầu thời thứ hai, nghi thức mở đầu nhất định cần phải có lễ kính xưng tán.

Nam mô Liên Trì Hải Hội Phật Bồ Tát.

南無蓮池海會佛菩薩。

Ý nghĩa câu này trong phần trên đã nói rồi, đây chính là lễ kính, xưng tán. Tiếp đó là niệm Phật Thuyết A Di Đà Kinh, Bát Nhất Thiết Nghiệp Chương Căn Bản Đắc Sanh Tịnh Độ Đà La Ni Chú. Đoạn này chính là tụng kinh, niệm chú. Sau mỗi một đoạn, đều lễ kính xưng tán Liên Trì Hội Bồ Tát. Liên Trì Hội và Liên Trì Hải Hội có khác biệt, nói Liên Trì Hội là nói về thế giới Cực Lạc, Liên Trì Hải Hội bao gồm cả mười phương thế giới, tất cả đều tính gộp. Giống như nay chúng ta phát tâm, thậm chí chưa phát tâm, nghe nói đến danh hiệu A Di Đà Phật, trông thấy tượng A Di Đà Phật, in dấu vào A Lại Da Thức, đều được tính là Liên Trì Hải Hội. Bởi thế, Liên Trì Hải Hội rất lớn, trọn pháp giới, hư không giới. Niệm kinh chú xong, lại lễ kính xưng tán:

Nam mô Liên Trì Hội Bồ Tát Ma Ha Tát.

南無蓮池會菩薩摩訶薩。

19. Khai thị

Tiếp theo là phần khai thị, theo thông lệ, trước phần khai thị có một bài kệ. Chúng ta hãy xem bài kệ ấy trước:

***Tiên tự kim triêu thành Phật khứ,
Lạc bang hóa chủ dĩ hiêm trì,
Na kham cánh dục chi hồ giả,
Quản thủ luân hồi một liễu thời.***

便就今朝成佛去。

樂邦化主已嫌遲。

那堪更欲之乎者。

管取輪迴沒了時。

*(Dấu về thành Phật bữa nay,
Lạc bang hóa chủ chê bai trễ rồi!
Muốn còn bàn luận khơi khơi,
Luân hồi giữ mãi biết đời nào ra!)*

Đây là thiền sư Trung Phong giảng cho chúng ta một gây, hy vọng cú đập ấy đánh thức chúng ta. Nếu còn không tỉnh sẽ thường xuyên bị Ngài đánh. Nếu quý vị thực sự minh bạch, thực sự giác ngộ, quý vị sẽ trở thành như thế nào? Sẽ đúng như đường chủ Niệm Phật Đường đã nói: *"Buông thân tâm thế giới xuống"*, tức là tất cả pháp thế gian và xuất thế gian đều buông xuống hết.

Hình như có ai đó từng hỏi tôi, viết thư hỏi tôi mấy vấn đề. Ông ta hỏi: *"Nếu chúng ta buông hết thả xuống thì có phải là công việc cũng không cần làm hay không? Cũng chẳng cần chiếu cố người khác, đem tiền đi bố thí hết, chúng ta sống trong ngày mai bằng cách nào đây?"* ông ta nêu ra câu hỏi đó. Nói thật ra, nêu ra những câu hỏi ấy tức là ông ta thực sự không hiểu ý nghĩa kinh Phật, đã hiểu lầm rồi. Tôi giảng ở đây mà quý vị còn hiểu lầm ý nghĩa. Nói khó lắm! Tôi giảng quý vị nghe còn hiểu sai, vậy thì lời Phật giảng lẽ nào chẳng hiểu sai?

Quý vị thấy trong *"Tịnh nghiệp tam phước"*, câu đầu tiên, đức Phật dạy chúng ta hiếu dưỡng phụ mẫu. Chúng ta buông bỏ hết thả, đối với cha mẹ là bất hiếu. Trong hiếu dưỡng phụ mẫu bao gồm cả chuyện chăm sóc gia đình, làm thế nào để có thể (giống như kinh Phật đã giảng) chiếu cố cả hai mặt? Phải học tập như thế nào mới đúng pháp? Tôi tin rằng có không ít người nghi hoặc như thế. Trên thực tế, trong những buổi giảng chúng tôi thường nói: *"Buông xuống không phải là buông xuống trên mặt Sự, phải buông xuống nơi tâm"*. Quý vị cần phải hiểu: Buông xuống nơi tâm không phải là chuyện gì cũng không quan tâm. Quý vị nghĩ chư Phật Như Lai, Pháp Thân Bồ Tát, các Ngài minh tâm kiến tánh, các Ngài buông xuống như thế nào? Quý vị chỉ nghĩ đến đức Phật thường dạy chúng ta thọ trì, đọc tụng vì người khác diễn nói. Thực sự buông xuống, triệt để buông xuống, nhưng buông xuống rồi thì sao? Vì người khác biểu diễn chính là quý vị thực sự buông xuống. Hiện tại là như thế nào? Hiện tại quý vị đang diễn kịch trên sân khấu, quý vị phải diễn cho thật giống, vậy mới là đúng. Có như vậy thì Lý và Sự mới viên dung.

Trong tâm không dính mắc may dơ bản nào, các đại đức nhà Thiền thường nói: *"Bách hoa tùng trung quá, phiến diệp bất triêm thân"* (Qua rừng trăm hoa nở, mẩu lá chẳng dính thân). Đi qua rừng trăm hoa là tùy duyên, Phật pháp tại thế gian, chẳng lìa pháp thế gian. Phật pháp tại thế gian, chẳng hoại thế gian pháp, mọi pháp thế gian thứ gì cũng đều làm đúng như pháp. Hiếu dưỡng phụ mẫu, tôn kính sư trưởng, yêu mến anh em, luân lý đạo đức điều gì cũng thực hiện cho thật tốt, cho thật viên mãn, trong tâm thực sự không vướng mắc may dơ. Đây chính là Phật, Bồ Tát. Trong tâm có điều gì thì quý vị là phàm phu. Như vậy, Sự thì có, nhưng Lý thì không, Tướng có, Tánh không, Tánh - Tướng vô ngại, Lý - Sự như một,

như vậy mới là thực sự hiểu. Do vậy, càng thực sự hiểu sẽ càng thực sự buông xuống được, càng thực hiện tốt hơn.

Đối với phụ mẫu, tôn trưởng phải chăm sóc hết sức viên mãn chu đáo, vì sao? Nêu tấm gương tốt cho đại chúng xã hội. Đó gọi là "*Phật pháp tại thế gian, chẳng lìa pháp thế gian*", nêu gương tốt nhất cho thế gian. Ngũ luân, bát đức^{6[6]} thấy đều phải làm, dầu một chút cũng chẳng được lơ mơ, lạng quạng; nhưng tâm địa thanh tịnh, quyết định không tiêm nhiễm mảy may, đó là Phật pháp. Phật pháp và thế gian pháp là một pháp, không phải là hai pháp. Quý vị giác ngộ thì Phật pháp là thế gian pháp, thế gian pháp là Phật pháp. Không giác ngộ thì Phật pháp cũng trở thành thế gian pháp. Vì sao? Tâm quý vị không thanh tịnh, quý vị nhiễm ô, quý vị sanh phiền não, không sanh trí huệ. Phật pháp tại thế gian, sanh trí huệ, không sanh phiền não, khác nhau!

Mặt nào cũng làm hết sức chu đáo, diễn tuồng, đức Phật gọi là "diễn nói", quý vị phải nêu gương giác ngộ, nêu gương làm Phật, nêu gương làm Bồ Tát. Nếu quý vị vẫn chưa hiểu lời nói này, hãy xem năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài đồng tử: Năm mươi ba vị thiện tri thức ấy đều là chư Phật Như Lai, họ thị hiện các nghề nghiệp, trai, gái, già, trẻ. Quý vị tìm vị nào có thân phận, có hạnh nghiệp liên quan đến mình, thấy vị ấy làm như thế nào, nghĩa là thấy vị ấy biểu diễn như thế nào bèn học theo, sẽ giải quyết được vấn đề của chính mình. Ở đây, đại sư vì lũ người mê hoặc điên đảo, lưu luyến thế gian chúng ta vẫn không chịu nghiêm túc nỗ lực học Phật mà giáng ngay cho một gậy vào đầu!

"*Tiên tự kim triều thành Phật khứ*" (dầu trở về thành Phật ngay trong ngày hôm nay) "*thành Phật khứ*" (đi thành Phật) chính là vãng sanh. Vãng sanh chính là thành Phật, thật đấy, không giả đâu! Chúng ta sanh về thế giới Cực Lạc là ra đi trong khi còn sống, không chết, đang sống mà đi, chứ không phải chết rồi mới đi! Ta còn sống, chưa tắt hơi, sáng suốt, minh mẫn, Phật đến tiếp dẫn, ta theo Phật ra đi! Đó là "đi", đang còn sống mà theo Phật ra đi, thân thể không cần đến nữa, bỏ đi!

Vì thế, vãng sanh là ra đi trong khi còn sống, chứ không phải chết rồi mới đi. Vì vậy, chúng tôi bảo pháp môn này "không già, không bệnh, không chết", đó gọi là gì vậy? Là đại sự! Phật vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện trong thế gian, đại sự gì vậy? Chính là đại sự này. Quý vị hãy nghĩ xem: Há còn có sự nào lớn lao hơn chuyện này hay chẳng? Ngài thực sự dạy cho chúng ta cách không già, không bệnh, không chết. Nếu quý vị không chiếu theo phương pháp này mà thực hành thì không còn có cách

6[6] Ngũ luân: Năm mối quan hệ trong xã hội: Vua tôi, cha con, vợ chồng, anh em, bằng hữu. Bát đức: Hiếu, đễ (hòa thuận, yêu thương anh em), trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, si (biết hổ thẹn).

nào nữa. Đức Phật là thầy, thầy chẳng thể ép buộc học trò, học trò học được thì thành công, nhất định phải nhờ vào ý chí tự phát khởi và tự lực, thầy có giúp cũng không được. Nếu chính quý vị chẳng thể tự động, tự phát, nỗ lực tự cường, quý vị làm sao có thể thành tựu cho được?

Do vậy, ở đây, đại sư giảng: Dẫu cho chúng ta vãng sanh ngay trong hiện tại, thì "*Lạc Bang hóa chủ*" – Lạc Bang là thế giới Cực Lạc, "*hóa chủ*" là A Di Đà Phật – A Di Đà Phật vẫn chê quý vị trở về quá chậm, vì sao giờ này quý vị mới đến? A Di Đà Phật ở trong thế giới Cực Lạc đã mười kiếp, sao bây giờ quý vị mới đến? Vãng sanh ngay trong hiện tại, mà A Di Đà Phật còn chê là chậm trễ. "*Na kham cánh dục chi hồ giả*" (há có nên muốn bàn luận xuống nữa ư): Câu này cũng là giảng cho chúng ta một gậy, chẳng được làm những chuyện "*chi hồ giả dã*" nữa! "*Chi hồ giả dã*"^{7[7]} là gì vậy? Chính là đọc kinh, nghiên cứu giáo pháp, vẫn lưu luyến chốn này, vẫn chưa buông xuống được, vẫn không muốn ra đi ngay lập tức.

Nếu vẫn còn lưu luyến kinh giáo, "*quản thủ luân hồi một liễu thời*" (vẫn giữ lấy luân hồi không lúc nào xong), quý vị vẫn tiếp tục muốn luân hồi trong lục đạo, chẳng thể xong được. Đúng là phải hiểu rõ, phải thông suốt, phải giống như Liên Trì đại sư: "*Tam Tạng thập nhị bộ, nhượng cấp biệt nhân ngộ*" (Tam Tạng mười hai bộ kinh nhường cho người khác ngộ). Muốn học Tam Tạng mười hai bộ kinh chính là làm chuyện "*chi hồ giả dã*". Nếu thực sự thấu hiểu sẽ không làm chuyện đó nữa, nhường cho người khác ngộ. "*Bát vạn tứ thiên hạnh, nhiều dữ tha nhân hành*" (tám vạn bốn ngàn hạnh, nhường cho người khác hành). Tám vạn bốn ngàn pháp môn, quý vị thích pháp nào thì hành pháp đó, tôi không hành, tôi đã quay đầu lại rồi.

Vì thế, các đại đức tổ sư đến cuối cùng, một bộ A Di Đà Kinh, một câu Nam-mô A Di Đà Phật bèn thành công, bèn viên mãn. Chúng ta vẫn phải nghiên cứu kinh giáo là vì sao? Vì chưa chết sạch lòng mong ngóng, khiêm hư sát đất tin tưởng, vẫn chưa chịu chết sạch lòng mong ngóng, khiêm hư sát đất buông xuống. Mục đích của kinh giáo là khiến cho quý vị triệt để giác ngộ, hể giác ngộ rồi thì phải buông hết mọi thứ xuống. Ngộ là thấy thấu suốt, sau khi thấy thấu suốt rồi bèn buông xuống, thâm nhập một môn, một câu A Di Đà Phật niệm đến cùng cực bèn thành công, không còn luân hồi trong lục đạo nữa. Bài kệ này rất quan trọng, hiện thời có được mấy người giác ngộ quay lại? Mấy người thực sự buông xuống? A! Bây giờ hết giờ rồi.

^{7[7]} Chi hồ giả dã: Chi, hồ, giả, dã (之乎者也) là bốn hư từ thông dụng trong Hán văn cổ để làm trợ ngữ từ. Do vậy, chúng thường được dùng để ví với những gì hư huyền, không thực tế. Làm chuyện "*chi hồ giả dã*" tức là làm chuyện phù phiếm, không thiết thực. Ở đây, đại sư có ý nói chê trách những kẻ chỉ lo đàm huyền thuyết diệu, không lo tu tập cầu được giải thoát.

Tập 48

Chư vị đồng học!

Xin hãy xem tiếp phần khai thị trong thời thứ hai:

Nguyên phù biến thập phương thị Cực Lạc thế giới. Sơn quang thủy sắc, tự không hợp không. Tận đại địa thị Thanh Thái cổ hương, hoa tiêu, điều đề, như kính chiếu kính.

原夫遍十方是極樂世界。山光水色。似空合空。盡大地是清泰故鄉。華笑鳥啼。

如鏡照鏡。

(Vốn trọn khắp mười phương là thế giới Cực Lạc. Ánh núi, sắc nước, dường hư không hòa hợp hư không. Khắp cõi đất là quê cũ Thanh Thái. Hoa cười, chim hót, như gương soi gương).

Trước hết chúng ta xem tiểu đoạn này. "Nguyên phù", "phù" (夫) là trợ ngữ từ, nói theo cách bây giờ thì "nguyên phù" nghĩa là vốn là, nguyên lai. Vốn là thật, là sự thật, "biến thập phương" (trọn khắp mười phương) vô lượng vô biên thế giới đều là thế giới Cực Lạc. Vì sao chỗ chúng ta đây lại trở thành khác hẳn thế giới Cực Lạc? Đạo lý này, chân tướng sự thật này phải hiểu rõ. Thế giới vốn là Nhất Chân, thế giới Cực Lạc là Nhất Chân pháp giới. Vì sao thế giới này biến đổi? Nguyên nhân là do chúng sanh cư trụ trong thế giới này đúng như kinh Đại Thừa đã nói: "*Nhất niệm bất giác, nhi hữu vô minh*" (một niệm bất giác bèn có vô minh), bèn dấy lên vô minh. Vô minh là Hoặc, mê hoặc, mê rồi bèn vọng động, tạo nghiệp, khiến cho thế giới vốn là Nhất Chân pháp giới bị bóp méo.

Chúng tôi lại dùng nước làm tỷ dụ để diễn tả: Cả thế giới này giống như nước. Nước vốn là bình tĩnh, nó vốn không nhiễm trước. Trong phần sau, đại sư cũng nêu tỷ dụ: "*Như kính chiếu kính*" (như gương rọi gương). Gương vốn không nhiễm trước, tâm địa của hết thảy chúng sanh đều tịch tĩnh, tràm tịch linh minh, tướng được hiện chính là thế giới Cực Lạc. Vốn là như thế đó, tiếc thay quý vị mê hoặc, bèn vọng động. Do vọng động nên khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước. Vì vậy, Nhất Chân, Cực Lạc bèn bị bóp méo.

Mỗi một cá nhân tạo nghiệp mê hoặc khác nhau. Vì vậy, thế giới của mỗi cá nhân khác nhau. Nói thật ra, chẳng thể tìm được hai cá nhân có thế giới giống nhau. Đến lúc nào mới hoàn toàn tương đồng? Khi thành Phật, như thường nói: "*Phật Phật đạo đồng!*" [Thế giới của mỗi vị] Đẳng Giác Bồ

Tát đều khác nhau, vẫn còn có sai biệt cực nhỏ nhiệm; đạt đến quả địa Như Lai mới hoàn toàn tương đồng. Vì sao? Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thảy đều đoạn hết, khôi phục diện mục vốn có, giống như nước trong ao, một mảy nhiễm ô cũng không có, một mảy sóng gợn cũng không có, giống như một tấm gương. Tác dụng của nó là soi rõ ràng, minh bạch những thứ ở bên ngoài. Chỉ cần có chút nhiễm ô, một mảy sóng gợn bèn có sai biệt, hưởng chi gió to, sóng lớn.

Tâm của bọn phàm phu lục đạo chúng ta là gió to, sóng lớn, mừng, giận, buồn, vui, yêu, ghét, muốn, thất tình, ngũ dục là gió to sóng lớn. Diện mục vốn có (tức Cực Lạc) không thấy được mảy may nào. Bảo quý vị rằng có Cực Lạc, quý vị vẫn chẳng tin. Đối với sự không tin ấy, chúng ta có thể suy tưởng được: Từ trước đến nay, [người ấy] chưa từng nghe nói đến, từ trước đến nay chưa từng thấy qua, thậm chí nghe người khác nói, [liền tự nhủ]: “Có lẽ là chuyện lý tưởng, sợ rằng không phải là sự thật, lẽ nào có sự thật ấy!” Nói chung không tránh khỏi ngờ vực! Bởi thế, phải hiểu thế giới Cực Lạc vốn trọn khắp mười phương, vô lượng vô biên hết thảy cõi nước đều là thế giới Cực Lạc. Đạo lý này đến bây giờ chúng ta mới hiểu, mới tin tưởng được chân tướng sự thật này, chúng ta không hoài nghi. Tiếp theo đó là cách nói hình dung.

“Sơn quang, thủy sắc, tự không hợp không” (Ánh núi, sắc nước, dường như hư không hòa hợp với hư không): Giống như nước trong hồ đầm, ao chuôm vậy, dáng núi in bóng xuống mặt nước, nước thanh tịnh, nước bình tịnh, không nhiễm ô, không có sóng gợn, giống như một tấm gương, *“tự không hợp không”* (dường như hư không hòa hợp hư không). Nếu như tâm chúng ta thanh tịnh thì như thế nào? Hoàn cảnh bên ngoài sẽ chuyển theo tâm: Tâm thanh tịnh, hoàn cảnh bên ngoài thanh tịnh. Tâm bình đẳng, hoàn cảnh bên ngoài bình đẳng. Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác là đức hiệu của A Di Đà Phật, mà cũng là đức hiệu của tự tánh chúng ta. Tự tánh của chúng ta vốn là thanh tịnh, bình đẳng, giác. Nay vì sao không thanh tịnh, không bình đẳng, không giác? Chuyện này phải tự trách mình, không thể trách ai khác! Đây là cảnh giới thanh tịnh bình đẳng giác.

“Tận đại địa thị Thanh Thái cố hương” (trọn cõi đất là quê cũ Thanh Thái). Thanh Thái chính là thế giới Cực Lạc. Thế giới Cực Lạc còn có tên là Thanh Thái: Thanh tịnh, Thái (泰) là hòa bình an lạc, hoàn toàn tương phản với thế giới này của chúng ta. Thế giới của chúng ta là thế giới ngũ trược ác thế, Tây Phương Cực Lạc là *“ngũ thanh an thái”* (năm điều thanh tịnh, an vui, hòa bình) không trược, chẳng ác. Đủ thấy rằng sự thật này đúng như đức Thế Tôn thường giảng trong kinh Đại Thừa: *“Nhất thiết pháp tùng tâm tướng sanh”* (Hết thảy các pháp sanh từ tâm tướng). Vì thế, ngày nay

chúng ta tu hành là tu cái gì? Trong kinh A Di Đà, đức Thế Tôn đã dạy chúng ta: "*Nhất tâm bất loạn*", "*tâm không điên đảo*", hai câu như vậy đó.

Nếu tu đến mức niệm niệm đều là nhất tâm bất loạn thì cảnh giới thủy đều chuyển. Tôi thường nói: Trước nhất là tướng mạo chuyển biến, tiếp đến là thể chất chuyển biến, rồi đến hoàn cảnh cư trụ cũng chuyển biến. Giống như một ngọn đèn, lúc đốt sáng lên, trước hết soi sáng chính mình, mà cũng chiếu trọn khắp mười phương xung quanh quý vị. Độ sáng càng mạnh thì chiếu càng xa. Độ sáng yếu thì chiếu rất gần. Độ sáng yếu hay mạnh là công phu của quý vị cạn hay sâu. Chiếu tan tối tăm, chiếu tan trước ác, Cực Lạc hiện tiền, Thanh Thái hiện tiền. "*Thanh Thái cố hương*", chữ "*cố hương*" ý vị rất nồng nàn! Vốn sẵn là như thế, nay mê hoặc đã quá lâu, giống như lữ hành bên ngoài, rồi quê cũ quá lâu, quê cũ như thế nào gần như quên mất. Mê luyến trong hoàn cảnh khổ nạn bên ngoài, chẳng biết vốn sẵn là an lạc.

"*Hoa tiếu, điệu đề, như kính chiếu kính*" (Hoa cười, chim hót, như gương soi gương): Hai câu sau cùng này đều là tỷ dụ nhằm hình dung, nghĩa lý rất sâu, chúng ta phải chú tâm thể hội. "*Như gương chiếu gương*", gương rọi sáng lẫn nhau, cảnh giới được hiện trùng trùng vô tận. Quả thật tỷ dụ này có thể dùng để sánh ví thế giới trùng trùng vô tận được một chút, mảy trần chẳng nhiễm, trạm tịch linh minh. "*Hoa cười, chim hót*" nhằm hình dung sự sung sướng. Tiếp theo, thiền sư Trung Phong lại vì chúng ta nói:

Tự thị bất quy, quy tiện đắc. Ngũ hồ yên cảnh hữu thù tranh?

自是不歸歸便得。五湖煙景有誰爭。

(Tự mình không về, chứ về liền được. Cảnh mây khói nơi năm hồ nào ai tranh?)

Chúng ta mê mất tự tánh, không biết quay đầu. "*Tự thị bất quy*" (chính mình không về) nghĩa là không biết quay đầu! Nếu quý vị quay đầu thì [tự tánh] sẽ hiện tiền. Sao gọi là "*quay đầu*"? Dứt sạch vọng tưởng, phân biệt, chấp trước là "*quay đầu*"; do vì trong tự tánh không có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Kinh điển nhà Phật gọi cảnh giới được hiện bởi tự tánh trạm nhiên tịch diệt bằng danh từ Cực Lạc, Hoa Tạng, hoặc là Nhất Chân, đầy đủ đều là tự tánh duy tâm sở hiện, không phải do duy thức sở biến. Thức là gì? Thức là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước; vừa khởi lên những thứ này thì thế giới liền bị biến đổi ngay lập tức, tùy theo thức tâm của quý vị mà sanh ra những biến hóa, biến thành mười pháp giới. Trong mười pháp giới, quý vị chú tâm quan sát sẽ thấy trong mười pháp giới lại có mười pháp giới, Thiên Thai đại sư gọi là "*bách giới thiên như*". Nếu lại chú tâm quan

sát, sẽ là vô lượng vô biên pháp giới, đây chính là những chiều không gian khác nhau được phát hiện bởi các nhà khoa học hiện đại.

Những chiều không gian khác nhau là do đâu mà có? Từ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước hiện ra. Chỉ cần buông xuống vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì gọi là Thiền Định, hoặc là tam-muội. Để đột phá những chiều không gian khác nhau, quý vị buông xuống nhiều sẽ đột phá nhiều chiều không gian; buông xuống ít thì đột phá các chiều không gian cũng ít. Người thế gian thường gọi chuyện này là [người tu hành] có thần thông nhiều hay ít khác nhau; thần thông nhiều hay ít là như thế đó: Quý vị buông xuống được nhiều hay ít. Càng buông được nhiều, thần thông càng lớn. A La Hán buông chấp trước (tức Kiến Tư phiền não) xuống, siêu thoát sáu nẻo. Bồ Tát lại tiến xa hơn nữa, buông Trần Sa phiền não xuống, không còn phân biệt; vì thế, các Ngài có thể vượt thoát mười pháp giới. Pháp Thân Bồ Tát lại còn tiến cao hơn nữa, vọng tưởng cũng buông xuống luôn nên trở về Nhất Chân pháp giới, đạt đến địa vị ấy thì gọi là trở về quê cũ Thanh Thái nơi thế giới Cực Lạc.

Phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, sẽ nhập cảnh giới này. Đây không phải là chuyện dễ, nay chúng ta không có cách gì cả. Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước (tức là phiền não tập khí) buông xuống không được, chỉ có cách nhờ vào A Di Đà Phật giúp đỡ chúng ta, tiếp dẫn chúng ta sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, đến nơi ấy sẽ dần dần buông xuống được. Qua kinh điển Tịnh Tông, đức Thế Tôn đã giới thiệu cho chúng ta, đức Phật giảng rất rõ ràng, rất minh bạch: Phàm phu nghiệp chướng, tập khí sâu nặng, trừ một môn này ra, các pháp môn khác đều hay, tuy pháp môn bình đẳng không cao - thấp, nhưng hết thảy chúng sanh căn tánh không bình đẳng, mê - ngộ không bình đẳng, nghiệp chướng không bình đẳng, cho nên phải chọn lấy một pháp môn kế cơ thì mới có thể thọ dụng được. Pháp môn Niệm Phật Trì Danh của Tịnh Tông thích hợp nhất đối với căn cơ của mọi chúng sanh. Chỉ cần quý vị có thể tin, có thể nguyện, có thể chấp trì danh hiệu, như Đại Thế Chí Bồ Tát đã nói: "*Đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương kế*" (Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối) thì quý vị sẽ thành công. Do vậy, quý vị phải nghĩ đến chuyện quay đầu, quay đầu là được, "*quy tiện đắc*" (về được liền).

"*Ngũ hồ yên cảnh*" (cảnh sắc năm hồ phủ trong mây khói) chính là tỷ dụ. Trước kia giao thông bất tiện, địa cầu bị núi sông cách trở. Mỗi một khu vực khá cô lập, đây kia chẳng qua lại với nhau. Mọi người thường gọi chung những khu vực của Trung Quốc là "*ngũ hồ tứ hải*". Nói "*ngũ hồ tứ hải*" cũng như nói đến toàn bộ Trung Quốc. Tứ hải chính là bốn biển Bột Hải, Hoàng

Hải, Đông Hải, Nam Hải^{8[8]} ở phía Đông Trung Quốc. Trong nội địa có Động Đình Hồ, Bà Dương Hồ, Sào Hồ, Thái Hồ, Hồng Trạch Hồ^{9[9]} đều ở hai bên bờ Trường Giang, phong cảnh hết sức đẹp. Hiện tại rất nhiều khách du lịch đến Trung Quốc ngoạn cảnh, đại khái những nơi ấy đều thuộc khu vực du lịch trọng điểm. Phong cảnh những nơi đó mặc tình nhìn ngắm, thưởng thức, chẳng có ai tranh, nên thiên sư dùng những cảnh ấy để tỷ dụ người Tây Phương Cực Lạc thế giới tiêu dao tự tại. Giữa người với người không có tranh chấp, không có chiếm hữu; do vậy không có được mất, chẳng giống như thế gian chúng ta lo được, lo mất!

Nói thật ra, toàn bộ thiên nhiên vốn không có giới tuyến; nơi hoàn cảnh cư trụ của chúng hiện nay đã biến thành [tình trạng] như thế này: Đất đai nhà của quý vị có giới tuyến phân định nhà mình với nhà hàng xóm. Chúng tôi đọc cuốn Âm Thanh Hoang Dã, thấy những thổ dân châu Úc nghĩ bọn người chúng ta (họ gọi chúng ta là "hạng người biển giống") không phải là người nguyên gốc. Người nguyên gốc không có những quan niệm giới hạn như vậy. Nếu nay vạch ra một khoảng đất rồi cho là của mình, không cho người khác xâm phạm, quả thật đúng là biển giống, bởi nguyên khởi vốn không hề có chuyện như vậy. Nguyên lai, bất luận cuộc sống tinh thần hay cuộc sống vật chất đều hợp thành một với thiên nhiên. Tối thiểu là chúng ta sống trên quả địa cầu này, toàn bộ địa cầu chính là không gian hoạt động của ta, không câu thúc, không có mảy may chướng ngại nào. Con người hiện tại bày ra chướng ngại khắp nơi, tự mình hạn chế mình, đấy là do con người làm ra, chứ tự nhiên không như thế.

Như vậy, chúng ta thấy thiên sư bảo "*hoa cười, chim hát*" nhằm hình dung cuộc sống tự nhiên, cuộc sống không trói buộc, tuyệt đối không nói đến chuyện chiếm hữu, đối lập, những ý niệm ấy đều không có, không có

8[8] Bột Hải là một phần của Thái Bình Dương, nằm giữa bán đảo Liêu Đông và bán đảo Sơn Đông. Đôi khi Bột Hải còn được gọi là vịnh Trục Lệ hay Thương Hải (biển xanh, không phải Thương Hải. Thương Hải là một thành phố).

Hoàng Hải là vùng biển phía Bắc của Trung Hoa tức một phần của Thái Bình Dương nằm giữa Trung Hoa và Đại Hàn, bao gồm cả Bột Hải và vịnh Đại Hàn. Người Đại Hàn thường gọi Hoàng Hải là Tây Hải. Sở dĩ có tên là Hoàng Hải vì bão cát từ sa mạc Gobi tuôn xuống cũng như do phù sa từ Hoàng Hà khiến nước biển có sắc vàng.

Đông Hải là vùng biển Thái Bình Dương kể từ cửa sông Trường Giang cho đến eo biển Đài Loan.

Nam Hải là vùng biển kể từ phía Nam Đài Loan cho đến các nước thuộc khu vực Đông Nam Á, ta thường gọi vùng biển này là biển Đông.

9[9] Thông thường, các tự điển kể tên Ngũ Hồ là Động Đình, Bà Dương, Thái Hồ, Thanh Hải, và Hồng Trạch (liệt kê như vậy chỉ là tính theo kích thước, ở đây, Hòa Thượng chỉ kể những hồ nước ngọt lớn nhất của Trung Hoa. Thanh Hải thường được coi là biển nội địa hơn là Hồ). Sào Hồ thuộc tỉnh An Huy, thuộc địa bàn của hai địa khu Bao Hà và Cư Sào và ba huyện (Phì Đông, Phì Tây, Hồ Giang). Theo truyền thuyết, Sào Hồ là nơi quê hương của Hữu Sào Thị (một thị tộc cổ của Trung Hoa đã phát kiến ra cách kết các cành cây làm tổ để ở, rồi dần dần phát triển thành nhà sàn).

những quan niệm ấy. Niệm niệm tương ứng cùng Pháp Tánh, niệm niệm tương ứng cùng thiên nhiên. Câu này hình dung chúng ta trở về với đại tự nhiên, trở về thế giới Cực Lạc chính là về với đại tự nhiên, ở đây thiền sư Trung Phong khuyên dạy chúng ta như thế. Tiếp theo là:

Hoàng kim tý trú dạ thường thùy.

黃金臂晝夜常垂。

(Tay vàng ròng đêm ngày thường rủ).

Đây chính là A Di Đà Phật xòe tay tiếp dẫn, từ trước đến nay, ngày đêm không gián đoạn, hy vọng chúng ta quay đầu.

Duy hứa hành nhân độc ủy.

惟許行人獨委。

(Chỉ đợi mình hành nhân nương nhờ).

Ủy (委) là gởi thân, quy mạng. Trong câu "duy hứa hành nhân" thì "hành nhân" cũng mang ý nghĩa kép:

1) Hành nhân là người tu hành nhất tâm quy mạng A Di Đà Phật, A Di Đà Phật tiếp dẫn người ấy.

2) Ngoài ra, "hành nhân" còn có nghĩa là người đang lữ hành bên ngoài, xa rời quê nhà. Ở bên ngoài đã lâu lắm rồi, quên mất cả quê nhà.

Câu nói mang hai nghĩa như vậy. Nếu chúng ta giác ngộ, thực sự quay đầu, nói thông tục là hết thấy đều gởi gắm A Di Đà Phật chiếu cố. A Di Đà Phật thực sự chiếu cố quý vị, không giả chút nào hết! Vấn đề là quý vị có thực sự chịu ủy thác cho Ngài hay không? Nếu thực sự ủy thác, Phật sẽ thực sự chiếu cố quý vị.

Bạch ngọc hào cổ kim bất muội.

白玉毫古今不昧。

(Bạch ngọc hào quang xưa nay chẳng tối).

"Bạch ngọc hào" chính là A Di Đà Phật phóng quang từ tướng Bạch Hào, Phật quang chiếu đến quý vị. Trong nhà Phật chúng ta gọi là Phật quang, nay người Tây Phương gọi là "từ trường". Từ trường của A Di Đà Phật đặc biệt mạnh mẽ, đúng là vượt trội các đức Phật khác. Từ trường của Ngài trọn khắp pháp giới, hư không giới, trọn khắp hết thấy những chiều không gian bất đồng. Trong kinh Hoa Nghiêm, chúng ta thấy là trọn khắp

trùng trùng vô tận thế giới, vì sao? Vì A Di Đà Phật biểu thị tánh đức rất ráo viên mãn, trọn khắp pháp giới hư không giới, trọn khắp trùng trùng vô tận thế giới, pháp vốn là như thế, vốn sẵn là như vậy. Hiện tại:

Toàn bằng nguyện giả thừa đương.

全憑願者承當。

(Hoàn toàn nhờ vào tín - hạnh - nguyện gánh vác).

"Thừa đương" là trực tiếp gánh vác. Chúng ta được Phật quang soi chiếu lợi ích, thường gọi là công đức. Thế nào là "nguyện giả"? Có Tín, có Hạnh, có Nguyện. So với câu "duy hứa hành nhân độc ủy" (chỉ đợi mình hành nhân nương nhờ) ở trên thì câu này lại sâu hơn một tầng nữa. "Chỉ đợi mình hành nhân nương nhờ" là có Tín, có Nguyện, nhưng không thấy có Hạnh. Ở đây, "nguyện giả thừa đương" là đầy đủ ba tư lương Tín - Nguyện - Hạnh.

Sở dĩ đạo: Vạn pháp thị tâm quang, chư duyên duy tánh liễu, bản vô mê ngộ nhân, chỉ yếu kim nhật liễu.

所以道。萬法是心光。諸緣惟性曉。本無迷悟人。只要今日了。

(Vì thế mới nói: Muôn pháp là tâm quang, các duyên chỉ do tánh chiếu rọi, vốn không có kẻ mê, người ngộ, chỉ cần ngày hôm nay liễu giải).

Bốn câu này nói rất hay. "Vạn pháp" bao gồm hư không, pháp giới, cõi nước, chúng sanh, chúng là gì vậy? Đúng là chân tâm, là những ánh sáng, cảnh sắc do tự tánh rung động (ba động, dao động, fluctuations). Các nhà khoa học hiện tại cũng nói như thế. Các nhà khoa học công nhận trong vũ trụ vật chất không tồn tại, vật chất là gì? Là những tướng hiện ra bởi những rung động, cách nói như vậy dần dần tương ứng với Đại Thừa giáo. Vì vậy, khoa học tiến bộ giúp cho Phật giáo rất nhiều. Chúng ta đọc kinh Phật, lại nghe những điều khoa học nói, tín tâm kiên định, nghi hoặc đều đoạn sạch. Hết thấy vạn pháp trong vũ trụ quả thật là những tướng được hiện do những rung động từ tâm quang.

"Chư duyên duy tánh liễu" (Các duyên chỉ do tánh tỏ rọi): Tánh là chân tánh, các duyên là hết thấy vạn pháp, vạn sự, vạn pháp. Vạn pháp và "các duyên" ở đây có cùng ý nghĩa. Pháp do đâu mà có? Pháp là duyên sanh. Duyên là gì? Là huyền giác do tập khí nhiễm ô nơi chân tánh, là Thức. Nếu dùng "duy tâm sở hiện, duy thức sở biến" để giải thích bốn câu của thiền sư Trung Phong sẽ dễ dàng hiểu rõ. "Vạn pháp thị tâm quang" (Vạn

pháp là tâm quang) nghĩa là duy tâm sở hiện; “*chư duyên duy tánh liễu*” (các duyên chỉ do tánh tỏ rạng) là duy thức sở biến.

“*Bốn vô mê ngộ nhân*” (vốn không có người mê hay kẻ ngộ). Con người quả thật không có mê và ngộ, mê và ngộ là gì? Là nhận biết sai lầm. Con người là vật chất, quả thật không mê hay ngộ. Phật tánh không có mê hay ngộ, Pháp Tánh không có mê hay ngộ. Mê - ngộ là duyên, đến phần khai thị trong đoạn sau, thiền sư Trung Phong sẽ giảng thật rõ. Ngài giảng tâm có nhiều thứ, mê - ngộ là gì? Mê - ngộ là Duyên Lự tâm, là tám thức, năm mươi một Tâm Sở, ở trong những thứ ấy có thể nói đến mê, nhắc đến ngộ, chứ trong tự tánh không có mê hay ngộ, trong Pháp Tánh không có mê hay ngộ, trong pháp giới không có mê hay ngộ.

Vì thế, “*chỉ yếu kim nhật liễu*” (chỉ cần ngày nay liễu giải), ngày hôm nay đột nhiên giác ngộ, vấn đề bèn được giải quyết. Nói trên mặt lý luận, phạm phu thành Phật chỉ trong một niệm, lẽ đâu phải mất cả một ngày để giác ngộ? Nào phải mất cả ngày để quay đầu? Hy vọng quý vị hiện tại giác ngộ, hiện tại quay đầu, buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống chính là quay đầu. Chúng tôi thường khuyến khích các đồng học, phải chú trọng buông tự tư tự lợi xuống, phải buông danh văn, lợi dưỡng xuống, phải buông sự hưởng thụ ngũ dục lục trần xuống, phải buông tham - sân - si - mạn xuống. Từ vô thủy kiếp đến nay, những thứ này đã hại chúng ta phải đời đời kiếp luân hồi trong lục đạo, đau khổ đã nếm đủ quá rồi, hãy nên giác ngộ, hãy nên quay đầu lại, hãy nên buông xuống. Buông xuống chính là quay đầu về với bản lai diện mục của chúng ta, thế giới Cực Lạc, quê cũ Thanh Thái. Hãy xem tiếp đoạn khai thị tiếp theo:

Tức kim hiện tiền chúng đẳng, hệ niệm đệ nhị thời Phật sự.

即今現前眾等。繫念第二時佛事。

(*Vậy nay đại chúng hiện tiền, Phật sự Hệ Niệm thời thứ hai*).

Vốn là có ba thời hệ niệm, đây là thời thứ hai. Đại chúng hiện đang ở trong thời thứ hai.

Thả liễu chi nhất cú, như hà cử dương?

且了之一句。如何舉揚。

(*Vậy thì liễu giải rồi, một câu phải diễn nói như thế nào đây?*)

“*Liễu chi*” (liễu giải rồi) do đâu mà có? Từ phần khai thị trên đã nói: “*Bốn vô mê ngộ nhân, chỉ yếu kim nhật liễu*” (Vốn không có người mê hay kẻ ngộ, chỉ cần ngày nay liễu giải). Hiện tiền đại chúng chúng ta, mau đã

liều giải một câu rồi thì phải diễn nói như thế nào đây? Ở đây, đại sư lại y như cũ, trao cho chúng ta thiền ý. Chúng ta có tham thấu mới hồng thụ dụng. Tham không thấu cũng không sao, cứ chất phác niệm Phật cũng được. Ngài nói hai câu:

***Lưu ly trì thượng huyền minh nguyệt,
Hạm đạm hoa gian hý thủy cầm.***

琉璃池上懸明月。

菡萏華間戲水禽。

*(Ao lưu ly trắng sáng vắt ngang,
Quanh sen búp, thủy cầm đùa bỡn).*

Đây là nói hiện tiền đại chúng chúng ta nên liễu giải như thế nào. Câu thứ nhất giảng về minh tâm kiến tánh, tâm tánh vốn sẵn sáng suốt, nay như thế nào? Nay không trong sáng, vì sao không sáng? Vì có những thứ đã nói trên đây chướng ngại, những thứ gì vậy? Phiền não tập khí, Phiền Não Chướng, Sở Tri Chướng, hai thứ chướng ấy ngăn lấp tánh. Tâm tánh vốn là "lưu ly trì thượng huyền minh nguyệt" (vàng trắng sáng treo ngang ao lưu ly); nay ao lưu ly biến thành nước đục, không thấy được vàng trắng sáng nữa.

Làm thế nào để khôi phục tự tánh của chính mình? Buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống. Tổ sư đại đức dạy cho hàng sơ học phương pháp rất tốt, nhưng tự chúng ta quá lơ đãng, không nghe hiểu, không biết y giáo phụng hành. Các Ngài dạy chúng ta phương pháp: Trong cuộc sống thường ngày khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, hành vi chớ tùy thuận phiền não tập khí của chính mình, phải tùy thuận giáo huấn của Phật, Bồ Tát, phải tùy thuận tánh đức. Nếu thực sự làm được như thế, nghiêm túc làm, đêm ngày đều không rời thì nói chung là từ ba đến năm năm bèn có hiệu quả hết sức tốt đẹp. Hiệu quả thù thắng nhất có thể là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh; kém hơn thì tuy chưa thể triệt ngộ, nhưng khẳng định là có đại ngộ. Trong vòng ba đến năm năm, thời thời khắc khắc có tiểu ngộ, tích tiểu ngộ thành đại ngộ, tích đại ngộ thành triệt ngộ; vấn đề là phải nghiêm túc tu tập, phải khắc phục phiền não tập khí của chính mình. Câu tiếp theo nói đến du hý thần thông.

"Hạm đạm hoa gian hý thủy cầm" (loài thủy cầm đùa giỡn giữa các búp sen). "Hạm đạm" là [búp] hoa sen, hoa sen trong ao, loài thủy cầm^{10[10]} cũng ở trong ao hoa sen, rất tự tại, rất tiêu dao. Câu này là hình

^{10[10]} Thủy cầm: Những loài chim sống dưới nước như le le, ngỗng, vịt, uyên ương...

dung nhằm làm cho quý vị đối với cảnh giới ấy phải chú tâm lãnh hội. Lãnh hội không được thì cứ niệm Phật, chuyên tu pháp môn Trì Danh này. Tiếp đó là bài kệ tán Phật, chúng ta đọc qua một lượt là được rồi, trước kia đã giảng rồi:

20. Tán Phật Kệ

***A Di Đà Phật thân kim sắc,
Tướng hảo quang minh vô đẳng luân.
Bạch hào uyển chuyển ngũ Tu Di,
Cám mục trùng thanh tứ đại hải.
Quang trung hóa Phật vô số ức,
Hóa Bồ Tát chúng diệc vô biên.
Tứ thập bát nguyện độ chúng sanh,
Cửu phẩm hàm linh đẳng bỉ ngạn.
Nam mô Tây Phương Cực Lạc thế giới đại từ đại bi A Di Đà Phật.***
阿彌陀佛身金色。

相好光明無等倫。

白毫宛轉五須彌。

紺目澄清四大海。

光中化佛無數億。

化菩薩眾亦無邊。

四十八願度眾生。

九品咸令登彼岸。

南無西方極樂世界。大慈大悲。阿彌陀佛。

Đoạn văn này hết sức quan trọng, là trung tâm của pháp sự Hệ Niệm. Tất cả những chuyện niệm kinh, niệm chú, khai thị đều là trợ duyên, trung tâm của pháp sự này là niệm Phật. Vì thế, ở đây thiền sư dặn dò chúng ta: Phật hiệu niệm càng nhiều càng tốt. Thông thường, đơn giản nhất là niệm một trăm tiếng, nếu thực sự niệm thì nên niệm một ngàn tiếng, trong tâm quý vị mới định lại được, mới hòng thọ dụng. Một trăm tiếng là mới hơi định thôi, sau đấy không còn định nữa, rất khó có hiệu quả. Tiếp đến là tán Phật:

Đệ nhất đại nguyện,

**Quán tướng Di Đà,
Tứ thập bát nguyện độ Sa Bà,
Cửu phẩm dũng kim ba,
Bảo võng giao la,
Độ vong linh xuất ái hà.
Nam mô Liên Trì Hội Bồ Tát Ma Ha Tát.**

第一大願。

觀想彌陀。

四十八願度娑婆。

九品湧金波。

寶網交羅。

度亡靈出愛河。

南無蓮池會菩薩摩訶薩。

Đoạn này bảo chúng ta tu hành, chúng ta là hạng căn tánh như vậy thì phải tu hành như thế mới thực sự đạt được lợi ích.

21. Khai thị

Dưới đây lại là phần khai thị lần thứ hai, mở đầu cũng là bốn câu kệ:

**Thị tâm thị Phật tương tâm niệm,
Niệm đáo tâm không, Phật diệt vong,
Tán thủ quy lai trùng kiểm điểm,
Hoa khai xích bạch dữ thanh hoàng.**

是心是佛將心念。

念到心空佛亦忘。

撒手歸來重檢點。

華開赤白與青黃。

(Tâm này là Phật đem tâm niệm,
Niệm đến tâm không, Phật cũng không,
Thống tay quay về kiểm điểm lại,
Hoa chen trắng đỏ lẫn xanh vàng).

"*Thị tâm thị Phật*" (tâm này là Phật), trong phần trên đã nói qua, "*tương tâm niệm*" (hãy đem tâm niệm) là đúng quá rồi! "*Đem tâm niệm*" chính là "*tâm này làm Phật*", hoàn toàn tương đồng, hoàn toàn ứng với lời đức Thế Tôn đã giảng trong kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật. Quán kinh dạy: "*Thị tâm thị Phật, thị tâm tác Phật*" (tâm này là Phật, tâm này làm Phật). Làm Phật như thế nào? Niệm Phật chính là làm Phật, cái tâm của quý vị vốn là Phật, nay lại niệm Phật, sao không thành Phật cho được! A! Bây giờ đã hết giờ rồi!

*

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp bài kệ trong phần khai thị lần thứ hai:

***Thị tâm thị Phật tương tâm niệm,
Niệm đáo tâm không, Phật diệc vong.***

是心是佛將心念。

念到心空佛亦忘。

(*Tâm này là Phật, đem tâm niệm,
Niệm đến tâm không, Phật cũng không*).

Đây là nói đến lúc công phu thành thực, tam-muội hiện tiền, bầu trời tâm tánh hoàn toàn hiện bày. Trong pháp môn Niệm Phật, cảnh giới này được gọi là nhất tâm bất loạn, cùng một cảnh giới "đại triệt, đại ngộ, minh tâm, kiến tánh" của Thiền Tông. Cũng có thể nói là: Đã đoạn phân biệt, chấp trước, đối với hết thấy pháp thế gian và xuất thế gian không phân biệt, không chấp trước, vọng tưởng cũng phá được một phần, tối thiểu là phá được một phẩm [vô minh], vượt thoát mười pháp giới. Lúc ấy sẽ trụ trong Nhất Chân pháp giới, pháp Đại Thừa gọi [người như vậy] là Pháp Thân Bồ Tát hay Pháp Thân đại sĩ. Hai câu kệ tiếp theo nói đến cảnh giới của bậc Pháp Thân đại sĩ. Nếu chúng ta dùng nhân quả để luận thì hai câu kệ ấy nói lên quả báo của bậc Pháp Thân Bồ Tát. Chúng ta hãy xét quả báo của các Ngài:

Tán thủ quy lai, trùng kiểm điểm.

撒手歸來重檢點。

(*Thống tay quay về kiểm điểm lại*).

"*Tán thủ*" (thống tay) là buông xuống, thân tâm, thể giới hết thảy đều buông xuống. "*Quy lai*" (quay về) là hồi quy Tự Tánh, như Lục Tổ đại sư đã nói trong Đàn Kinh: "*Bổn lai vô nhất vật, hà xứ nhạ trần ai*" (vốn không có một vật, chỗ nào nhuộm bụi trần). Chỗ nào nhuộm bụi trần là câu trả lời của Ngài dành cho thiền sư Thần Tú, quan trọng nhất là "*vốn không có một vật*". Tất cả hết thảy hiện tượng là "duy tâm sở hiện", trong ấy không có Thức biến. Nói theo cách của chúng ta [thường nói] thì là hoàn toàn tự nhiên, trong ấy không có mảy may nào do sức người tạo tác, hoàn toàn thuộc về đại tự nhiên.

Hoa khai xích bạch dữ thanh hoàng.

華開赤白與青黃。

(Hoa chen trắng đỏ lẫn xanh vàng).

Pháp vốn là như vậy, là cảnh sắc sẵn có trong tự nhiên. Ngài Trung Phong dùng hoa sen bốn màu trong ao bảy báu để mượn chuyện này diễn tả chuyện kia, vẽ mây để gợi trăng^{11[11]}, khiến cho chúng ta từ đây hiểu được cuộc sống của bậc Pháp Thân Bồ Tát: Tùy thuận Pháp Tánh, tùy thuận tự nhiên, trong ấy chẳng thêm vào mảy may ý tưởng nào, đấy mới là trọn vẹn. Những vị Pháp Thân Bồ Tát ấy sống ở đâu? Ở đâu cũng được, trọn chẳng chướng ngại gì. Trong thế gian của chúng ta đây có Pháp Thân Bồ Tát hay chẳng? Có! Khẳng định là có. Chư Phật Như Lai và các Pháp Thân Bồ Tát ứng hóa trong thế gian này của chúng ta, mang thân phận bất định, chúng ta thực sự không thể biết được.

Trong kinh, đức Phật dạy: Những người ứng hóa trong thế gian, trai, gái, già, trẻ, đủ mọi ngành nghề, nên dùng thân phận nào để độ bèn hiện thân ấy, giống như ba mươi hai ứng thân của Quán Thế Âm Bồ Tát, hoặc [năm mươi ba vị thiện tri thức trong] năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài đồng tử trong kinh Hoa Nghiêm, không hiện thân nhất định nào, chúng ta nhìn không ra. Họ đúng là niệm niệm hạnh hạnh đều tương ứng với Pháp Tánh, tương ứng với pháp giới. Câu thứ nhất nói về Lý, câu thứ hai nói về công phu, câu ba và câu bốn luận về cảnh giới. Chư Phật, Bồ Tát, và thiền sư Trung Phong đều hy vọng chúng ta có thể niệm Phật có được một chút

11[11] Nguyên văn "*hồng vân thác nguyệt*". Đây là một cách dùng những sự kiện liên hệ để gợi ý đến sự vật ta muốn diễn tả. Từ này có ý nghĩa gốc là cách vẽ trăng trong hội họa truyền thống Trung Hoa. Để vẽ mặt trăng họ vẽ mây vờn quanh một vòng tròn hay một nửa vòng tròn. Cách vẽ ấy gọi là "*hồng vân thác nguyệt*" (đòn mây để gợi ý liên tưởng đến trăng). Tương tự, Trung Phong đại sư dùng hoa sen bốn màu để người nghe liên tưởng đến cõi Cực Lạc là liên hoa hóa thân rồi nghĩ tới hoàn cảnh sống ưu nhã trong thế giới Cực Lạc.

thành tựu, mà cũng có thể nhập vào cảnh giới này. Hãy xem phần khai thị tiếp theo:

Giáo trung đạo:

教中道。

(Trong giáo pháp đã dạy).

Đức Thế Tôn trong khi dạy dỗ đã có nói mấy câu như sau:

Duy tâm Phật diệc nhĩ, duy Phật chúng sanh nhiên. Tâm, Phật, cập chúng sanh, thị tam vô sai biệt.

惟心佛亦爾。惟佛眾生然。心佛及眾生。是三無差別。

(Luận về tâm, Phật cũng thế; luận về Phật, chúng sanh cũng thế. Tâm, Phật và chúng sanh là ba thứ không sai biệt).

Bài kệ đầu tiên rất quan trọng, giảng: Tâm, Phật và chúng sanh là một nhưng mà ba, tuy ba nhưng là một. Chúng ta thường thấy cổ đại đức dẫn dụng "tâm, Phật, chúng sanh, ba điều này không sai biệt", nguyên văn giống như ở đây. Tâm là Thể. "Duy tâm Phật diệc nhĩ": Tâm là Thể, Phật là giác tướng. Quý vị đối với tâm bèn giác chứ không mê thì gọi là Phật. "Duy Phật chúng sanh nhiên": Chúng sanh mê nơi tướng, Phật là giác, quý vị mê chứ không giác, nên gọi là chúng sanh. Chứ trên thực tế, "tâm, Phật, cập chúng sanh, thị tam vô sai biệt" (tâm, Phật và chúng sanh là ba thứ không sai biệt). Vì sao? Cái Thể của giác hay mê trọn chẳng thể được, giác hay mê là từ duyên sanh. Phàm những pháp nào là duyên sanh thì đều không có Tự Thể, duyên sanh vô tánh. Tánh ấy chính là Tự Thể.

Vì thế, mê thì gọi là vọng, chẳng gọi là chân. Chân là như thế nào? Chân phải có Thể, có Tự Thể. Không có Tự Thể thì là vọng, hư vọng, không phải là chân thật. Vì thế, trong kinh Kim Cang giảng về thế giới như sau: "Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng, huyễn, bào, ảnh" (hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng). Kinh lại còn giảng minh bạch: "Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng" (Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng). Vì sao? Duyên sanh mà! Kinh Đại Thừa thường nói: "Duyên khởi tánh Không", tánh Không là chẳng có tự tánh, cho nên không sai biệt, là một. Chỉ là mê hay ngộ sai khác, ngoại trừ mê hay ngộ ra, về căn bản không có sai biệt. Ở đây quan trọng nhất là tâm, "nhược nhân thức đắc tâm, đại địa vô thốn thổ" (nếu ai biết được tâm, đại địa không tắc đất). Tâm là gì? Tâm rất quan trọng. Dưới đây, thiền sư Trung Phong khai thị cho chúng ta:

Sở vị tâm giả, tâm hữu đa chủng, viết: Nhục đoàn tâm, nãi hiện tại thân trung, phụ mẫu huyết khí sở sanh giả thị.

所謂心者。心有多種。曰肉團心。乃現在身中。父母血氣所生者是。

(Nói đến tâm thì tâm có nhiều thứ, như: Nhục đoàn tâm (quả tim thịt) [tức quả tim] hiện đang ở trong cái thân do huyết khí cha mẹ sanh ra chính là cái tâm ấy).

Đây là cái tâm như mọi người chúng ta thường nói. Cái tâm mà chúng ta thường nhắc đến là gì vậy? Chính là một khí quan (cơ quan) trong thân thể chúng ta tức tâm tạng (tim). Quý vị thấy người thể gian nói đến tâm thường vỗ ngực: Tâm ta đây! Cái tâm ấy không có công dụng chi cả! Phật pháp nói đến tâm thì cái tâm ấy phải linh minh giác tri. Loại thứ hai là:

Viết Duyên Lự Tâm, tức hiện kim thiện ác thuận nghịch cảnh giới thượng chủng chủng phân biệt giả thị.

曰緣慮心。即現今善惡順逆境界上種種分別者是。

(Hoặc Duyên Lự Tâm, tức cái tâm nay đang phân biệt mọi thứ cảnh giới thiện - ác, thuận - nghịch vậy).

Chúng ta chú tâm quan sát phàm phu trong thế gian, ai chẳng nghĩ thân mình chính là Ngã? Ấy là mê rất nặng, đúng là phàm phu. Hạng người thông minh bậc nhất biết thân không phải là Ngã. Triết học gia Tây phương bảo: "Tôi tư duy nên tôi tồn tại"^{12[12]}. Ngã là gì? Ngã là cái có thể suy nghĩ, có thể tưởng tượng, có thể phân biệt đúng - sai, thiện - ác, cho đó là Ngã, cho đó là tâm ta. Trong hội Lăng Nghiêm, tôn giả A Nan cũng cho đó là tâm. Thích Ca Mâu Ni Phật hết sức cao minh, hỏi vặn: "Ông nói ông có cái tâm, không cần biết là chân tâm hay vọng tâm, cái tâm ấy ở chỗ nào?" Ngài A Nan cũng thật thông minh, nói ra bảy chỗ. Chúng ta không thể tìm ra bảy chỗ, Ngài tìm được bảy chỗ, Ngài cao minh hơn chúng ta nhiều lắm! Bảy chỗ ấy đều bị đức Thế Tôn bác hết!

Nói thật ra, những cái tâm mà ngài A Nan đã nói đều là Duyên Lự Tâm. Duyên Lự Tâm là vọng tâm, tức là tám thức, năm mươi một Tâm Sở. Duyên Lự Tâm, nói thật ra, cũng tìm không được. Nó ở chỗ nào? Giống hệt chân tâm, chân tâm bị mê thì gọi là Duyên Lự Tâm. Giác ngộ thì gọi là Linh Tri Tâm. Linh Tri Tâm là Phật, Duyên Lự Tâm là phàm phu, là chúng sanh.

^{12[12]} Đây là một câu nói nổi tiếng của René Descartes: "Je pense donc je suis". Đây là cách nói rút gọn của nguyên văn câu nói bằng tiếng Latin của Descartes: "Dubito ergo cogito ergo sum" (Tôi nghi ngờ, như vậy là tôi suy nghĩ, do đó, tôi tồn tại). René Descartes (1596-1650) là một nhà triết học Pháp, nhưng sống phần lớn tại Hà Lan và mất tại Stockholm, Thụy Điển. Quan điểm triết học của ông ta thường gọi là Rationalism (Duy Lý).

Chúng sanh và Phật sai khác ở chỗ này: Một đẳng giác, một đẳng mê. Tác dụng của mê cũng rất lớn, cũng chẳng thể nghĩ bàn. Quý vị thấy mê rồi sẽ biến thành gì? Biến thành mười pháp giới. Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới do mê biến hiện. Hoàn toàn mê rồi, không giác ngộ, sẽ biến thành lục đạo. Trong mê bắt đầu giác ngộ bèn thành bốn thánh pháp giới Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật. [Nói tới] Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật thì Phật ấy chính là Phật trong mười pháp giới. Thiên Thai đại sư gọi [địa vị trong mười pháp giới ấy] là Tương Tự Tức Phật, vẫn chưa phải thực sự là Phật, chỉ gần giống Phật. Chúng ta chẳng thể không biết điều này.

Tâm không có xứ sở, quý vị nói tâm ở trong thân, ở ngoài thân, nói ở chỗ nào cũng chẳng thể thành lập. Kinh Lăng Nghiêm giảng rất nhiều, nói thật ra cũng chẳng dễ hiểu gì. Chúng tôi dùng tỷ dụ để diễn tả: Hiện thời mọi người đối với cái màn huỳnh quang, bất luận là màn hình của máy computer hay là màn hình TV [rất quen thuộc], tâm là gì? Tâm chính là màn hình. Nó có thể hiện, có thể biến (năng hiện năng biến), còn những cái được biến, (sở hiện sở biến) được hiện là những sắc tướng. Quý vị hãy nghĩ thử xem: Những sắc tướng ấy có sắc tướng nào rời khỏi cái màn huỳnh quang hay không? Màn huỳnh quang chính là cái tâm có thể hiện, có thể biến, không thể tách rời được! Vì thế, quý vị chẳng thể nói là nó ở bên trong, cũng chẳng thể nói là ở bên ngoài, vì sao? Không chỗ nào chẳng tồn tại. Vì thế, nếu quý vị hiểu được, triệt để thấu hiểu thì quý vị nói là bên trong, hay nói là bên ngoài, nói sao cũng đúng, đều không sai. Còn nếu quý vị không biết thì suy lường ở đâu cũng trật, suy xét như thế nào cũng đều sai.

Bởi vậy, đối với người giác ngộ, chỗ nào cũng đúng, còn người chưa giác ngộ, chỗ nào cũng trật, đều là hiện tượng được sanh ra. Phật khác với Bồ Tát ở chỗ này. Đối với hết thảy chân tướng sự thật này: Cái có thể hiện có thể biến và những cái được hiện được biến, Phật đều hiểu rõ ràng thấu suốt, không mê hoặc chút xíu nào. Phàm phu chúng ta đối với cái có thể hiện có thể biến và cái được hiện được biến hoàn toàn không biết. Đây chính là chỗ sai khác giữa mê và ngộ. Nơi tướng được hiện không có sai biệt! Giống như chúng ta nhìn vào những sắc tướng hiện ra nơi màn huỳnh quang, ảnh tượng được hiện không có sai biệt, nhưng lúc mỗi một cá nhân chúng ta nhìn vào mỗi người sẽ cảm nhận sai khác.

Trưa hôm qua, dùng cơm xong, cư sĩ Chung Mậu Sâm lại yêu cầu tôi giảng mấy câu. Nói thật ra, tôi đã từng giảng quá nhiều rồi, mỗi ngày giảng bốn giờ. Ông ta yêu cầu ba lượt, tôi chẳng thể không giảng mấy câu, quý vị thấy tôi nói mấy câu, ông ta cảm động ứa nước mắt, mọi người đều trông thấy. Bao nhiêu người cùng nghe tôi nói những lời ấy, có người nghe xong

không cảm thấy gì hết, có người nghe xong cảm động ứa nước mắt. Mỗi một người nghe thấy cảm xúc khác nhau, là vì nguyên nhân gì vậy? Mê hay ngộ khác nhau. Có người mê quá sâu, có người mê rất cạn, có người ngộ rất sâu, có người ngộ rất cạn. Vì thế, sáu căn của chúng ta tiếp xúc với cảnh giới sáu trần bên ngoài, mỗi người cảm nhận hoàn toàn khác nhau.

Trong phần trên, thiền sư Trung Phong đã nói một bài kệ, chính là niệm Phật đến nơi đến chốn, niệm Phật đạt đến cảnh giới Lý nhất tâm bất loạn. Chúng ta đọc bài kệ ấy, chẳng biết Ngài nói gì! Vì sao? Chẳng phải là cảnh giới của chúng ta! Nếu chúng ta niệm Phật có công phu khá khá, gần với cảnh giới của Ngài, sẽ có cảm thọ khác hẳn. Như vậy, đây là Duyên Lự Tâm, đây là vọng tâm, chỉ do Thức biến. Tiếp theo đó, Ngài lại giảng:

Viết Linh Tri Tâm.

曰靈知心。

(Là Linh Tri Tâm).

Linh Tri Tâm là chân tâm. Chân tâm có thể hiện, cái được chân tâm hiện chính là Nhất Chân pháp giới, thế giới Cực Lạc, thế giới Hoa Tạng. Ấy chính là "*phong cảnh sẵn có chẳng bị biến dạng máy may*", chẳng bị biến đổi tí ti nào, cảnh sắc sẵn có tốt đẹp đến cùng cực. Vì sao biến thành mười pháp giới? Vì sao biến thành Sa Bà, ngũ trược ác thế? Đó là do Duyên Lự Tâm biến. Trong Duyên Lự Tâm có thiện - ác, có thuận - nghịch.

Nếu Duyên Lự Tâm (vọng tâm) của chúng ta chỉ có thiện, không có ác, chỉ tùy thuận Pháp Tánh, tuyệt đối chẳng trái nghịch Pháp Tánh thì cảnh giới được hiện sẽ là cảnh giới nào? Là cảnh giới nhân thiên, chẳng phải là Dục Giới thiên, mà là Sắc Giới thiên, Vô Sắc Giới thiên, tứ thánh pháp giới, hiện ra những cảnh giới ấy. Nếu thiện ác xen tạp, trong thuận có nghịch, trong nghịch có thuận, chẳng thuần túy thuận mà cũng chẳng hoàn toàn nghịch thì là cảnh giới phàm phu. Nếu như ác nhiều thiện ít, nghịch nhiều thiện ít (thuận là tùy thuận Pháp Tánh, tùy thuận sự giáo huấn của Phật, Bồ Tát), quý vị không chịu tùy thuận sự giáo huấn của Phật, Bồ Tát, mà tùy thuận phiền não tập khí của chính mình, ác nhiều, thiện ít, sẽ hiện ra cảnh giới nào? Địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, cảnh giới tam đồ!

Như vậy, quý vị phải hiểu: Tam đồ lục đạo đều do Duyên Lự Tâm biến hiện, thế nhưng tướng được hiện là do Linh Tri Tâm biến hiện. Duyên Lự Tâm bóp méo những tướng được hiện ấy, biến hoại những tướng ấy. Vì thế, quý vị đừng nên dùng Duyên Lự Tâm nữa! Ai có thể không dùng tâm này? Chư Phật Như Lai không dùng tâm này, Pháp Thân Bồ Tát cũng chẳng dùng tâm này. Pháp Thân Bồ Tát chuyển tám Thức thành bốn Trí, không dùng

tâm này nữa. Do đó, họ trở về với bản lai diện mục, cái thiện vốn sẵn có sẽ hiện tiền. Nho gia nói "*nhân chi sơ, tánh bổn thiện*" (con người thoát đầu tánh vốn lành), bổn thiện sẽ hiện tiền. Bổn thiện là gì vậy? Bổn thiện là Nhất Chân pháp giới, bổn thiện là thế giới Cực Lạc, bổn thiện là thế giới Hoa Tạng.

Linh Tri Tâm là công năng của chân tâm, là năng lực sẵn có của nó, nó bất sanh, bất diệt, không đến, không đi, không thường, không đoạn, không phải có, chẳng phải không. Nó ở đâu? Trọn khắp pháp giới, hư không giới, ngay cả hư không cũng do nó sanh ra, đều là duy tâm sở hiện, do tâm Linh Tri hiện. Bởi vậy, Thể của hết thảy vạn sự vạn vật (có thể hiện, có thể sanh) là Linh Tri Tâm. Những vật được hiện bởi nó quyết định chẳng mất tánh năng, chẳng bị mất đi. Cổ nhân nêu tỷ dụ: "*Dĩ kim tác khí, khí khí giai kim*" (dùng vàng làm đồ vật, món nào cũng là vàng). Chúng ta lấy vàng ròng làm đồ vật, nếu nay quý vị đến viếng những tiệm bán châu báu, coi những đồ châu báu được sản xuất bởi những công ty lớn, họ có phòng Triển Lãm, chúng tôi từng đến xem một lần, quy mô kể ra không nhỏ. Hai ba vạn loại, mỗi một loại đều khác nhau, đúng là lóng lánh chói mắt, đẹp không thể diễn tả được. Xem khắp hết cả xong, nói thật ra, chỉ có một chữ mà thôi: "Vàng"! Toàn là đồ do vàng ròng chế thành, không một món nào mất đi bản chất của vàng ròng.

Chúng ta hiểu hư không, pháp giới, cõi nước, chúng sanh đều do Linh Tri Tâm biến hiện ra, Linh Tri Tâm giống như vàng ròng. Vạn sự vạn pháp trong thế gian giống như những thành phẩm chế từ vàng ròng, chẳng mất đi tánh năng của vàng. Tánh năng của nó là gì? Linh tri! Cư sĩ Giang Bổn Thăng làm thí nghiệm nước kết tinh, đã nhận thấy nước biết nghe, biết thấy, lạ lùng quá! Lạ lùng ở chỗ nào? Chẳng lạ lùng tí xiu nào! Thể tánh của nước là linh tri. Trong các kinh Đại Thừa, đức Phật thường gọi Linh Tri là "thấy - nghe - hay - biết", thấy - nghe - hay - biết là tánh năng của Chân Như Bản Tánh. Tánh năng ấy vốn sẵn có, không phải từ bên ngoài mà có, thấy - nghe - hay - biết là tánh năng của Chân Như Bản Tánh. Tánh năng ấy vốn sẵn có, chẳng do từ bên ngoài mà có, cho nên tất cả hết thảy vạn sự vạn vật được biến hiện đều có thể thấy - nghe - hay - biết. Nhờ nước, tức là qua thí nghiệm kết tinh nước, ta đã thấy được điều ấy, rồi lại mở rộng ra, dùng cơm, cũng đem cơm làm thí nghiệm. Quả thật nó có thể thấy - nghe - hay - biết. Tại Đài Loan, các học sinh tiểu học lấy bánh mận đầu làm thí nghiệm, cũng nhận thấy mận đầu cũng có khả năng thấy - nghe - hay - biết. Chúng nó dùng táo, dùng chuối, dùng trái cây hay ăn thường ngày, rồi lại dùng những loại cây Bồn Tài (Bonsai), những thực vật nhỏ, gởi đến chúng những thông điệp, chúng đều thấy - nghe - hay - biết, [những người

làm thí nghiệm] cảm thấy thật chẳng thể nghĩ bàn. Thật ra trong kinh Phật từ ba ngàn năm trước đã nói rõ ràng những chuyện ấy rồi.

Vì thế, chúng tôi mong mọi những thí nghiệm ấy được mở rộng hơn nữa, thí nghiệm trên khoáng vật. Nước vốn là khoáng vật, ta sẽ lại thí nghiệm trên cát, bùn. Do vì kinh Phật đã nói, lớn như thế giới, nhỏ như vi trần, "*nhất thiết nhân quả, thế giới, vi trần, nhân tâm thành Thế*" (hết thảy nhân quả, thế giới, vi trần, do tâm mà thành Thế). Tâm ấy là tâm Linh Tri, Thế đã là linh tri thì hết thảy hiện tượng được hiện, ngay cả vi trần cũng đều có đủ công năng thấy - nghe - hay - biết. Rất hy hữu, những điều ấy đã được các nhà khoa học dùng máy móc phát hiện, thực sự dò tìm được. Đối với những người học Đại Thừa chúng ta mà nói, những thí nghiệm ấy khiến cho tín tâm [của chúng ta] tăng thêm gấp bội!

Những lời đức Phật dạy rất tuyệt vời, thời ấy chưa có những thiết bị khoa học, đây là cảnh giới do chính đức Phật tự chứng, Ngài dùng phương pháp nào? Dùng Thiền Định rất sâu! Thấy thấu suốt chân tướng vũ trụ, trong kinh Phật thường gọi [chân tướng ấy] là "*Thật Tướng của các pháp*". đức Phật giảng rất thấu triệt, những điều đã được khoa học phát hiện trong hiện thời đúng là "một giọt nước của biển cả". Thế nhưng một giọt ấy đáng quý lắm, vì đủ để chứng minh câu nào do đức Phật nói ra cũng đều chân thật, đáng để chúng ta đích thân chứng nghiệm! Không phải là nghiên cứu đâu nhé! Nghiên cứu không ra đâu! Phải là tự chứng. Dùng phương pháp gì để chứng? Nhất định phải chiếu theo những phương pháp do đức Phật đã dạy chúng ta: Giới - Định - Huệ chính là tổng cương lĩnh của phương pháp tự chứng. Chúng ta không nghiêm túc học sẽ không có cách gì chứng được Thật Tướng của các pháp, Thật Tướng ấy chính là bản lai diện mục của chúng ta, chính là trí huệ đức tướng mà chúng ta sẵn có.

Vừa khế nhập được đôi chút, quý vị bèn có thể đạt được một vài lợi ích, những lợi ích ấy là gì vậy? Những điều người đời mong cầu như thông minh, trí huệ, mạnh khỏe, trường thọ, ngay cả giàu có, những điều người đời mong cầu ấy thảy đều đạt được. Trong cửa Phật có cầu ắt ứng. Đây chính là những lợi ích nhỏ nhoi nhất, chúng ta học Phật mà ngay cả lợi ích nhỏ bé nhất này cũng không đạt được thì nói đến đại lợi ích làm chi nữa? Lợi ích to lớn nhất là vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, đi làm Phật. Không có bất cứ lợi ích nào khác có thể sánh bằng lợi ích ấy. Nhà Phật coi toàn bộ phước báo, giàu có, thông minh, trí huệ, khỏe mạnh, trường thọ trong thế gian như lông gà, vỏ củ tỏi, chẳng đáng nhắc đến, thế nhưng người đời coi chúng rất quan trọng, tâm lượng hẹp hòi quá! Người học Phật chúng ta chẳng nên lưu ý những thứ này, người học Phật chúng ta nên lưu ý điều gì? Đoạn phiền não, mở mang trí huệ, cầu vãng sanh, thành Phật đạo. Trong tầm mắt của chúng ta, hãy nên đặt mục tiêu nơi những điều này Chân tâm

này có thể hiện, quyết định là có. Không có nó thì vạn vật do đâu mà có? Ở đây, đại sư hình dung Linh Tri Tâm như thế này:

Thị hỗn thiên sai nhi bất loạn, lịch tam tế dĩ mị thiên.

是混千差而不亂。歷三際以靡遷。

(Chứa đựng ngàn thứ sai khác nhưng chẳng loạn, trải khắp ba đời nhưng chẳng đổi dời).

“Hỗn” (混) nghĩa là gì? Là dung hợp, chứa đựng lẫn nhau. Quý vị thấy y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới và hết thảy chúng sanh (đặc biệt là lục đạo chúng sanh, chúng sanh trong tam đồ) dồn lại một chỗ, nhưng không loạn. Chẳng bị nhiễu loạn tí xú nào, vẫn là linh minh giác tri, vẫn là có thấy - nghe - hay - biết, có thể thấy, có thể nghe, có thể cảm nhận, có thể biết, chẳng cảm thấy bị trở ngại mảy may gì!

Vì thế, nói đến cảnh chuyển theo tâm thì cách chuyển ra sao? Không cần nghĩ đến chuyển, chỉ cứ tu thiện tâm: Tâm thiện, hạnh thiện, chúng tôi gọi là “tư tưởng thiện, hành vi thiện”, tất cả hết thảy cảnh giới tự nhiên sẽ chuyển. Chúng ta ngày ngày mong tướng mạo của mình tốt đẹp hơn một chút, sẽ không đẹp hơn được, quý vị đang dấy vọng tưởng, hể vọng tưởng thì làm sao chuyển biến tướng mạo thành tốt hơn cho được! Tướng chuyển theo tâm, tâm thiện, tướng mạo sẽ tốt lành. Tâm ác tướng mạo ác. Tâm từ bi tướng mạo bèn từ bi. Tâm có trí huệ, bèn có tướng thông minh, trí huệ, đạo lý là như thế đó! Vì thế, không cần quan tâm đến tướng mạo, không cần quan tâm đến thân thể của chúng ta, cần quan tâm nhất là gì? Khởi tâm động niệm. Tâm phải thiện, tư tưởng phải thiện, hành vi phải thiện, niệm niệm nghĩ lợi ích chúng sanh, lợi ích xã hội, quyết định chẳng được tự tư tự lợi.

Nghĩ đến tự tư tự lợi là bất thiện; tướng mạo, thể chất, hoàn cảnh sống của quý vị sẽ biến đổi càng tệ hơn, do quý vị nghĩ sai mất rồi. Vì sao? Nghĩ đến tự tư tự lợi chính là bất thiện; hoàn toàn đừng nghĩ đến mình, nhất tâm nhất ý, chúng ta là người học Phật, phải mong cầu chánh pháp tồn tại lâu dài, giác ngộ chúng sanh, lợi lạc hữu tình, mong cho hết thảy chúng sanh đều có thể quay đầu, đều có thể tiếp nhận giáo huấn của thánh hiền, quyết định chẳng tìm nhiễm danh văn, lợi dưỡng, quyết định chẳng mong cầu hưởng thụ vật chất, hết thảy tùy duyên, tùy duyên tự tại, quyết định chẳng phan duyên. Đây là nói “Linh Tri tâm chính là Pháp Tánh”. Vạn pháp do duyên sanh, Pháp Tánh chẳng sanh cùng các duyên, cũng chẳng cùng các duyên diệt. Đây chính là “*hỗn thiên sai nhi bất loạn, lịch tam tế dĩ mị thiên*”.

thiên” (dung chứa ngàn thứ sai khác nhưng không loạn, trải khắp ba đời nhưng chẳng đổi dời). “Mị thiên” là không biến đổi.

Bình nhiên độc chiếu.

炳然獨照。

(*Riêng chiếu rạng ngời*).

“Bình” (炳) có nghĩa là quang minh rạng rỡ, công năng của Linh Tri Tâm “độc chiếu”.

Trác nhĩ bất quần.

卓爾不群。

(*Đứng riêng không hòa lẫn*).

“Trác” (卓) là đứng riêng biệt, khác với Duyên. Duyên có sanh, có diệt, Linh Tri Tâm không sanh, không diệt. Duyên có mê, có ngộ, Linh Tri Tâm không mê, không ngộ.

Tại thánh bất tăng, tại phàm bất giảm.

在聖不增。在凡不減。

(*Nơi thánh chẳng tăng, nơi phàm không giảm*).

Hai câu này quan trọng lắm. “Thánh” là chư Phật Như Lai; Linh Tri Tâm của chư Phật Như Lai chẳng nhiều hơn chúng ta, chẳng lớn hơn tâm chúng ta. Chúng ta là phàm phu, cái tâm Linh Tri tức chân tâm của phàm phu chúng ta quyết chẳng ít hơn Phật chút nào, cũng chẳng khác với Phật chút nào, hoàn toàn tương đồng, là một tâm, chẳng phải là hai tâm. Trong kinh Đại Thừa, đức Phật thường nói: “Thập phương tam thế Phật, cộng đồng nhất Pháp Thân, nhất tâm, nhất trí huệ, lực vô úy diệc nhiên” (mười phương ba đời Phật cùng chung một Pháp Thân; một tâm một trí huệ, lực, vô úy cũng thế). “Lực” ở đây là mười lực thuộc quả địa Như Lai, Tứ Vô Úy hoàn toàn tương đồng. Hết thầy chúng sanh chúng ta, hiện đang là phàm phu, phàm phu là vị lai Phật, mười phương ba đời Phật, tất cả hết thầy phàm phu đều gộp vào đây. Chúng ta và Phật có cùng một tâm, tâm gì vậy? Tâm Linh Tri tương đồng.

Trong kinh điển, Linh Tri Tâm còn gọi là chân tâm, hoặc còn gọi là Chân Như, hoặc lại gọi là bốn tánh, hoặc là Phật Tánh, lại gọi là Pháp Tánh, lại còn gọi là Đệ Nhất Nghĩa, tên gọi rất nhiều. Đức Phật nói nhiều danh từ như

thế đó là có dụng ý, khiến cho chúng ta không chấp vào tướng của danh từ, liễu giải ý nghĩa này: Đừng chấp trước vào tướng của danh từ, phá chấp trước, phá phân biệt! Cốt sao nói đến một việc [ý nghĩa giống nhau là được rồi], còn cách nói thì như thế nào cũng được, có gì cứ phải nhất định nắm giữ chặt [phải nói đúng theo một cách thức nhất định]? Nhất định phải nắm giữ chặt sẽ rơi vào phân biệt, chấp trước. Do đức Phật lập ra đủ mọi cách dạy dỗ nên gọi là "*thiện xảo phương tiện*", đều nhằm giúp cho chúng ta giác ngộ.

Xử sanh tử lưu, ly châu độc chiếu vu thương hải.

處生死流。驪珠獨耀于滄海。

(Ở trong dòng sanh tử, ly châu riêng chiếu trong biển xanh).

Đây là tỷ dụ. Hiện tại, Linh Tri Tâm của chúng ta tùy thuận lục đạo luân hồi, tùy thuận lục đạo phàm phu luân hồi trong lục đạo, nó như thế nào? "*Ly châu độc chiếu vu thương hải*" (Ly châu chiếu sáng một mình trong biển xanh), chúng ta đắm chìm trong lục đạo, từ trước đến nay chưa hề rời khỏi, thế nhưng tâm ấy chẳng bị nhiễm nhiễm mảy may. Giống như viên Ly Châu, Ly (驪) là con rồng đen, cổ nhân đã nói "*thám long đắc châu*" (tìm rồng được châu), Ly Châu là viên châu quý do con rồng đen nhả ra. "*Độc chiếu vu thương hải*", thương hải (biển xanh) tỷ dụ biển khổ lục đạo. Nói cách khác, Duyên Lự Tâm trong lục đạo bị mê hoặc, bỏ thân thọ sanh, Linh Tri Tâm như như bất động, không bị khuấy nhiễu mảy may. Đây chính là "*tại phàm chẳng giảm*". Tiếp đó là câu:

Cư Niết Bàn ngạn, quế luân cô lãng vu trung thiên.

居涅槃岸。桂輪孤朗于中天。

(Ở bờ Niết Bàn, vầng quế rạng ngời một mình giữa trời).

Đây chính là "*tại thánh chẳng tăng*". "*Cư Niết Bàn ngạn*" (ở bờ Niết Bàn) là ai vậy? Chính là Pháp Thân Bồ Tát, Niết Bàn của các Ngài chứng đắc gọi là Vô Trụ Niết Bàn, đây chính là loại Niết Bàn thù thắng nhất, không trụ vào sanh tử, không trụ vào Niết Bàn, nên gọi là Vô Trụ Niết Bàn. Sanh tử lẫn Niết Bàn cả hai bên đều không trụ, cao minh! "*Quế luân*" (vầng quế), vầng quế chính là trăng tròn Trung Thu tháng Tám, trời Thu cao thẳm, khí trong lành, trăng rạng, sao thưa, trong tháng ấy trăng sáng đặc biệt, dùng hình ảnh này để tỷ dụ tâm Linh Tri. "*Quế luân cô lãng vu trung thiên*" (Vầng quế một mình rạng ngời giữa trời) vì ánh trăng sáng ngời, khuất lấp ánh sáng

các ngôi sao, trăng rạng, sao thưa, cũng chẳng bị khuấy nhiễu, "tại thánh không tăng, tại phàm chẳng giảm".

Chư Phật ngộ chi, giả danh duy tâm.

諸佛悟之。假名惟心。

(Chư Phật ngộ rồi, giả gọi là duy tâm)

Ngộ gì? Ngộ bản tánh, ngộ Chân Tâm, ngộ cái có thể hiện ra vạn pháp, ngộ những điều ấy. Có một thứ vĩnh viễn bất biến, ở đâu vậy? Trong hội Lăng Nghiêm, đức Phật dạy chúng ta: "*Lục căn môn đầu, phóng quang động địa*" (từ sáu căn phóng quang lay động cõi đất). Mắt chúng ta có thể thấy, tai có thể nghe, mũi, lưỡi, thân có thể cảm nhận, ý có thể biết, thấy - nghe - hay - biết chính là Linh Tri Tâm. Cái tâm này bất sanh bất diệt, chúng ta luân hồi trong lục đạo thế nào đi nữa, Linh Tri Tâm vĩnh viễn bất biến, không bị ảnh hưởng mảy may. Cái nào chịu ảnh hưởng? Duyên Lự Tâm, vì trong Duyên Lự Tâm có đúng - sai, có thiện - ác, có khổ - sướng. Thưa cùng quý vị: Linh Tri Tâm không có đúng - sai, không có thiện - ác, không có sướng - khổ. Đức Phật dạy chúng ta: Linh Tri Tâm ở ngay trong sáu căn.

Trong sáu căn là điều thường được nói, cổ đức thường bảo: "*Niệm thứ nhất là Chân Tâm*". Ta mở mắt ra nhìn cảnh giới bên ngoài, đó chính là tánh Thấy thấy được Sắc tánh, vì sao? Quý vị còn chưa khởi tâm động niệm. Thế nhưng cái niệm thứ hai là phiền toái rồi. Cái niệm thứ hai là khởi tâm động niệm, khởi tâm động niệm là mê hoặc, là vọng tưởng. Thuận theo vọng tưởng bèn có phân biệt, bèn có chấp trước, bèn tạo nghiệp. Tạo nghiệp đương nhiên có quả báo. Công phu của chư Phật Bồ Tát ở chỗ nào? Các Ngài vĩnh viễn giữ được cái niệm thứ nhất.

Vì thế, chúng ta thường nói, tôi cũng thường nói, nhưng chính mình chưa thể làm được! Tôi biết, tôi tận sức nỗ lực học tập: Mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, chẳng khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước. Đây là tánh Thấy nhìn, tánh Thấy nghe, tánh Thấy cảm nhận, tánh Thấy biết, sử dụng Linh Tri Tâm, chuyển Duyên Lự Tâm thành Linh Tri Tâm, chuyển tám thức thành bốn trí. Vọng tưởng là thức thứ tám, phân biệt là thức thứ sáu, chấp trước là thức thứ bảy. Không khởi tâm, không động niệm là chuyển thức thứ tám thành Đại Viên Kính Trí; không phân biệt là chuyển thức thứ sáu thành Diệu Quán Sát Trí, không chấp trước là chuyển thức thứ bảy thành Bình Đẳng Tánh Trí. Phật, Bồ Tát khác với phàm phu ở chỗ này, ở ngay chính chỗ này vậy!

"*Chư Phật ngộ chi*" (chư Phật đã ngộ): Ngộ là ngộ được chuyện này, ngộ là thấy - nghe - hay - biết, sáu căn đối với cảnh giới sáu trần không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước, đó là Ngộ. Lúc Ngộ bèn gọi là "*duy tâm*", "*giả danh duy tâm*" (giả gọi là duy tâm). Đặt cho nó cái tên như thế, chứ trên thực tế, quý vị phải hiểu: "*Danh khả danh, phi thường danh; đạo khả đạo phi thường đạo*" (cái tên mà có thể gọi ra được thì không phải là cái tên thường hằng, cái đạo mà có thể diễn tả được thì chẳng phải là đạo thường hằng). Cảnh giới thực sự chẳng thể nghĩ bàn, bất đắc dĩ phải đặt tên cho dễ nói, ngõ hầu thuận tiện trao đổi ý kiến. Dùng nó làm phương pháp, dùng thủ đoạn này, chứ không phải là mục đích, không phải là chân thật, chỉ là giả vờ đặt ra

Chúng sanh mê chi, tiện thành vọng thức.

眾生迷之。便成妄識。

(Chúng sanh mê nên thành vọng thức).

Chúng sanh đối với việc này không biết gì cả, mê như thế nào? Sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần bèn khởi tâm động niệm, bèn phân biệt chấp trước, mê rồi! Sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước, đó là Giác. Trong cảnh giới giác, sự sự vô ngại. Kinh Hoa Nghiêm nói đến Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại. Lúc mê thì quý vị bèn khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước, đâu đâu cũng bị chướng ngại, chỗ nào cũng thành chướng ngại. Chướng ngại do đâu mà có? Chướng do mê mà có, từ khởi tâm động niệm, do phân biệt, chấp trước, nên mới có những chướng ngại đó, nó gọi là "*vọng thức*". Thế nhưng quý vị phải hiểu: Tâm và Thức là một, không hai, Thức là gì vậy? Tâm bị mê gọi là Thức, nếu Thức mà ngộ thì gọi là Tâm, là một, không phải hai!

Thị dĩ Phật tức chúng sanh, chúng sanh tức Phật, thả tâm ngoại vô Phật, diệt vô chúng sanh.

是以佛即眾生。眾生即佛。且心外無佛。亦無眾生。

(Do vậy, Phật chính là chúng sanh, chúng sanh chính là Phật, nhưng ngoài tâm không Phật, cũng không có chúng sanh).

Đây chính là duy tâm sở hiện, duy thức sở biến, lìa khỏi tâm, lìa khỏi thức thì cái gì cũng không có! Đúng là không Phật, không chúng sanh, cũng chẳng có hư không, cũng chẳng có thế giới. A! Hôm nay hết giờ rồi, giảng đến đây thôi!

Trung Phong Tam Thời Hệ Niệm Pháp Sự Toàn Tập Giảng Ký, Phần 16 hết

13[1] Theo từ điển Bách Độ, “tử kim” là một loại hợp kim của vàng, đồng, sắt và kền, có màu sắc vàng hơi ánh màu tím, trông rất chói lọi, nên gọi là Tử Kim. Đây là một loại hợp kim tự nhiên, và là sản phẩm chủ yếu của Nga và Thổ Nhĩ Kỳ. Trong các thành phần của Tử Kim, lượng vàng chiếm từ 58.5% hoặc cao hơn nên Tử Kim rất quý.

14[2] Vô Già pháp hội (Pancavarsika Maha): Pháp hội thực hành tài thí và pháp thí bình đẳng, không phân biệt hiền thánh, tăng tục, sang hèn, trên dưới. “Vô Già” (còn đọc là Vô Giá) nghĩa là khoan dung, không ngăn ngại, thường được cử hành năm năm một lần. Phong tục này được bắt đầu từ thời vua A Dục (Asoka) ở Ấn Độ. Trong quá khứ, vào thời Lương, nhằm tháng 10 năm 529 cũng cử hành Tứ Bộ Vô Già Đại Hội tại chùa Đồng Thái (theo Phật Quang tự điển).

15[3] Bất Tương Ứng Hành Pháp gọi đủ là Tâm Bất Tương Ứng Hành Pháp. Chữ Tâm chỉ tám thức (tâm vương), Hành có nghĩa là dời chuyển hay tạo tác. Như vậy, Tâm Bất Tương Ứng Hành Pháp là các pháp dời chuyển, tạo tác nhưng chẳng tương ứng với Tâm. Nói cách khác, những pháp này là khái niệm trừu tượng, không thể xếp vào Sắc Pháp mà cũng chẳng thể xếp vào Tâm Pháp. Tâm Bất Tương Ứng Hành Pháp gồm 24 món: Đắc, Mạng Căn, Chúng Đồng Phận, Di Sanh Tánh, Vô Tướng Định, Diệt Tận Định, Vô Tướng Di Thực, Danh Thân, Cú Thân, Văn Thân, Sanh, Lão, Trụ, Vô Thường, Lưu Chuyển, Định Di, Tương Ứng, Thế Tốc, Thứ Đệ, Thời, Lực, Số, Hòa Hợp Tánh và Bất Hòa Hợp Tánh.

16[4] “Đăng địa” là chứng nhập từ Sơ Địa trở lên.

17[5] Tử Bất Ngữ còn có tên là Tân Tề Hải do Tùy Viên Lão Nhân Viên Mai (1716-1797) soạn vào đời Thanh, gồm 24 quyển, về sau lại còn có Tục Tập gồm 10 quyển, nổi tiếng không kém bộ Duyệt Vi Thảo Đường Bút Ký của Kỳ Hiếu Lam. Sách tập trung chép những chuyện quỷ thần quái lạ do chính Viên Mai hay bạn bè ông ta đã chứng kiến. Tên gọi Tử Bất Ngữ lấy theo ý một câu trong Luận Ngữ: “*Tử bất ngữ, quái, lực, loạn, thần*” (Khổng Tử chẳng nói tới những chuyện kỳ dị, bạo lực, động loạn, quỷ thần).

Di Kiên Chí là một tập bút ký do Hồng Mai soạn vào đời Tống từ năm cuối Thiệu Hưng (1162) đến năm Thuần Hy thứ nhất (1174). Nội dung chép tình hình sinh hoạt đời Tống, những chuyện kỳ lạ, thú vị trong thời ấy.

18[6] Ngũ luân: Năm mối quan hệ trong xã hội: Vua tôi, cha con, vợ chồng, anh em, bằng hữu. Bát đức: Hiếu, để (hòa thuận, yêu thương anh em), trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ (biết hổ thẹn).

19[7] Chi hồ giả dã: Chi, hồ, giả, dã (之乎者也) là bốn hư từ thông dụng trong Hán văn cổ để làm trợ ngữ từ. Do vậy, chúng thường được dùng để ví với những gì hư huyền, không thực tế. Làm chuyện "*chi hồ giả dã*" tức là làm chuyện phù phiếm, không thiết thực. Ở đây, đại sư có ý nói chê trách những kẻ chỉ lo đàm huyền thuyết diệu, không lo tu tập cầu được giải thoát.

20[8] Bột Hải là một phần của Thái Bình Dương, nằm giữa bán đảo Liêu Đông và bán đảo Sơn Đông. Đôi khi Bột Hải còn được gọi là vịnh Trục Lệ hay Thượng Hải (biển xanh, không phải Thượng Hải. Thượng Hải là một thành phố).

Hoàng Hải là vùng biển phía Bắc của Trung Hoa tức một phần của Thái Bình Dương nằm giữa Trung Hoa và Đại Hàn, bao gồm cả Bột Hải và vịnh Đại Hàn. Người Đại Hàn thường gọi Hoàng Hải là Tây Hải. Sở dĩ có tên là Hoàng Hải vì bão cát từ sa mạc Gobi tuôn xuống cũng như do phù sa từ Hoàng Hà khiến nước biển có sắc vàng.

Đông Hải là vùng biển Thái Bình Dương kể từ cửa sông Trường Giang cho đến eo biển Đài Loan.

Nam Hải là vùng biển kể từ phía Nam Đài Loan cho đến các nước thuộc khu vực Đông Nam Á, ta thường gọi vùng biển này là biển Đông.

21[9] Thông thường, các tự điển kể tên Ngũ Hồ là Động Đình, Bà Dương, Thái Hồ, Thanh Hải, và Hồng Trạch (liệt kê như vậy chỉ là tính theo kích thước, ở đây, Hòa Thượng chỉ kể những hồ nước ngọt lớn nhất của Trung Hoa. Thanh Hải thường được coi là biển nội địa hơn là Hồ). Sào Hồ thuộc tỉnh An Huy, thuộc địa bàn của hai địa khu Bao Hà và Cư Sào và ba huyện (Phì Đông, Phì Tây, Hồ Giang). Theo truyền thuyết, Sào Hồ là nơi quê hương của Hữu Sào Thị (một thị tộc cổ của Trung Hoa đã phát kiến ra cách kết các cành cây làm tổ để ở, rồi dần dần phát triển thành nhà sàn).

22[10] Thủy cầm: Những loài chim sống dưới nước như le le, ngỗng, vịt, uyên ương...

23[11] Nguyên văn "*hồng vân thác nguyệt*". Đây là một cách dùng những sự kiện liên hệ để gợi ý đến sự vật ta muốn diễn tả. Từ này có ý nghĩa gốc là cách vẽ trăng trong hội họa truyền thống Trung Hoa. Để vẽ mặt trăng họ vẽ mây vờn quanh một vòng tròn hay một nửa vòng tròn. Cách vẽ ấy gọi là "*hồng vân thác nguyệt*" (dồn mây để gợi ý liên tưởng đến trăng). Tương tự, Trung Phong đại sư dùng hoa sen bốn màu để người nghe liên tưởng đến cõi Cực Lạc là liên hoa hóa thân rồi nghĩ tới hoàn cảnh sống ưu nhã trong thế giới Cực Lạc.

24[12] Đây là một câu nói nổi tiếng của René Descartes: "*Je pense donc je suis*". Đây là cách nói rút gọn của nguyên văn câu nói bằng tiếng Latin của Descartes: "*Dubito ergo cogito ergo sum*" (Tôi nghi ngờ, như vậy là tôi suy nghĩ, do đó, tôi tồn tại). René Descartes (1596-1650) là một nhà triết học Pháp, nhưng sống phần lớn tại Hà Lan và mất tại Stockholm, Thụy Điển. Quan điểm triết học của ông ta thường gọi là Rationalism (Duy Lý).